Tập San

HOẰNG PHÁP

TRAU DỒI VÀ PHÁT HUY CHÁNH PHÁP

Đấu Xuân Cảm Thơ .4
Mùa Xuân – Mùa Hoằng Pháp .17
Nén Nhang Ngày Tết .21
Lời nguyện đầu năm .25
Sắc màu của chiếc lá .79

Số 28
PL.2553-DL.2010

Xuân Bình Minh

Chúc mừng năm mới!

Ngủ dậy tung song cửa
Nào hay xuân đã sang
Một đôi bươm bướm trắng
Gặp hoa, cánh vội vàng.

Trúc Lâm đại sĩ

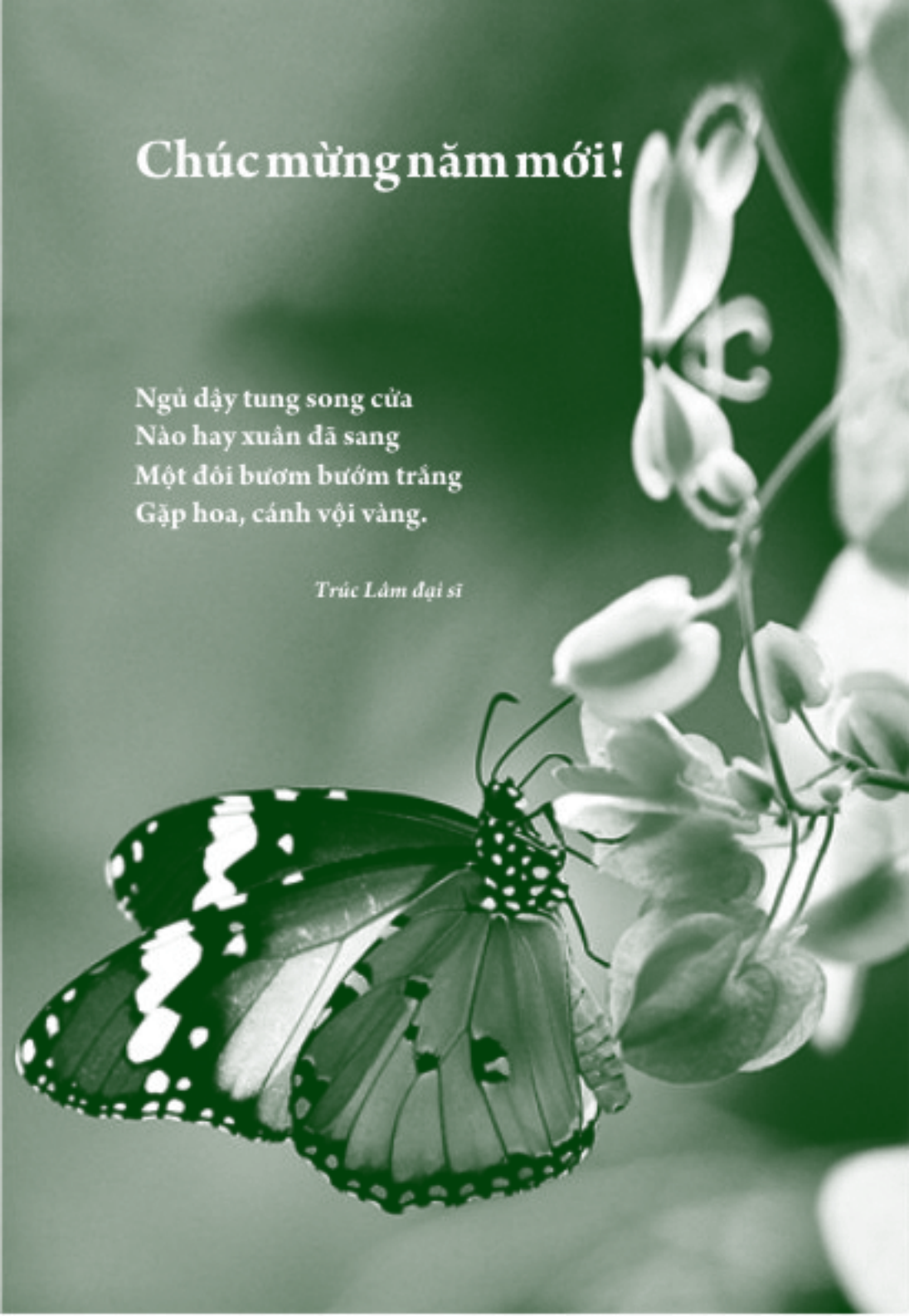

04. **Không Quán**
Ñau Xuan Cam Thô

17. **Minh Thạnh**
Mua Xuan-Mua Hoang Phap

21. **Hoàng Công Danh**
Nen Nhang Ngay Tet

25. **Nguyên Cẩn**
Lôi nguyen ñau nam

29. **Ninh Giang Thu Cúc**
Khuc Giang Xanh

30. **Thích Thái Hòa**
Löôt Song Ma Ñi

35. **Thanissaro Bhikkhu**
Nhöng Böôc Quan Hôi Thô

44. **Đặng Công Hanh**
Tö nghòch ly EPR (Einstein – Podolsky va Rosen)
ñen vu tru quan Phat hoc
trong kinh Thu Lang nghiem

61. **Thích Trí Chơn**
Chien Tranh

64 **Nguyễn Duy Nhiên**
Lam Sao Ve Ñöôc?

67. **Chiêu Hoàng-Không Quán**
Ben kia bô ho va
trang kinh co

79. **Cư sĩ Liên Hoa**
Sac mau cua chiec la

86. **Tâm Quang**
Chua Tra Am
Va Sö Nghiep Ky Vó Cua To Khai Sôn
Trông Thong Vien Thanh

94. **Nguyễn Huỳnh Mai**
Toi ñang Thô

96. **Diệu Thúy**
Cay Hoa Gao, Ngoi Thap Co,
va Thay Toi

105. **Thích Nguyên Hiệp**
Ajanta Mot Ngay Ñong

108. **Nhuận Triều Minh**
Chuong ngan vong tieng
Hai trieu

Xuân Bình Minh

Xuân Tươi Vui

Ta hãy nhìn vào những chiếc lá, những bông hoa đang hiện hữu trước mặt ta, bằng tất cả sự trầm tĩnh và lắng sâu của tâm hồn, là tức khắc ta thấy ta và toàn thể thế giới quanh ta đang cùng hiện hữu một cách sống động bên nhau.

Những chiếc lá chưa bao giờ tự nó là lá và những bông hoa cũng chưa bao giờ tự nó là hoa và nó chỉ là lá và hoa, chỉ khi nào tự thân nó biết tiếp nhận những yếu tố không phải là nó để tạo thành nó. Một chiếc lá rơi là muôn ngàn ngôi sao lấp lánh và một đóa hoa mỉm cười là toàn thể vũ trụ xôn xao!

Cũng vậy, con người chưa bao giờ hiện hữu một mình và không một đơn thể nào có mặt trong con người. Con người hiện hữu với tất cả và tất cả đang hiện hữu trong con người. Mặt trời, mặt trăng, dòng sông, núi rừng, biển cả, không khí, cỏ cây, tiếng chim hót, tiếng suối reo,… tất cả đang có mặt trong con người và cùng con người hiện hữu.

Mùa xuân của đất trời và mùa xuân của lòng người không hề hiện hữu đơn thuần, mà cộng thông và tương dung với tất cả. Con người chỉ thực sự có một mùa xuân khi ta biết bảo vệ và tôn trọng những gì chung quanh ta và không phải ta; phải biết khước từ thái độ độc tôn và bạo động để chiếm hữu đối với những gì không phải ta thì mùa xuân mới đích thực hiện hữu cho chúng ta. Vì sao? Vì tự thân mùa xuân là hòa điệu và hồn nhiên. Nên, bản chất của xuân là sáng trong, tương dung, hòa bình và an lạc. Năm Mới, xin hãy mở lòng để đón nhận, trân trọng thông điệp tình thương và hòa bình mới, những tín hiệu mới, những nguyện ước tốt đẹp, sự khát vọng của con người: dân chủ và tự do của năm Canh Dần 2010 với nụ cười ấm áp, hỷ xả.

Tết đến, Xuân về, hòa trong không khí từng bừng rộn rã với ngàn sắc hoa rực rỡ, niềm hạnh phúc ngọt ngào trên khắp mọi nhà, mọi người, Ban Biên tập Tập san Hoằng Pháp nhất tâm cầu nguyện thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc; kính chúc chư tôn thiền đức Tăng Ni, Phật tử các giới và quý độc giả vạn sự cát tường trong tình yêu thương của Mùa Xuân bất tận.

Xuân Mới Canh Dần
Ban Biên Tập

Đầu Xuân Cảm Thơ

Không Quán

Mùa xuân và thi hứng trong ánh sáng của đạo

Xuân đã trở về trong bầu không khí.

Mùa xuân mang lại những niềm vui, những kỷ niệm êm đềm. Mùa xuân là những lúc chúng ta sống lại với những truyền thống cổ truyền, nhớ đến những tục lệ thật đẹp của dân tộc, và nhất là dịp để chúng ta tưởng nhớ đến đức từ phụ, ôn lại những giáo pháp đức Bổn sư đã để lại thế gian, nhắn nhủ lại trong tâm chúng ta về bản chất của kiếp người trong cõi ta bà, vốn mang đầy những nghịch tính phi lý, để hướng tâm ta về con đường tâm linh ngay trong ngày đầu năm.

Ở trong truyền thống của dân tộc đó, để tạo lại bầu không khí xuân trong tâm, ngày đầu xuân với một phong cách trân trọng, chúng ta thường viết bài khai bút đầu xuân…

Với nỗi lòng yêu quý đến thơ, bài khai bút đầu tiên mỗi năm của tôi là một bài thơ. Nhưng năm nay thì tôi lại có cảm hứng để viết về những cảm xúc từ thơ: *Đầu Xuân Cảm Thơ.*

Thơ. Chỉ một chữ thơ cũng đã gợi trong tôi bao nhiêu kỷ niệm buồn vui trong đời. Cả đời tôi gắn liền đến thơ. Thơ từ trong tiếng mẹ ru êm đềm ấm áp, đến những bài thơ hùng tráng của lịch sử dân

tộc như bài thơ Nam Quốc Sơn Hà của Lý Thường Kiệt, chí đến những bài thơ sâu sắc lãng mạn của thời Đường, của thời tiền chiến và hậu chiến…

Với tôi, thơ là cả một nỗi lòng[1]:

Thơ là những tiếng thở dài…
Nỗi niềm tâm sự trút ra bên ngoài.
Theo ngòi bút, tựa mây bay.
Tâm hồn, giấy trắng trinh nguyên, phơi bày…

Ngòi bút mềm mại trơn tru, tâm ý cũng trào lên như một giòng suối mát xoa dịu tâm hồn của người viết và người đọc.

Thơ còn là kỷ niệm, những kỷ niệm êm đềm thích thú để lại những lúc hồi tưởng và mỉm cười một mình, giống như một người điên, chỉ sống trong thế giới riêng tư của người thi sĩ với những thời điểm và không gian hoàn toàn tách biệt ra khỏi thế giới bên ngoài, đi vào thế giới của cõi thơ, cõi sương mù, cõi sa mù… nỗi quạnh hiu trong thơ và trong tâm hồn người viết.

Chỉ còn một mình… nhìn vào mình. Niềm cô đơn đối diện với niềm cô đơn!!!

Quạnh hiu

Mù sương khói phủ lòng hiu quạnh
Bên đời em có nhớ tình ta
Trầm hương, thơm những ngày yêu dấu
Một sáng mai thầm gọi sa bà…

Bên dòng nước chảy, bên giòng đời
Tháng ngày phủ xóa nỗi đơn côi
Trầm hương, thơm những ngày yêu dấu
Bụi hồng rơi xuống lấp chia phôi

1 Những bài thơ và câu thơ trong bài viết không ghi tên tác giả là của Không Quán.

Mù sương khói sóng tỏa miên man
Ôm nỗi phong trần của thế gian
Quạnh hiu nỗi nhớ ngày yêu dấu
Bên đời nhân thế vẫn mang mang…

Đầu xuân cảm đến thơ. Nhưng thơ là cả một nỗi buồn mang mang của nhân thế. Một nỗi sầu vạn cổ, với tất cả những phi lý và nghịch lý của thế gian để rồi sau cùng hết, lại đưa tâm của con người đi tìm về con đường đạo.

Từ cảm được nỗi buồn của thơ, người thi sĩ mới khởi hành trên con đường tìm về tâm linh vĩnh cửu.

Và khi khởi hành thì đó chính là ánh sáng ló dạng của buổi bình minh với mặt trời mùa xuân…

Cảm xúc về thi văn

Thơ là những tiếng thở dài …
Nỗi niềm tâm sự trút ra bên ngoài.

Một lần tôi đọc trên một tạp chí văn học đăng bài luận về "Thơ hài cú và tân hài cú" của thi sĩ Ngu Yên. Bài viết này gây ấn tượng rất mạnh trong đầu tôi bởi vì dù là một bài văn xuôi, nhưng khi đọc lên, tôi thấy được hết tất cả những chất thơ ở bên trong.

Trích (lâu ngày nên trí nhớ già nua và có thể thiếu sót):

Bên giòng sông theo nước chảy lặng lờ. Sương mù rơi cảnh chiều đẹp như mơ. Cạnh cầu gỗ thi sĩ chìm trầm lặng, nghe thiên nhiên hòa điệu. Tình cờ: Tiếng con ếch nhảy xuống nước –"bõm". Xuất thần thi sĩ phóng bút thơ.

Giòng sông xuôi trong giòng nước chảy. Lòng sông chở muôn lẽ diệu huyền. Tiến hóa đương nhiên ếch về nước. Động lòng người cảm lý ngẫu nhiên. Vài thế kỷ sau chung cảnh cũ, cũng

giòng sông chảy cũng sương mờ. Nhưng chiếc cầu sắt thay cầu gỗ. Tiếng ếch chìm vào tiếng động cơ. Qua cầu thiếu nữ khua gót mạnh, vội vã chiếm đời những bước mau. Thi sĩ vẫn hồn thơ hài cú, nghe thấm hương tình thơm chiêm bao…

Ngưng trích.

Thật tình, khi đọc qua đoạn văn xuôi này, tôi thấy tâm hồn xao xuyến một cách kỳ lạ. Bởi vì thật quả là có một cái chất thơ bàng bạc ở trong những lời văn này. Đọc đi đọc lại nghiền ngẫm. Mãi một lúc sau chợt nhận ra: đó không phải là văn xuôi mà là thơ, lời văn êm tai, có vần điệu của những câu thơ. Tôi đọc lại thêm lần nữa, từng câu, theo dõi từng dấu chấm, dấu phẩy, rồi rút lại tôi xếp nguyên bài văn xuôi thành các ngắt câu và xuống hàng lại để thấy quả thật đó là bài thơ dưới hình thức của một bài văn xuôi…

Thử sắp lại các câu:

……
Bên giòng sông theo nước chảy lặng lờ.
Sương mù rơi cảnh chiều đẹp như mơ.
Cạnh cầu gỗ thi sĩ chìm trầm lặng,
Nghe thiên nhiên hòa điệu. Tình cờ:
Tiếng con ếch nhảy xuống nước –"bõm"
Xuất thần thi sĩ phóng bút thơ.

Giòng sông xuôi trong giòng nước chảy.
Lòng sông chở muôn lẽ diệu huyền.
Tiến hóa đương nhiên ếch về nước.
Động lòng người cảm lý ngẫu nhiên.

Vài thế kỷ sau chung cảnh cũ,
Cũng giòng sông chảy cũng sương mờ.
Nhưng chiếc cầu sắt thay cầu gỗ.

Tiếng ếch chìm vào tiếng động cơ.

Qua cầu thiếu nữ khua gót mạnh,
Vội vã chiếm đời những bước mau.
Thi sĩ vẫn hồn thơ hài cú,
Nghe thấm hương tình thơm chiêm bao…

Ngu Yên

Bài thơ có vần điệu, trữ tình và có nhạc tính. Tôi không khỏi mỉm cười khi nghĩ đến đây: quả là ông thi sĩ đã làm tôi nhầm lẫn tưởng đó là bài văn xuôi. Không phải thế đâu. Ông đã làm bài trường thi cảm tác về hài cú và tân hài cú…

Kể từ khi đọc bài văn xuôi đó đến nay, tôi đâm ra… bâng khuâng hay nghĩ đến thơ và các vần điệu, và như là một sự ám ảnh, mỗi lần tôi đọc một bài văn nào của ai, và nhất là của thi sĩ Ngu Yên thì tôi đâm ra nghi ngờ, xem xét kỹ lưỡng đi lại các chấm câu, dấu phẩy và xuống hàng để xem là có phải là thơ hay không.

Tôi đi tìm kiếm chất thơ trong các bài văn, đôi khi đọc đi đọc lại mãi một đoạn văn xuôi và tâm thức ngơ ngẩn …

Thơ hay là văn?
Thiền trong thi văn

Thơ là những tiếng thở dài…
Nỗi niềm tâm sự trút ra bên ngoài.
Tiếng con ếch nhảy xuống nước –"bõm"

Câu này liên hệ đến nhà thi sĩ hài cú nổi tiếng ở Nhật Bản vào thời các sứ quân chia cắt nước Nhật và các kiếm sĩ (samourai). Thiền sư Ba Tiêu nguyên chữ là Matsuo Basho *(Tùng Vĩ Ba Tiêu, 1644-1694, nhưng tên thật là Tông Phòng, hiệu là Haseo)*, vốn là

một kiếm sĩ đầu quân dưới trướng của một vị sứ quân thời đó tên là Mạc Phủ Đức Xuyên. Mặc dù rất được trọng vọng, ông chán ngán chuyện công danh và từ chức, đi lang thang và sống nghèo nàn với quần áo rách nát. Ông đi hành cước từ Bắc chí Nam để tìm về đạo và tìm ý thơ, sáng tác thi kệ và thành lập trường phái hài cú của riêng mình.

Biệt hiệu Ba Tiêu của ông vốn khởi sinh ra từ câu chuyện đời ông như sau:

> *Trên đường đi hành cước, một đêm ông lưu lại ngủ trong một căn nhà lá nhỏ.*
> *Trong đêm khuya cô đơn, tiếng mưa rơi rả rích, ông ngồi một mình đối diện với niềm cô đơn, tịch mịch. Chung quanh chỉ là đồng không mông quạnh. Nhà thơ cảm nhận niềm im lặng tuyệt vời ở chung quanh. Ông nghe tiếng mưa rơi trên tàu lá chuối ngoài sân.* ***Tiếng kêu lộp độp âm vang trong màn đêm khuya cô tịch, đột nhiên ông cảm nhận sự viên dung của mọi sự vật, của vạn pháp đang hòa nhập vào nhau như một màn lưới trùng trùng điệp điệp.*** *Trước sự cảm xúc đó, ông nhập hồn vào cây chuối tiêu đang tắm mình, hòa điệu trong cơn mưa, từ đó lấy biệt hiệu của mình là chuối tiêu, "Ba Tiêu, Basho", và lập một am tu tên là Ba Tiêu Am ở vùng Thâm Xuyên, Giang Hộ để ẩn cư.*

Chúng ta biết, nhà thơ Bạch Cư Dị (白居易, 772-846) thời Đường cũng trong một khung cảnh tương tợ như thế, đã làm bài thơ Dạ Vũ:

夜雨
早蛩啼複歇
殘燈滅又明
隔窗知夜雨
芭蕉先有聲

Dạ vũ

Tảo cung đề phục yết
Tàn đăng diệt hựu minh
Cách song tri dạ vũ
Ba tiêu tiên hữu thanh.

Bạch Cư Dị

Dịch:

Mưa đêm

Tàn đêm tiếng dế lại ngừng
Bấc khô đèn lụi lại bừng sáng lên
Ngoài song mưa nhỏ tiếng đêm
Chuối tiêu phát tiếng đầu tiên vọng vào.

Thi sĩ Ba Tiêu sau cùng đã học thiền với hòa thượng Phật Đảnh. Từ đó mà khởi sinh ra câu chuyện thiền thi vị và bất hủ liên hệ đến câu thơ đã nói ở trên như sau:

Bõm.

Hòa thượng Phật Đảnh nghe nói đệ tử là Ba Tiêu (cũng là thi sĩ Ba Tiêu) đã khai ngộ bèn đến thăm và thử vị đệ tử này. Vừa tới nơi liền hỏi:

- Gần đây có chuyện gì hay chăng?
- Mưa xuống rêu xanh tươi.
Hòa thượng Phật Đảnh hỏi tới:
- Khi rêu chưa xanh, Phật pháp thế nào?

Ba Tiêu trả lời bằng một bài hài cú:

Ao cũ lặng yên
Ếch nhảy vào

Bõm!
Tiếng thở dài trong thi văn

Thơ là những tiếng thở dài…
Nỗi niềm tâm sự trút ra bên ngoài.

Là thơ hay là văn?

Khi đọc bài văn xuôi Tân Hài Cú xong, tôi quên hết tất cả những sự giải thích, phân tích sự liên hệ về thơ hài cú và tân hài cú của thi sĩ Ngu Yên. Trong tâm của tôi chỉ còn âm hưởng mạnh mẽ của những cảm tính âm nhạc và vần điệu của những câu thơ. Những âm điệu thật là trữ tình và dễ thương thích thú.

Một lần có một nhà thơ đã hỏi tôi:

"Theo em thì tiếng nói của loài người phát xuất từ đâu?"
Và tôi đã trả lời không ngần ngại:
"Xuất phát từ những sự xúc cảm thâm sâu từ trái tim của con người."
Và để thuyết minh cho điều đó, tôi đã đưa ra một thí dụ là khi con người quá đau khổ trước một biến cố nào của cuộc đời, như khi người thân yêu vĩnh viễn ra đi khỏi cõi đời này. Hoặc giả như là khi đứng trước thảm cảnh sóng biển cướp đi mạng sống của người thương yêu, con người bất lực trước hoàn cảnh đó còn biết làm gì hơn là thốt lên một tiếng kêu gào của sự đau thương, như những

người thời thượng cổ chưa biết nói, chỉ lặng câm mà phát ra những âm thanh kêu la… diễn tả lòng thương đau vô hạn.

Cũng có khi đau đớn phẫn hận quá thì chỉ thốt lên một tiếng thở dài não nuột thấu đến nhân tâm và ngay cả đến các loài hữu tình khác.

Thơ là những tiếng thở dài ...

Nói về tiếng thở dài trong lịch sử nhân loại, có lẽ chưa có tiếng thở dài nào mà lại não nuột ai oán hơn tiếng thở dài của Thái tử Đan người nước Yên khi bị vua Tần cầm tù.

Chuyện kể như sau:

*Vào thời **Đông Chu Liệt Quốc**, Thái tử Đan nước Yên bị vua cha đưa sang làm con tin ở Tần để giữ cho nước Yên tránh không bị Tần Thủy Hoàng mang quân đánh chiếm. Vua Tần bèn cầm tù giam lỏng thái tử Đan tại quán xá không cho về lại nước Yên.*

Lúc đó vì thấy Tần cử đại binh mã đánh nước Triệu, Thái tử Đan biết tai họa sẽ lây đến nước Yên, bèn ngầm sai người đưa thư cho vua Yên bảo nên phòng bị việc chiến tranh; lại bảo vua Yên nói dối có bệnh, sai sứ giả sang đón thái tử về nước. Vua Yên làm theo kế. Sứ giả đến Tần, vua Tần nói:
- Vua Yên chưa chết, thì thái tử chưa về được. Muốn cho thái tử về, trừ phi bao giờ đầu quạ bạc trắng, ngựa mọc sừng mới được!

Thái tử Đan phẫn uất đầy lòng, bỏ ra ngoài quán xá ngửa mặt lên trời thở dài và kêu to lên một tiếng. ***Hơi thở phát thành một cầu vồng mang luồng oán khí xông thẳng lên mấy tầng mây. Lúc ấy, có đàn quạ bay ngang trời, hơi thở dài và luồng oán khí bay lên đàn quạ làm cho lông đầu của chúng bỗng trở thành bạc trắng.*** *Thế mà vua Tần vẫn không tha cho về…*

Trong thi văn cũng còn nhiều những tiếng thở dài khác chuyên chở nỗi lòng của nhân thế.

Như tình trường thế nhân,
Bên nhau, tình xa vời vợi,
Xa nhau, nhớ thương vô vàn…

Như tất cả những nghịch lý của cõi trần ai, những phi lý của cõi thế gian.

Thế gian là chốn bụi hồng, nó luôn rơi những bụi trần bay lãng đãng và nhẹ nhàng. Nhưng mấy ai để ý rằng hồng trần bay nhẹ đó lại có một sức mạnh vô cùng để có thể phủ lấp tất cả những gì của thế gian, để rồi mọi thứ, mọi sự vật đều sẽ chìm theo cơn bụi của tháng ngày gió xóa.

Chỉ còn cái tâm…

Nhưng tâm ấy… có thể tự nhìn thấy được tâm chăng? (Bởi vì, như con mắt có thể nhìn được mọi sự ngoài nó mà chẳng thể nhìn thấy được chính nó).

Trầm Hương

Gần nhau thì thấy tình trường
Xa nhau lại thấy tình thương dạt dào.
Khuyết danh

Người đi,
Nỗi nhớ trầm hương
Nhớ trong giây phút
Mà thương phận mình
Người về,
Chao đảo ân tình
Đèn khuya sương sớm,
Câu kinh miệt mài

Trường giang,
Một dải sông dài
Không dài,
Hơn tiếng thở dài từ lâu
Một hơi,
Năm sắc hóa cầu,
Hai hơi,
Ô thước bạc đầu kêu nhau

Người đi,
Ta nhớ giấc đầu
Người về,
Ta lại âu sầu như mưa.

Dòng đời là tiếng thở dài, xuyên suốt kiếp từ quá khứ sang

Phụ bản : Trầm Hương
Nhạc và lời : Tân Ly

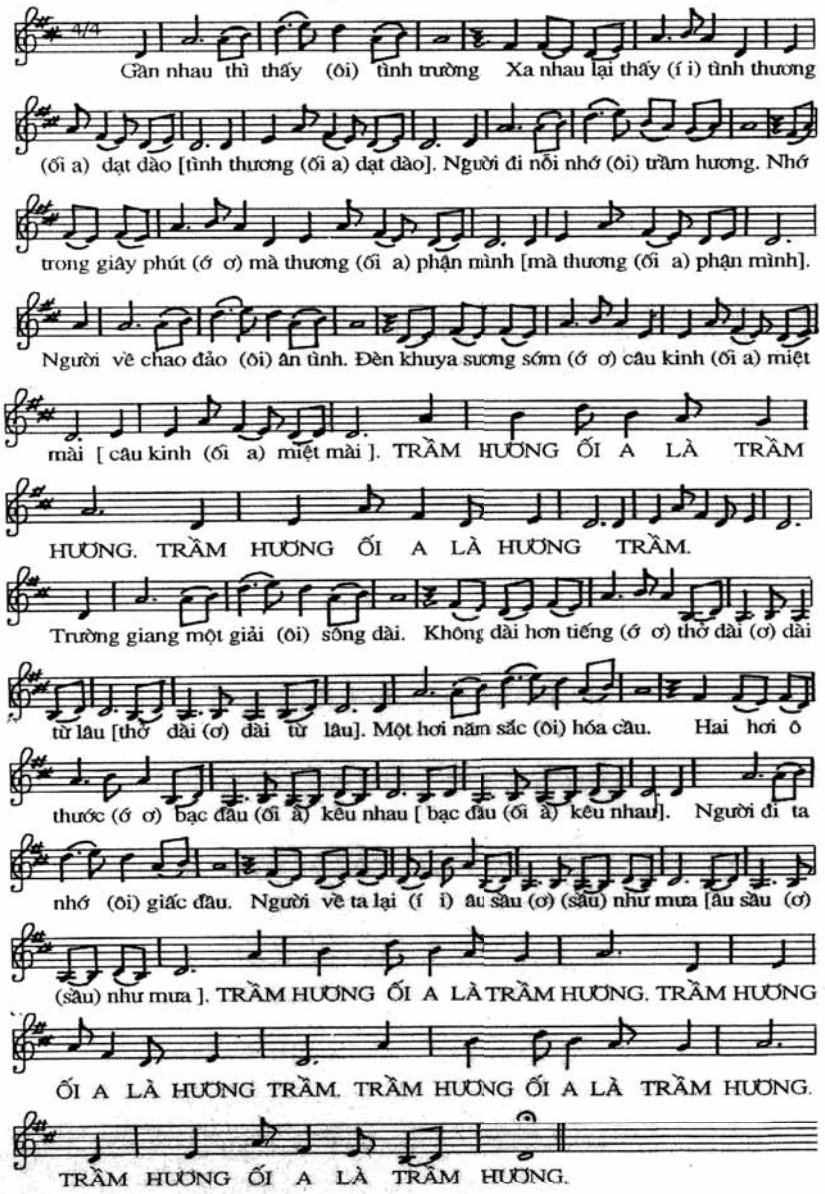

hiện tại rồi chạy vào tương lai, không dừng lại, không ngăn, nghỉ. Tiếng thở dài chuyên chở nỗi lòng của kiếp người hòa lẫn trong tiếng thở dài của lòng đất mẹ, của tình yêu vô bờ bến. Như một cái đàn phong cầm vĩ đại với muôn triệu ống thổi gió thiên hình vạn trạng. Tiếng to, tiếng nhỏ, tiếng trầm tiếng bổng, tiếng thở dài ngắn, tiếng thở dài dài. Hòa với nhau để trở thành một bản trường ca vĩnh cửu, hỗn mang mà trật tự, ồn ào mà êm ái, thô bạo mà tình tứ.

Muốn nghe được âm điệu ấy, chỉ có cách là ta ngồi yên, tịnh tâm bên giòng trường giang, để lắng nghe nó phát ra âm điệu Om...m…m…m …không ngừng. Âm điệu mầu nhiệm của giòng trường giang của giòng tâm tương tục.

Ôi, kiếp người! Chẳng có gì ra ngoài được cái chữ Tâm[2] kia…

2 Tam điểm như tinh bố. Loan câu tự nguyệt nha. Phi mao tùng thử khởi . Tác Phật dã do tha.

Minh Thạnh

MÙA XUÂN MÙA HOẰNG PHÁP

Bài viết này sẽ tìm hiểu một khía cạnh của hoạt động hoằng pháp: hoằng pháp trong quan hệ với thời gian trong năm, dưới góc nhìn của truyền thông hiện đại.

Trong truyền thông hiện đại, tổ chức *"event"* là một trong những khái niệm được quan tâm. "Sự kiện" là một khái niệm đã có từ lâu. Đó là những hoạt động nổi bật, khác thường so với những hoạt động thường xuyên hằng ngày.

Truyền thông hiện đại có thể khai thác, quảng bá, mở rộng hiệu quả của sự kiện bằng nhiều cách thức: trực tiếp truyền hình, mở trang web sự kiện…

Hoạt động của truyền thông hiện đại xung quanh đại lễ Vesak 2008 đã cho chúng ta thấy điều đó. Thành công của đại lễ một phần đã do truyền thông mang lại. Vì vậy, "sự kiện" và truyền thông có quan hệ mật thiết với nhau.

Khác với một sự kiện đột xuất như Vesak 2008, ở đây chúng ta tìm hiểu sự kiện thường kỳ trong năm dưới góc nhìn của truyền thông và trên cơ sở mang lại lợi ích cho hoạt động hoằng pháp.

Với cách nghĩ này thì trong năm, thời gian thuận lợi nhất cho việc hoằng pháp là mùa xuân.

Có thể đi đến kết luận như vậy vì mùa xuân là mùa khách thập phương đến chùa đông hơn cả. Quy tụ được một số

đông đảo đối tượng tiếp nhận truyền thông vào một thời điểm nhất định kéo dài (hàng tháng), những người làm công việc hoằng pháp đã có thể xác định được mùa để tổ chức sự kiện. Thật lý tưởng, đó là mùa xuân!

Sau khi xác định mùa nói chung, chúng ta đi vào việc xác định giới hạn thời điểm cụ thể.

Theo chúng tôi, mùa xuân – mùa hoằng pháp đối với Phật giáo có thể bắt đầu từ thời điểm lễ Phật thành đạo, mồng 8 tháng chạp âm lịch, khi không khí giáp tết đang đến gần. Mọi người, mọi nhà nao nức, chộn rộn mừng xuân.

Cao điểm của mùa xuân – mùa hoằng pháp là tháng giêng, từ đêm giao thừa cho đến khoảng cuối tháng. Không cần thống kê hay điều tra xã hội học cũng dễ nhận thấy thời điểm này là thời điểm khách thập phương (Phật tử và những người không phải Phật tử) đến chùa lễ bái đông nhất trong năm.

Thời điểm kết thúc mùa xuân – mùa hoằng pháp có thể xác định vào cuối tháng 2, sau ngày vía đức Quán Thế Âm.

Xác định mùa xuân như trong giới hạn trên là mùa thuận lợi cho hoạt động hoằng pháp có nghĩa là, mọi hoạt động hoằng pháp đều nên tập trung thực hiện vào thời điểm này. Khi đó, những hoạt động hoằng pháp, nhờ vào hoàn cảnh thuận lợi, sẽ đạt được hiệu quả cao nhất.

Tất nhiên, tổ chức những sự kiện vào lúc có đông người hiện diện hơn cả, thì cầm chắc kết quả thành công.

Các hoạt động hoằng pháp cụ thể, dưới góc nhìn của truyền thông, gồm có: thuyết pháp, phát hành kinh sách, đĩa thuyết pháp, văn hóa phẩm Phật giáo, các sinh hoạt giao lưu như tất niên, họp mặt đầu năm, văn nghệ Phật giáo, triển lãm mỹ thuật Phật giáo… Những hoạt động này nhằm mục tiêu giúp người Phật tử hiểu đạo Phật hơn, gắn bó hơn với cộng đồng Phật giáo, còn người chưa theo đạo Phật cũng hiểu hơn về đạo Phật và từ đó trở thành Phật tử.

Lâu nay, nhiều chùa chưa khai thác hết bối cảnh thuận lợi

mà mùa xuân mang lại đối với hoạt động hoằng pháp.

Nhìn chung, các chùa chỉ trang hoàng, dọn dẹp, sơn phết rực rỡ hơn so với ngày thường để đón khách, như một tập quán chung của dân tộc. Hoạt động chính thường là khai *Kinh Pháp Hoa*, trong tinh thần kinh tụng cầu an. Còn các hoạt động khác như đã nói trên chỉ thấy ở một số chùa lớn.

Cá biệt, trong thời gian này một số chùa đẩy mạnh hoạt động xin xăm, bói toán, tổ chức cúng sao giải hạn trong tháng giêng.

Nhưng nếu không như thế, thì sẽ làm gì?

Từ quan điểm của truyền thông hiện đại, câu trả lời sẽ là làm "sự kiện", bổ sung, mở rộng những sự kiện đã có.

Sự kiện là những hoạt động đặc biệt mà không có trong thường nhật. Khai tụng một bộ kinh lớn như *Kinh Pháp Hoa* cũng là sự kiện. Và còn có những sự kiện khác: thuyết pháp, tất niên, họp mặt mừng xuân… như đã trình bày ở trên

Chúng tôi xin đưa ra một kế hoạch phác thảo như sau cho các chùa nhỏ.

Nếu tăng ni tại chùa không thể tổ chức thuyết pháp thì thỉnh giảng sư từ các chùa khác. Lịch giảng pháp được bố trí sao cho tập trung vào thời điểm từ tết nguyên đán đến rằm, cũng có thể mở rộng đến hết tháng giêng.

Khách đến chùa đông đặc biệt là vào giao thừa, các ngày tết là thời điểm hết sự thuận lợi để quảng bá sự kiện được tổ chức sau đó.

Dưới góc nhìn của lý luận truyền thông, sự kiện không hẳn là hoạt động truyền thông, mà truyền thông nằm ở chỗ quảng bá sự kiện. Thực hiện tốt khâu quảng bá sự kiện quyết định thành công việc tổ chức sự kiện.

Cụ thể, chương trình thuyết pháp, tất niên, họp mặt mừng xuân… có thể phổ biến trong thời điểm khách đến chùa cao điểm này, bằng hình thức thư mời phát từng người, bảng chữ cỡ lớn. Với hình thức này, các chùa có thể mời khách trở lại

chùa nhiều lần trong dịp đầu năm, thay vì chỉ một lần lễ Phật vào những ngày tết. Số khách nhận được thư mời đông có nghĩa là số người dự chắc chắn sẽ cao.

Ngoài thuyết giảng là hoạt động chính, các hoạt động nhiều màu sắc mang tính chất lễ hội cũng có thể triển khai như hoa đăng (theo mô hình chùa Hoằng Pháp, Tp.HCM), gồm những lồng đèn cỡ lớn bằng chất liệu Hiflex rất bắt mắt, có thể dùng lại nhiều lần, hay thắp nến cầu nguyện (đầu xuân là cầu an) theo hình thức đại lễ Vesak 2008, gồm tụng kinh, phục nguyện, có thể có thuyết pháp ngắn.

Cầu nguyện ban đêm với ánh nến lung linh huyền ảo tạo ra những tác động rất hiệu quả đối với tâm lý người dự.

Thuyết pháp qua hội nghị truyền hình, một hình thức truyền thông hiện đại mà chúng tôi đã có dịp đề xuất trên tập san *Pháp luân*, cũng rất thích hợp cho mùa xuân – mùa hoằng pháp. Các chùa có thể qua hội nghị truyền hình kết nối họp mặt đầu xuân với thầy tổ, huynh đệ trong cùng sơn môn, tổ đình, hệ phái. Một cuộc sum họp từ nhiều địa điểm cách xa nhau, mà nếu khéo tổ chức, có thể lên đến hàng chục ngàn người tham dự từ các đầu cầu truyền hình.

Những cuộc rước Phật cầu an trong cự ly ngắn cũng là một hình thức nghi lễ có thể tổ chức. Có thể coi đây là một kiểu xe hoa nhỏ, có thể kết hợp với đốt nến, trong hình thái một cuộc lễ di động. Mùa xuân rất dễ tạo không khí rộn ràng với múa lân, múa rồng, cờ lọng…

Trên đây chỉ là một số phác thảo, gợi ý. Nhưng hoằng pháp quan trọng nhất vẫn là hoạt động giảng pháp. Tập trung lịch giảng pháp vào thời điểm đông người đến chùa…, đương nhiên, hết sức lý tưởng để mời gọi cử tọa, số người nghe sẽ là đông nhất trong năm. Những vấn đề cơ bản của Phật học như thập thiện, tam quy, ngũ giới sẽ rất thích hợp để đưa những người đi chùa nhưng chưa quy y thâm nhập vào Phật giáo.

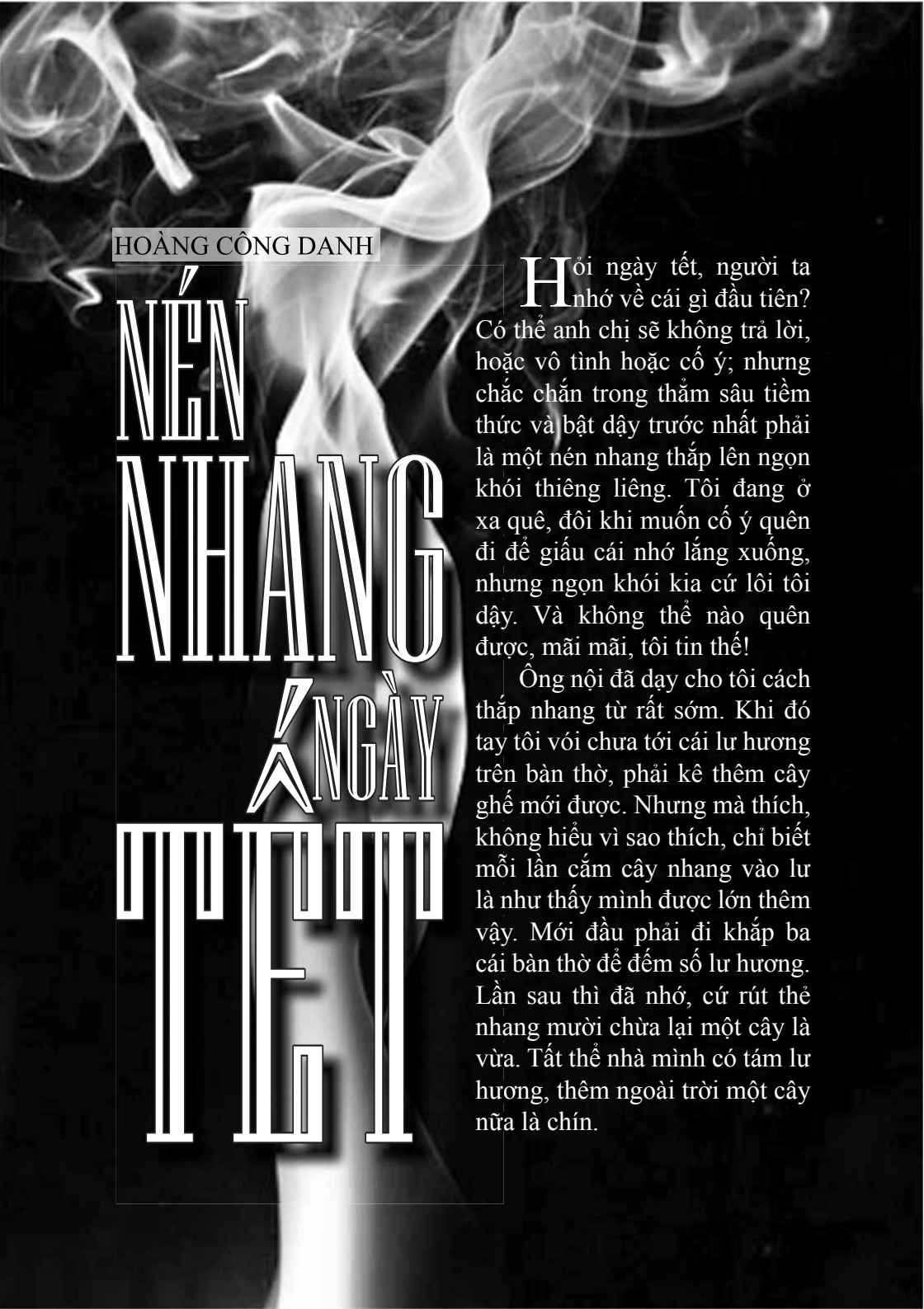

HOÀNG CÔNG DANH

NÉN NHANG NGÀY TẾT

Hỏi ngày tết, người ta nhớ về cái gì đầu tiên? Có thể anh chị sẽ không trả lời, hoặc vô tình hoặc cố ý; nhưng chắc chắn trong thẳm sâu tiềm thức và bật dậy trước nhất phải là một nén nhang thắp lên ngọn khói thiêng liêng. Tôi đang ở xa quê, đôi khi muốn cố ý quên đi để giấu cái nhớ lắng xuống, nhưng ngọn khói kia cứ lôi tôi dậy. Và không thể nào quên được, mãi mãi, tôi tin thế!

Ông nội đã dạy cho tôi cách thắp nhang từ rất sớm. Khi đó tay tôi vói chưa tới cái lư hương trên bàn thờ, phải kê thêm cây ghế mới được. Nhưng mà thích, không hiểu vì sao thích, chỉ biết mỗi lần cắm cây nhang vào lư là như thấy mình được lớn thêm vậy. Mới đầu phải đi khắp ba cái bàn thờ để đếm số lư hương. Lần sau thì đã nhớ, cứ rút thẻ nhang mười chừa lại một cây là vừa. Tất thể nhà mình có tám lư hương, thêm ngoài trời một cây nữa là chín.

Cuối năm có lệ phải thay cát trong bát nhang. Cát trắng từ Rú Tường Vân người ta đem lên bán rất nhiều ngoài chợ Thuận. Cuối năm đi chợ chơi, thích đứng nhìn những mủng cát trắng đặt dọc đường; bâng khuâng nhớ cái truyện ngắn "Chú bé bán cát" của Hoàng Thái Sơn, hồi nhỏ nghe được qua radio. Mua cát về, thỉnh lư hương xuống lau chùi sạch sẽ. Dùng một mẩu bìa cát-tông khoanh tròn bằng miệng lư, ở giữa cắt thủng một lỗ nhỏ để cắm hương. Chân nhang thắp quanh năm nhiều, phải nhổ đi bớt, chỉ chừa lại ba chân, số còn lại đem phát hỏa.

Sáng ba mươi tết, anh em tôi vác cuốc chổi xuống cồn Mai để dọn dẹp quét tước lại lăng mộ tổ tiên. Người ta sống, cứ thích trang trí nhà cửa cho đẹp cho sang để đón tết, nhưng đôi khi lại quên đi việc làm ý nghĩa hiếu đạo này. Sau bữa cơm tất niên cuối năm, ông nội dắt tôi xuống cồn đất làng để thắp nhang. Con đường men qua những ngôi mộ cỏ may thiu thiu buồn, hình như cỏ may cũng đang đứng nghiêm làm nhang cho những ngôi mộ vô chủ. Cứ đến ngôi mộ nào ông cũng nói về người nằm ở dưới; đây là cụ Cố, hay chữ lắm; kia là cụ Cao, đức độ tài trí... Dòng họ Hoàng Công nhà mình xưa thông minh sáng dạ chăm học, nhưng do chiến tranh lưu lạc nên sau này thất học cả. Ông nói, năng đi thắp nhang sẽ được tổ tiên phù hộ cho đường học hành. Từ đó việc đi thắp nhang dưới cồn, ngoài việc hiếu đạo còn là để cầu mong ông bà

phù hộ. Đi với ông độ ba lần là tôi thuộc hết vị trí mồ mả nhà mình. Những lần sau ông ủy thác việc này cho tôi đi cùng với mấy đứa em.

Ngày nhỏ chúng tôi rất nghịch nên nhiều lần dùng nhang để đi dọa ma, tiếng Quảng Trị gọi là đi trến ma. Ban đêm, thắp một cây nhang rồi núp trong bụi. Thấy người nào đi tới thì đưa đầu nhang đỏ lửa vào miệng, cắn hai hàm răng vào cây nhang rồi khừ một tiếng cho hơi trong cổ phát ra. Khi đó ánh lửa đầu nhang đỏ rực lên tạo thành một cục lửa hồng, cùng với tiếng kêu gió y hệt là ma. Đêm ba mươi tết trời tối như bưng mà dọa ma là người ta khiếp hồn khiếp vía, cứ tưởng cuối năm ma về ăn tết.

Sắp đến giao thừa, bà nội bày mâm ra giữa trời, đặt lên đó hoa quả, ít bánh trái và một chén muối. Đại ý chén muối là để cầu mong anh em trong nhà bà con làng xóm sống mặn mà với nhau, như câu "đầu năm mua muối cuối năm mua vôi". Một chén gạo dùng làm bát nhang. Khi đó ông nội mặc áo dài đen chít khăn đóng, rút một thẻ nhang thắp lên đỏ rồi đứng giữa trời mà khấn thầm những lời mời tổ tiên về ăn tết cùng con cháu, lời cầu mong sự ấm êm trong năm mới... Tôi đứng bên hầu nước, ngọn gió giao mùa thổi nhẹ làm khói nhang bay vào mắt xao xuyến!

Ba ngày tết bàn thờ rạng đèn, nhang khói không được để lạnh ngắt một phút nào. Vậy nên ngày tết nhất thiết phải có người ở nhà tiếp khách và trực nhang trên bàn thờ. Sáng mùng một, thức dậy thắp hết một lượt nhang ở nhà, tôi lại cùng ông mệ nội lên chùa. Đầu năm lên chùa gọi là mừng tuổi Phật. Cắm nhang lên bàn thờ Phật xong, bác chủ lễ thỉnh một hồi chuông cho mọi người vái các Ngài. Ở chính giữa là Đức Bổn Sư Thích Ca, bên phải là Ngài Địa Tạng, bên trái là Ngài Quán Thế Âm Bồ-tát... Đầu năm lên chùa gặp bác chủ lễ bao giờ tôi cũng được nghe những câu chuyện hay và ý nghĩa, chuyện đời chuyện đạo...

Cạnh chùa làng có cô Sương làm nghề hương. Cô Sương bị điếc, ai nói chi chẳng nghe, cứ cặm cụi suốt ngày nhồi bột cưa lăn lăn ra những cây nhang nhỏ rồi đem phơi ở sân chùa. Ngày nhỏ tôi thích lên nhà xem cô làm nhang. Cô bày cho cách lăn nhang quanh nan tre, nhưng chẳng bao giờ tôi làm được. Thế là chỉ biết ngồi nhìn và phụ cô dán bao giấy xung quanh ốp nhang thôi. Những lần đó hai bàn tay đỏ kè vì màu giấy bọc nhang thấm ra, nhưng mà thích lắm! Sân chùa vào tháng chạp rợp kín những tấm phên kê lên tầm ngực, trên đó rải nhang vừa lăn xong. Mùi bột hương lan khắp xóm. Nghe đâu làm nghề nhang cũng ảnh hưởng đến sức khỏe vì cái mùi bột rất độc. Tôi chẳng cần biết nó đúng đến đâu, nhưng trông cô Sương vẫn mạnh khoẻ như thường. Cô nói làm nghề nhang là làm việc hiếu đạo, ông bà phù hộ chớ răng mà độc hại được.

Sau này có nhang điện, chẳng hiểu vì sao bà con ta lại mua thứ đó về cắm lên bàn thờ, không có khói có mùi gì cả. Ai thắp cứ thắp, nhưng nhà tôi nhất quyết không dùng. Tại sao lại cứ phải hiện đại (?) khi mà tổ tiên ta bao đời nay dùng nén nhang khói thơm để thể hiện lòng thành. Nhẽ nào đến cả tấm lòng cũng phải... hiện đại hóa?

Tết năm ngoái ở bên này, chúng tôi đi chợ của người Việt, mua được xấp giấy tờ vàng mã và nén nhang, mừng hơn cả được tiền. Đêm gần tết nấu xôi chè, kê bàn học làm mâm cỗ, thắp nén nhang như để vọng tưởng về quê nhà tổ tiên xa xôi. Trong phòng có cái máy phát hiện khói thuốc lá, vậy là chúng tôi gỡ ra, khóa phòng lại và thắp nhang. Ở xa nhìn nén nhang bùi ngùi lắm! Năm nay lại không về được, thêm một cái tết Cổ truyền xa nhà. Chợt có ngọn khói nào bay về từ những ngày xưa...

Hoàng Công Danh
ХОАНГ КОНГ ЗАНЬ
У. Октябрьская Д. 2
Минск 220030
Беларусь
BELARUS

Xuân Bình Minh

Lời nguyện đầu năm

Hướng về một thế giới xanh hơn

Đi trong dòng người tấp nập đến chùa trước Tết Nguyên đán, người ta cảm thấy tâm hồn ăm ắp những cảm xúc mơ hồ, nửa như hy vọng nửa như hoài mong về một điều ước có thể chưa thành trong quá khứ nhưng còn nguyên sự cấp thiết phải có, dù là hiện tại hay tương lai. Chúng ta ước mơ gì hôm nay trong thế giới "nóng, phẳng và chật" theo như Friedman trong tác phẩm mới của ông (Hot, Flat, and Crowded).

Chúng ta đi tìm lại hay tìm đến một thế giới xanh khi mà cả thế giới đang khủng hoảng vì "hiệu ứng nhà kính", và về "khí thải" đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình trạng ấm dần lên của quả đất và biến đổi khí hậu. Bản dự thảo Copenhagen tháng 12, 2009 chưa công bố chính thức đã gây bất bình nơi các nước nhỏ khi người ta đề ra mức cắt giảm khí thải bằng nhau giữa các nước giàu và nghèo, vốn tạo điều kiện cho các nước phát triển nâng gấp đôi lượng khí ô nhiễm. Quả đất nóng lên, đưa đến sự tuyệt chủng của một số loài sinh thực vật, tình trạng thiếu nhiên liệu, khiến người ta

phải dựa nhiều vào dầu mỏ và không sao thoát khỏi vòng lẩn quẩn của công nghiệp hóa và tàn phá môi trường. Người ta kêu gào các quốc gia giàu có phải làm gì cụ thể để cứu trái đất, riêng Friedman kêu gọi nước Mỹ đi đầu trong cuộc "cách mạng xanh này" bằng cách tìm ra những công cụ, hệ thống nguồn năng lượng "sạch" và cả hệ giá trị đạo đức mới mà ở các doanh nghiệp gọi là CSR (Corporate Social Responsibility) – trách nhiệm xã hội,… Tất cả, theo như những nhà xã hội học hay kinh tế học trong thời đại hiện nay thường gọi là phát triển bền vững (sustainability). Ở Việt Nam, tình hình còn nhiều điều bất ổn khi giới hữu trách chưa thật sự hữu hiệu và "sạch" trong việc siết chặt kỷ cương các nhà máy mà vụ Vedan chỉ là một trong hàng nghìn vụ đã phát hiện nhưng tiếc là xử lý quá "bao dung" (!).

Mơ ước một nền kinh tế "sạch"

Chưa bao giờ mà vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm lại gây nên nhiều quan ngại và bất bình trong dư luận như hiện nay: hầu như mặt hàng nào bày bán ngoài đường, trên sạp chợ, thậm chí trong siêu thị cũng đều có vấn đề, từ "thịt bẩn", chả lụa có hàn the, sữa nhiễm melamine hay nước tương chứa 3-MCPD… Chúng ta mong sao cơ quan quản lý nhà nước mạnh tay hơn và tích cực hơn để người dân nhờ chứ như hiện nay thì… quả thực là ra đường nhìn đâu cũng thấy… vi trùng (!).

Nền kinh tế sạch ấy còn bao hàm cả ý nghĩa rõ ràng, minh bạch về chủ trương, biện pháp, cơ chế sao cho mọi người tham dự đều tuân thủ luật chơi chung chứ không phải chỉ có lợi về một phía nào đó hay để tệ nạn tham nhũng xói mòn sự phát triển chung của toàn nền kinh tế và niềm tin của nhân dân mà ở khía cạnh này chúng ta còn rất nhiều việc phải làm khi chỉ đứng thứ 120 về chỉ số minh bạch theo Bản xếp hạng 2009 của Tổ Chức Minh bạch

Thế giới (International Transparency).

Nền kinh tế "sạch" phải bao gồm cả cuộc cách mạng xã hội mà chúng ta thường mô tả trong sách giáo khoa là "làm theo năng lực, hưởng theo lao động" hay xa hơn nữa là "làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu". Nói theo Phật giáo thì chúng ta phải san phẳng những bất công đến mức có thể để lợi tức được phân phối công bình hơn. Chúng ta biết rằng, một nền kinh tế tư bản tuyệt đối hay chỉ huy triệt để đều không mang lại kết quả thích hợp. Mô hình kinh tế nhiều thành phần, phát triển có định hướng là một mô hình nghe ra có thể áp dụng được với điều kiện phải hiện thực hóa những chỉ tiêu kế hoạch đề ra một cách công bình giữa các nhóm lợi ích, không phân biệt đối xử theo thành phần…

Tìm chân lý cho thời đại

Có người sẽ vội kêu lên: tôi đã có ý thức hệ, chủ nghĩa, tôn giáo của tôi rồi. Cần gì phải đi tìm cho mất thì giờ, hao tâm tổn sức. Xin thưa ngay rằng cái ý thức hệ, chủ nghĩa ấy có nằm trong tư duy, ăn sâu vào máu thịt quý vị chăng? Hay chỉ hùng hồn khi giảng thuyết, trước quần chúng, trong đoàn thể để rồi quí vị làm những điều, những việc mà không hề dựa theo hệ thống niềm tin nào - nếu hiểu ý thức hệ (ideology) là hệ thống những niềm tin đặc trưng cho tư duy của một cá nhân, một nhóm, hay một xã hội… Chúng ta đã phải khốn đốn vì cuộc xung đột giữa những người nhân danh triết thuyết này nọ "chụp mũ" những người khác theo lăng kính chủ quan của mình rồi vùi dập thậm chí loại bỏ ra khỏi đoàn thể, xã hội. Thầy Nhất Hạnh dùng từ prajnapti hay là những phương tiện chỉ bày chân lý, những hướng dẫn thực nghiệm, để thực hiện chân lý, mà không phải là chân lý bởi lẽ không thể có một prajnapti cho muôn thời, muôn xứ và muôn người. *"Lịch sử Phật giáo là lịch sử của những sinh thành, tồn tại và biến diệt kế tiếp nhau của rất nhiều pra-*

*jnapti, tất cả đều bắt nguồn từ thực nghiệm tâm linh của đức Phật trong lịch sử." (*TNH - *Đạo Phật đi vào cuộc đời)*

Chúng ta phải biết sử dụng hay ngồi (thừa = cưỡi) trên xe prajnapti để đi đến chân lý. Đồng thời phải có khả năng buông xả (upeksa) như Phật dạy "pháp chỉ là bè đưa ta qua sông". Đến như Phật mỗi khi nói điều gì quan trọng, cũng chỉ nói "na punar yathociate" (Nói vậy mà không phải vậy). Có rất nhiều đoạn trong Kinh lặp lại câu ấy, cụ thể như trong Kinh Kim cang, ta thường nghe: *"Phật nói không có pháp nào để thuyết, đó chính là thuyết pháp vậy..."*

Tinh thần đó là tinh thần khoa học, thực chứng, rất cần cho thời đại chúng ta, một thời đại mà con người gây tai họa cho nhau chỉ vì khác chính kiến, niềm tin, ý thức hệ… Đó còn là thái độ tự do, cởi mở, dân chủ trong xã hội để vượt qua "sở tri chướng" trong lòng mỗi cá nhân. Đối diện với thực tại, đức Phật rất thực tế khi nói: *"Này các vị, đừng nên thắc mắc về vấn đề vũ trụ này hữu hạn hay vô hạn, hữu cùng hay vô cùng. Dù nó hữu hạn hay vô hạn, hữu cùng hay vô cùng thì chúng ta cũng vẫn phải chấp nhận sự thực này trước tiên: đó là sự hiện hữu của đau khổ trên cuộc đời."* Chấp nhận bản chất cuộc đời như thế, chúng ta không bi quan trước việc quả đất ngày càng "nóng hơn, phẳng hơn, chật hơn" mà phải tích cực tìm phương sách cứu rỗi, không từ thần linh hay đấng anh hùng nào mà chính từ trong ý chí và tâm thức của mỗi công dân, sử dụng prajnapti của thời đại trên căn bản thực nghiệm, xuất phát từ việc nhận diện khổ đau và những thôi thúc thời đại, vận dụng prajnapti trên tinh thần khế lý và khế cơ. Làm được những điều ấy không chỉ là ước mơ của Mùa Xuân này mà của nhiều mùa Xuân sắp đến!

Đó chính là lời nguyện đầu năm!

Nguyên Cẩn

Khúc Giêng Xanh

Giêng xanh cỏ mượt chân trời
Giêng xanh nguyệt lộng ngập ngời Nguyên Tiêu
Giêng xanh thơm một lời yêu
Giêng xanh đơm mộng diễm kiều trang thơ
Giêng xanh mắt tím đợi chờ
Giêng xanh trùng ngộ bến bờ văn chương
Giêng xanh ấm khúc tiêu tương
Tơ ngân cung bậc đoản trường âm giai
Hài nhung nhẹ gót liêu trai
Suối thơ sóng lượn trăng cài lung linh.

Ninh Giang Thu Cúc

Lướt Sóng Mà Đi

Thích Thái Hòa

Ta về biển là ta có cơ hội tiếp xúc với biển, để thấy biển qua tâm và thấy tâm qua biển. Biển có những tính chất nào mà ta có thể tiếp xúc và học tập được từ nơi những tính chất ấy để chuyển hóa tâm ta. Ta có thể tiếp xúc và thấy rõ biển qua các tính chất như sau:

-Tính Cạn Và Sâu :

Ta sẽ tiếp xúc tính cạn và sâu của biển, để ta có thể tiếp xúc tính cạn và sâu trong trong tâm linh của mỗi chúng ta. Biển đi từ cạn ra sâu và đến chỗ sâu hun hút.

Ta tiếp xúc với sắc thân này cũng vậy. Sắc thân được tạo nên từ bốn đại: đất, nước, gió, lửa. Đất là thể rắn nơi thân thể chúng ta; nước là thể lỏng, gió là thể khí và lửa là thể nhiệt ở nơi thân thể chúng ta. Nhìn sâu vào, bề cạn của thân thể được tạo nên từ các cảm thọ và các cảm giác. Do có cảm giác, nên ta thấy có vui, có buồn và không vui không buồn. Cái gì làm cho ta vui, cái gì làm cho ta buồn, cái gì làm cho ta không vui không buồn? Khi tâm ta tiếp xúc với các đối tượng mà ta thích ý sẽ phát sinh cảm giác vui thích trong ta. Khi ta tiếp xúc với các đối tượng không khả ý, thì cảm giác khó chịu nảy sinh trong ta, và khi ta tiếp xúc với đối tượng mà tâm ta không phải vừa ý, cũng không phải không vừa ý, ta có cảm giác trung tính. Như vậy, những cảm giác dễ chịu, khó chịu, trung tính đều nương nơi sắc uẩn này mà biểu hiện.

Rồi, ta đi sâu vào chiều sâu của các cảm thọ. Chiều sâu của cảm thọ là gì? Là tưởng, là ý tưởng. Có những trường hợp mà đối tượng không là gì cả, nhưng do ta tưởng tượng, nên thích ý thì vui, không thích ý thì buồn. Do đó, cái vui, buồn chỉ là cảm giác ảo do tưởng. Người đó không thương mình mà tưởng là thương thì vui, người đó không ghét mình mà tưởng là ghét nên buồn, đó là ảo tưởng.

Nên, tưởng là chiều sâu của thọ uẩn, sắc uẩn.

Chiều sâu của tưởng là gì? Sau tưởng là các chủng tử của tâm hành. Tâm là một biển cả mênh mông. Các chủng tử tâm hành giống như sóng và bọt của sóng trên mặt biển. Chính tâm hành đó làm tâm ta vẩn đục, không an ổn. Tâm hành là những hạt giống có khả năng tác nghiệp để dẫn đến quả báo khổ hay vui. Tâm hành tác động liên hệ đến các phiền não, tham, sân, si mãnh liệt bao nhiêu, thì sẽ nảy sinh quả báo khổ đau cho ta bấy nhiêu. Tâm hành liên hệ đến thiện tâm sở vô tham, vô sân, vô si bao nhiêu sẽ tạo ra quả báo hạnh phúc an lạc cho ta bấy nhiêu.

Như vậy, tâm hành là chiều sâu của tưởng.

Sau các chủng tử tâm hành là gì? Là nhận thức, còn gọi là thức uẩn. Thức uẩn là một tập hợp của tám nhận thức, gồm:

-Nhãn căn tiếp xúc với sắc trần, phân biệt thuộc về mắt khởi sinh, gọi là nhãn thức.

-Nhĩ căn tiếp xúc với thanh trần, phân biệt thuộc về tai khởi sinh, gọi là nhĩ thức.

-Tỷ căn tiếp xúc với hương trần, phân biệt thuộc về mũi khởi sinh gọi là tỷ thức.

-Thiệt căn tiếp xúc với vị trần, phân biệt thuộc về lưỡi khởi sinh, gọi là thiệt thức.

-Thân tiếp xúc với xúc trần, phân biệt thuộc về thân khởi sinh, gọi là thân thức.

Năm cái biết thuộc về mắt, tai, mũi, lưỡi, thân là bề mặt, là cái biết vô hại, chúng chưa liên hệ đến ý thức.

Khi ý thức duyên vào năm nhận thức đó mà khởi lên sự phân biệt tốt xấu, hay duyên

vào những ấn tượng tồn đọng trong A-lại-da thức mà khởi lên những tư niệm hay tác ý và tùy theo mức tác ý liên hệ đến các chủng tử tham, sân, si, mạn, nghi hay liên hệ đến các thiện tâm sở mà tạo ra nghiệp thiện hay ác và từ đó mà dẫn quả báo lành hay dữ.

Sau ý thức là mạt-na thức, tức là thức chấp ngã. Thức này chấp vào kiến phần của thức A-lại-da là tự ngã của nó.

Yếu tố thứ tám là A-lại-da thức. Thức này hàm chứa tất cả những chủng tử do nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mạt-na thức tạo tác, rồi đưa vào trong thức này cất giữ, khiến cho các chủng tử thiện ác không bị rơi mất. Vì vậy, đối với bảy thức trước, thức này được xem như là biển cả. Bao nhiêu chủng tử thiện, ác, tốt, xấu đều được hàm chứa ở trong biển A-lại-da thức này.

Cho nên, chúng ta tiếp xúc với biển cả là tiếp xúc từ cạn đến sâu và với tâm thức của chúng ta cũng từ cạn đến sâu, từ xấu đến tốt. Trong biển tâm của chúng ta hàm dung tất cả thiện, ác, tốt, xấu. Nếu thông minh, ta sẽ nuôi dưỡng và biểu hiện những hạt giống tốt để tạo ra vô lượng phước đức. Còn không thông minh ta sẽ nuôi dưỡng và biểu hiện những hạt giống xấu, rồi sẽ tạo ra vô số nghiệp xấu ác, khổ đau cho ta.

-Tính động và tịnh :

Biển động ở trên bề mặt, nhưng càng xuống sâu bao nhiêu lại càng yên tịnh bấy nhiêu. Nên cái động của sóng chỉ là cái động của hiện tượng bên ngoài.

Nhìn vào tâm thức chúng ta cũng vậy. Trong A-lại-da thức luôn luôn biến động, nhưng đó là cái động của nghiệp lực. Chiều sâu của nó là bất động, vì trong chiều sâu là Phật tính, là bản tính giác ngộ. Chúng ta phải biết tu tập để quay về với bản tính chân thường tự tại, với tự tính giác ngộ trong mỗi chúng ta.

Qua cái động của biển, mà ta tiếp xúc được cái động của

tâm. Qua cái tịnh của biển mà ta tiếp xúc được cái tịnh của tâm. Tự tính vô ngã là bản thể thường trú của tâm, mà ta chỉ tiếp xúc được qua con mắt thiền quán.

- Tính dung và bất dung :

Biển dung hết tất cả xấu uế của bao nhiêu sông ngòi ao rãnh đổ về. Dung mà vô hại, vì biển vừa có tính bao dung vừa có tính chuyển hóa.

A-lại-da thức của ta cũng dung hết tất cả những chủng tử thiện, ác, tốt, xấu. Ví dụ, ta ngồi nghe hay đứng nhìn bất cứ một đối tượng nào đó, trong một khoảnh khắc nào đó, trong một không gian nào đó, thì hình ảnh tất cả chúng sẽ đi vào tiềm thức, vào A-lại-da thức của ta. Khi không nhớ, ta tưởng là quên, nhưng không bao giờ quên cả, chỉ là ẩn tàng. Đủ điều kiện, đủ duyên thì mọi chuyện sẽ hiện ra trước mắt. Nhờ đó mà những lời pháp ta học được sẽ không bao giờ quên. Quên, nhưng rồi sẽ nhớ, khi có một điều kiện nào xảy tới. Đó là tính dung nhiếp của A-lại-da thức.

Tính bất dung của biển là gì? Tính bất dung của biển là những rác bẩn thải ra biển đều trả lại cho bờ. Nên đặc tính của biển là không dung tử thi, không dung những ô nhiễm nhớp nhúa. Cũng vậy, A-lại-da thức, vùng Phật tính cũng không dung những ô nhiễm, phiền não của cuộc đời, nên tu là lướt sóng để chạm tới vùng thanh tịnh của tâm, tức là ta phải biết vượt qua những chướng ngại do phiền não và vô minh tạo ra.

Vậy, chúng ta phải thấy rõ như vậy, để ứng dụng vào đời sống hằng ngày của chúng ta.

-Tính đồng nhất :

Sông ngòi, ao rãnh, hồ khi về biển đều mang tính chất riêng của nó. Nhưng khi tới biển rồi thì chỉ còn một mùi vị duy nhất là vị mặn. Đó là tính đồng nhất của biển. Cũng vậy, mỗi chúng ta khi đến thế giới này đều mang theo một nghiệp lực, một tâm thức khác nhau. Chúng ta đến với đạo Phật do nhiều nguyên nhân khác nhau. Có người vì cha mẹ mất, có người vì thất

tình lục dục, vì những hoàn cảnh éo le ngang trái mà đến, nhưng cũng có người đến với đạo Phật là do khát vọng của tri thức, có người do tâm nguyện rộng lớn… Mỗi người một hoàn cảnh, nhưng khi đã hòa nhập và đạt tới chánh quả của đạo rồi, thì tất cả đều gặp nhau trong mùi vị duy nhất là mùi vị giải thoát, giác ngộ. Có người không hiểu sẽ cho đạo Phật là bi quan, yếm thế. Nhưng dù thực hành theo pháp môn nào, thiền, tịnh hay mật tông, đạo Phật cũng đều dẫn đến một cứu cánh là niết bàn giải thoát.

Do vậy, thấy được tính đồng nhất của biển để thấy được tính đồng nhất của các pháp môn. Thấy được điều đó, tâm ta sẽ bao dung hơn, cuộc đời tu hành sẽ thong dong tự tại, không còn phân biệt hơn thua phải trái, không đối đãi kỳ thị bên này bên kia. Mọi người khác nhau trong nghiệp lực, nhưng đồng nhất nhau trong Phật tánh.

"Nơi gặp gỡ là lời thơ chưa biến động

Là chỗ tận cùng suối vắng của tâm linh."

Khi thấy được sự đồng nhất của biển và của tâm thức như vậy, ta phải có pháp hành như thế nào? Đó là pháp hành "lướt sóng mà đi".

Mỗi chúng ta khi tu học, ai cũng có khó khăn, trở ngại nhưng ta phải biết vượt qua chướng ngại đó, nên gọi là lướt sóng mà đi. Nếu không, ta sẽ bị sóng nhấn chìm hoặc đẩy chúng ta vào bờ. Lướt sóng ở đây là lướt sóng đời và cả sóng đạo để đi tới bờ giác. Chúng ta phải biết lướt sóng nơi nhãn thức mà đi, lướt sóng nơi nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mạt-na thức để về với tâm thức thanh tịnh vốn có trong tự tánh của mình. Nếu không, ta sẽ bị chìm đắm trong biển cả sinh tử, gió dập sóng vùi và trôi lăn mãi trong vòng sinh tử. Lướt sóng thức mà đi, để ta không còn bị mắc kẹt nơi nhân, nơi ngã, nơi pháp và phi pháp. Và như vậy, ta sẽ đến bến bờ bên kia (paramita), đến bến bờ giải thoát, giác ngộ.

Những Bước Quán Hơi Thở

Thanissaro Bhikkhu

Khi dạy thiền quán hơi thở, bao giờ Đức Phật cũng dạy mười sáu bước. Đây là những hướng dẫn hành thiền chi tiết nhất trong Kinh Tạng. Và hơi thở là đề mục được Ngài khen ngợi và khuyến khích hành trì nhiều nhất - bởi vì hơi thở vừa là chỗ để tâm có thể lắng xuống và đạt được sự định tĩnh, vừa là cái mà tâm có thể phân tích. Trong lúc tâm luôn nhớ đến (niệm) hơi thở, tỉnh giác về hơi thở, và ý thức về cách mà nó liên hệ với hơi thở - hơi thở chính là nơi mà tất cả các tuệ giác cần thiết cho sự Giác Ngộ có thể phát khởi.

Trong những giai đoạn sau của phép thiền quán hơi thở, trọng tâm của phép quán tập trung vào tâm – khi tâm liên hệ với hơi thở - nhiều hơn là vào hơi thở. Trong những giai đoạn đầu, trọng tâm của phép quán lại chính là tự thân hơi thở, và việc dùng hơi thở để dẫn dụ tâm, đưa nó trở về với giây phút hiện tại. Trong hai bước đầu tiên, mình chỉ cần để ý đến sự thở dài và thở ngắn, cảm nhận xem thở dài thì ra làm sao, thở ngắn thì ra làm sao. Bắt đầu từ bước thứ ba mới có yếu tố của ý muốn, ý định. Mình tự tập luyện cho mình, và điều đầu tiên mình

tập cho mình là nhận biết (giác quán) toàn thân trong khi mình thở vào, nhận biết toàn thân trong khi mình thở ra.

Khi diễn tả các trạng thái định, Đức Phật không dùng các hình ảnh của sự tập trung vào một điểm. Ngài dùng các hình ảnh của sự nhận biết (giác quán) khắp toàn thân. Khi có một cảm giác hỷ lạc do hơi thở mang lại, Ngài bảo mình làm cho cảm giác hỷ lạc đó chan hòa khắp toàn thân, như thể mình hòa nước vào bột để nặn bánh vậy. Một hình ảnh khác là hình ảnh hỷ lạc tuôn ra từ trong thân và đong đầy khắp toàn thân, cũng như một mạch nước mát trào lên từ dưới đáy hồ, làm cả hồ nước tràn trề mát mẻ. Một hình ảnh khác nữa là hình ảnh các bông sen mọc trong hồ: Có những búp sen không trồi lên khỏi mặt nước mà ngâm mình hẳn trong nước, từ rễ đến chóp đều tràn ngập sự an tịnh và mát mẻ của nước hồ. Lại một hình ảnh khác là hình ảnh một người quấn vải trắng, từ đầu đến chân được bao bọc hoàn toàn bởi vải trắng, khiến cho toàn thân người ấy được bao phủ bởi vải trắng.

Đó đều là những hình ảnh của sự nhận biết (giác tri) toàn thân, của cảm giác hỷ, lạc, hay ý thức sáng suốt tràn ngập khắp toàn thân. Đó là bước mình muốn tập luyện sau khi đã làm quen với hơi thở, bởi vì loại tâm thức (giác tri) khiến cho tuệ giác phát triển không bị giới hạn vào một điểm. Khi mình tập trung vào một điểm và xóa sạch mọi thứ khác, cách thực tập này để lại rất nhiều điểm mù trong tâm. Còn nếu mình tập làm sao để có một sự nhận biết toàn diện hơn, cách thực tập này sẽ giúp xóa đi những điểm mù. Nói một cách khác, mình muốn được trầm mình trong hơi thở, cảm nhận hơi thở đang ở khắp quanh mình. Một trong những cụm từ dùng cho trường hợp này là – *kayagatasati* – có nghĩa là niệm nhúng sâu vào trong thân. Thân được tràn ngập, bảo hòa bởi tâm (giác tỉnh), và tâm tự thẩm nhập, nhúng mình vào trong thân, bao bọc bởi thân. Như vậy, không phải là mình trụ ở một chỗ –

như ở vùng chẩm phía sau đầu chẳng hạn – và từ đó nhìn qua những phần còn lại của thân thể, hay tìm cách ngăn sự nhận biết (giác tri) các phần còn lại của thân thể. Mình cần phải có một sự giác tỉnh khắp toàn thân, toàn diện, 360 độ, để có thể loại trừ các điểm mù ở trong tâm.

Một khi mình đã có loại tâm thức (giác tri) đó, mình ra công duy trì nó – mặc dù chữ "ra công" ở đây không giống như các công việc khác. Mình tập làm sao để không di chuyển sự chú ý của mình, và không để cho nó co rút lại. Mình tập làm sao để không gánh vào các việc khác. Dần dần, công việc này sẽ trở nên tự nhiên hơn, thành ra một bản năng thứ hai hơn. Mình càng lúc càng thấy lắng lại, an ổn và thoải mái. Khi tâm lắng lại, năng lượng bồn chồn, dễ bị kích động thường gặp của nó bắt đầu tan biến. Thân càng lúc càng bớt cần oxygen, vì mức độ hoạt động của bộ óc bắt đầu lắng lại, và hơi thở càng lúc càng trở nên vi tế. Thậm chí nó có thể lắng đọng hoàn toàn, vì bao nhiêu oxygen mình cần đều đi vào qua lỗ chân lông.

Ở điểm này, hơi thở và tâm thức của mình gần như tan chảy vào nhau. Khó mà vạch được lằn ranh giữa hai cái, tạm thời, mình đừng cố phân vạch lằn ranh ấy. Hãy để cho tâm (giác tri) và hơi thở thẩm thấu vào nhau, đan quyện thành một.

Mình cần phải để cho tâm thức này, cảm giác hợp nhất này trở nên thật vững chãi. Bằng không, nó sẽ bị phá vỡ dễ dàng, bởi vì khuynh hướng của tâm là co rút lại. Vừa suy nghĩ gì, là mình rút bớt năng lượng ở một số chỗ nơi thân để chặn chúng khỏi tầm nhận biết của mình, đó là lý do vì sao có sự căng thẳng nơi thân mỗi khi có một ý nghĩ hiện khởi. Thân phải căng chỗ này để mình nghĩ ý nghĩ này; thân phải căng chỗ kia để mình nghĩ ý nghĩ kia, và cứ lui tới như vậy. Không trách gì mới suy nghĩ chút ít đã khiến người mỏi mệt. Theo y lý Trung Hoa, một người làm việc trí óc có khuynh hướng dùng gấp ba lần năng lượng mà một người lao động

chân tay thuần túy sử dụng. Đó là vì việc suy nghĩ kéo theo sự căng thẳng nơi thân thể. Và riêng các suy nghĩ quay trở về quá khứ hay dự phóng tới tương lai lại phải chế tạo ra toàn bộ bối cảnh (cảnh giới) để chúng có thể đặt mình trong đó.

Khi chúng ta làm cho tâm định lại, chúng ta đang suy nghĩ

theo một cách khác. Trong các giai đoạn đầu, chúng ta vẫn còn suy nghĩ, nhưng chúng ta nghĩ độc nhất đến giây phút hiện tại, quán sát duy nhất giây phút hiện tại, tỉnh giác và đặt trong tâm (niệm) những gì đang xảy ra bây giờ và ở đây, vì vậy chúng ta không cần phải tạo ra các cảnh giới quá khứ và tương lai. Và như vậy, thân thể ít bị áp lực hơn. Để có thể duy trì sự tập trung nơi giây phút hiện tại này và không bị rơi tuột trở lại thói quen cũ, mình cần phải giữ tâm giác tri của mình càng rộng càng tốt. Đó là cái giúp mình cắm rễ vào giây phút hiện tại, từ đỉnh đầu xuống đến tận ngón tay, ngón chân. Khi tâm giác tri được giữ cho rộng, nó tránh được tình trạng co rút lại, khiến cho tâm vuột theo các ý nghĩ về quá khứ và tương lai. Mình an trú hoàn toàn trong hiện tại. Nhu yếu suy nghĩ càng lúc càng giảm dần.

Khi các tư tưởng càng lúc càng bớt xen vào dòng lưu chuyển của năng lượng hơi thở (khí), cảm giác sung mãn, đầy đủ sẽ lớn dần lên khắp toàn thân. Kinh điển gọi sự sung mãn, đầy đủ này là hỷ, và cảm giác khinh khoái đi kèm với nó là lạc. Mình để cho cảm giác lâng lâng thỏa mãn này lan trải khắp toàn thân, nhưng mình vẫn duy trì sự tập trung nơi năng lượng hơi thở, cho dù nó có ngưng đọng hoàn toàn đi nữa. Rốt cuộc – mình

không cần phải gấp - thế nào cũng đến lúc thân và tâm có đầy đủ hỷ, lạc, và mình có thể để cho chúng lắng nghỉ. Hoặc cũng có khi hỷ quá vượt trội, áp đảo các yếu tố khác, trong trường hợp này mình hãy làm cho sự giác quán về hơi thở của mình được tinh tế hơn để nó có thể len lỏi vào được dưới tầm ảnh hưởng của hỷ, và mình bước lên mức độ hoàn toàn thoải mái. Lúc bấy giờ, ngay cả sự khinh khoái - tức là cảm giác uống lấy sự dễ chịu (lạc thọ) – cũng lắng xuống, để lại cho mình sự an tĩnh hoàn toàn.

Sau khi mình đã an trú được trong sự an tịnh, mình có thể bắt đầu tìm xem đâu là lằn phân chia giữa tâm thức và hơi thở. Từ nãy đến giờ mình vẫn còn đang thao túng hơi thở, cố gắng làm sao để mỗi lúc một nhạy bén hơn trong lúc thở - biết tác động thế nào thì thoải mái và thế nào thì không thoải mái - để sự uốn nắn của mình càng lúc càng tế nhị hơn, cho đến lúc mình có thể nhả sự uốn nắn, và chỉ đơn thuần có mặt với hơi thở. Điều này giúp hơi thở càng lúc càng trở nên vi tế hơn cho đến lúc hoàn toàn ngưng đọng. Khi mọi thứ đã thật sự vững, thật sự yên, tâm thức (sự giác tri) và đối tượng của tâm thức tự động tách bạch ra, giống như các hóa chất kết tủa được để cho lắng yên lại. Một khi tâm thức đã tách ra, mình có thể bắt đầu trực tiếp uốn nắn các chi phần của tâm, các thọ, tưởng đang định hình tâm thức (giác tri) của mình. Mình có thể ngắm sự vận hành của chúng, từ lúc này, hơi thở được để yên, không còn động tới nữa.

Cũng như việc vặn radio bắt đài: Chừng nào còn có nhiễu xạ, chừng nào mình còn chưa bắt đúng tần số, thì chừng ấy mình vẫn chưa nghe được những âm thanh vi tế trong tín hiệu phát ra. Nhưng một khi mình đã bắt trúng tần số, các nhiễu xạ không còn, thì các âm thanh tế sẽ trở nên rõ hơn. Khi mình đã bắt được đúng tần số của tâm, mình có thể thấy được những điểm vi tế nơi thọ, tưởng trong khi chúng vận hành. Mình có thể

thấy được những kết quả, những ảnh hưởng chúng tác động lên tâm thức (sự giác tri) của mình, và sau một thời gian, mình sẽ nhận ra rằng các tác động này càng bớt thô lậu bao nhiêu, càng tế nhị bao nhiêu thì càng đỡ hơn chừng đó. Do vậy, mình để cho thọ, tưởng lắng xuống. Khi thọ, tưởng lắng xuống, thì chỉ có tự thân tâm thức (giác tri) mà thôi.

Nhưng chính tâm nhận biết này cũng có những lên xuống của nó, và để giúp mình vượt qua các lên xuống đó, Đức Phật bảo mình tác động lên chúng, cũng như khi mình tác động lên hơi thở và các tâm sở thọ, tưởng. Kinh nói đến việc làm cho tâm hoan hỷ, làm cho tâm kiên định, và thả cho tâm được giải thoát tự do. Nói một cách khác hơn, trong lúc mình quen dần với các tầng lớp của định, mình bắt đầu có được cái thấy, biết được đâu là loại định mà tâm thức mình cần đến trong lúc này. Nếu tâm thức mình không ổn định, mình có thể làm gì để giúp nó ổn định? Mình thay đổi khái niệm về hơi thở như thế nào hay điều chỉnh chỗ chú tâm như thế nào để làm cho tâm được vững chãi hơn? Khi sự hành thiền bắt đầu trở nên khô khan, cạn kiệt, mình có thể làm gì cho tâm được hân hoan lên? Và trong lúc mình chuyển từ bậc định (tập trung) này sang bậc định kế, thì đích xác mình phải buông bỏ những gì để giải phóng tâm khỏi bậc định yếu hơn, và giúp nó an trú trong bậc định mạnh hơn?

Khi Đức Phật nói về việc giải thoát cho tâm tại thời điểm này, Ngài không nói về sự giải thoát tối hậu. Ngài nói về loại giải thoát khi mình buông xả - chẳng hạn tầm và tứ trong sơ thiền, giải phóng mình khỏi gánh nặng của các yếu tố đó khi mình chuyển sang nhị thiền, và cứ tiếp tục đại để như vậy qua các bậc định khác nhau. Trong lúc làm như vậy, mình bắt đầu thấy được yếu tố ý chí đã định hình cho các bậc định này như thế nào. Nhận thức này rất quan trọng. Sự hiểu biết có thể đến trong lúc mình đang ở trong định, chuyển từ bậc này sang

bậc kế, trong lúc từ một góc cạnh của tâm nhãn, mình nhận ra mình đang làm gì để chuyển từ một cách cảm nghiệm hơi thở này sang một cách khác, từ mức độ vững chãi này sang mức độ kế tiếp. Và mình thấy rõ ràng đây là một hiện tượng tạo tác.

Đây rốt cuộc đưa đến các giai đoạn hành thiền quán hơi thở đi kèm với cái nhìn sáng suốt vào bên trong (tuệ quán, minh sát). Trước hết là có cái nhìn sáng suốt vào tính chất vô thường ở nơi hơi thở và quan trọng hơn nữa là ở nơi tâm, do mình thấy được rằng ngay các bậc định vững chãi, khinh khoái này cũng do ý chí làm nên. Nằm dưới tất cả sự khinh khoái, vững chãi này là sự liên tục mong cầu, liên tục khởi ý chí để duy trì trạng thái định ấy. Ở đó có yếu tố của sự thủ trước, sự đeo vác nặng nề. Sự minh sát vào tính chất vô thường nhắm vào cách mình tạo tác ra các kinh nghiệm nhiều hơn là cách mình tiêu thụ chúng. Mình thấy được bao nhiêu nỗ lực đổ ra để chế tác ra một loại kinh nghiệm nào đó, và câu hỏi đặt ra là: "Liệu có đáng không? Lúc nào cũng phải liên tục chế tác ra các kinh nghiệm này như vậy, có phải là nặng nề mệt mỏi quá hay không?"

Rồi vấn đề đặt ra sẽ là: "Mình sẽ làm gì để buông bỏ gánh nặng này?" Nếu mình không tác tạo ra các trạng thái định này, thì liệu mình có bắt buộc phải trở về tác tạo ra các loại kinh nghiệm khác hay không? Hay là mình có thể không tác tạo ra bất cứ kinh nghiệm nào nữa cả? Tất cả các kinh nghiệm thường ngày của mình, từ giây phút này sang giây phút khác, dù ở trong hay ngoài (tiểu) định, đều có yếu tố của tư niệm, yếu tố của ý định. Và bây giờ, mình đã đến chỗ mà yếu tố dục cầu, yếu tố của tư niệm đó bắt đầu lộ rõ ra là một gánh nặng không thể chối cãi. Nhất là khi mình nhìn quanh và hỏi: "Mình tạo cái này cho ai? Ai là người tiêu thụ cái này?" Mình sẽ thấy rằng cảm giác mình là ai, ai là kẻ tiêu thụ, thật khó lòng mà định ra cho được, bởi vì tất cả đều được làm bằng các

thủ uẩn, mà tự thân các thủ uẩn là vô thường, có tính gây khổ, và không-phải-ngã. Kẻ tiêu thụ cũng là cái được tạo ra. Cái thấy này làm phát sinh một phẩm chất mà kinh điển gọi là *nibbida,* có thể dịch là sự vỡ mộng hay sự tiêu tan ảo tưởng. Nhiều lúc *nibbida* được dịch mạnh hơn: ly tham, hay yểm ly. Tóm lại đây là cảm giác mình đã chán chê rồi. Mình cảm thấy bị bẫy lừa bởi tiến trình này. Mình không còn thấy bằng lòng với nó nữa. Mình muốn tìm đường đi ra.

Và do đó, mình tập trung vào sự buông bỏ. Theo kinh điển, trước hết là có sự tập trung vào ly tham, kế đến là chuyên chú nơi sự dừng lại, và cuối cùng là chuyên chú vào sự buông xả hoàn toàn. Nói khác hơn, trong giai đoạn cuối, mình buông bỏ mọi loại tác hành, mọi loại ý chí (tư niệm) của kẻ tạo tác, kẻ tiêu thụ, kẻ quán sát, kể cả các tưởng và các ý hành góp phần làm nên con đường (đạo). Khi các yếu tố làm nên con đường (đạo phần) đã làm xong công việc của chúng, mình có thể buông chúng xuống.

Tất cả việc này đều diễn ra nơi hơi thở, khi thân và tâm gặp nhau tại hơi thở. Đó là lý do vì sao Đức Phật chưa bao giờ bảo mình buông đề mục hành thiền của mình là hơi thở. Sự tiến bộ trên đường tu đến từ một việc đơn giản là an trú ngay đây và nhận biết rõ ràng sâu sắc hơn những gì đang xảy ra ngay quanh đây. Mình phát triển được một sự tỉnh giác phổ quát hơn, không phải chỉ bao quát khắp trong thân, mà còn bao quát khắp trong tâm. Mình nhìn xuyên qua các điểm mù đã từng làm cho mình tiêu thụ các kinh nghiệm một cách lãng quên mà quên mất sự thực rằng mình đã tạo ra chúng. Cũng giống như khi xem phim – hai tiếng đồng hồ ánh sáng nhấp nháy trên màn ảnh – xong rồi lại được xem các đoạn phim kể lại người ta đã làm cuốn phim đó như thế nào. Mình nhận ra rằng người ta đã bỏ hàng tháng, có khi hàng năm để thực hiện cuốn phim đó, và câu hỏi đặt ra lúc đó là: "Có đáng không?" Vài

giờ phù phiếm rồi mình quên tuốt - bất kể bao nhiêu công sức, bao nhiêu khổ nhọc bỏ ra để làm cuốn phim đó.

Cũng vậy, khi mình nhìn vào các kinh nghiệm của mình, thấy bao nhiêu nỗ lực đổ vào để tạo ra chúng và mình hỏi liệu có đáng hay không: Đó là lúc mà mình thật sự tiêu tan ảo tưởng, hết còn tham đắm, đó là lúc mình có thể thật sự buông xả. Mình buông xả không phải chỉ có các tưởng hay thọ khi chúng đến và đi, mà còn buông xả cả hành động tạo tác ra các thứ ấy. Mình thấy rằng hành động tạo tác này tràn lan cùng khắp, bao trùm toàn bộ các kinh nghiệm của mình. Mình lúc nào cũng tạo tác, hoặc khéo léo hay vụng về, hoặc thiện hay bất thiện. Mỗi khi có một ý hướng, mỗi khi có một chọn lựa trong tâm là liền có sự tạo tác. Điều này bắt đầu có vẻ ngột ngạt với mình; và rốt cuộc nó đã thôi thúc mình buông bỏ.

Mình buông bỏ việc chế tác, mình buông bỏ sự kiến tạo, và sự buông bỏ thật sự mở ra nhiều thứ. Tâm hoàn toàn mở ra trước một bình diện khác: cái không do duyên hợp mà thành, cái không do chế tác, chỗ không có sinh cũng không có diệt. Và bình diện ấy cũng được tiếp xúc ngay tại đây, cho dù lúc ấy không có ý niệm hơi thở, không có ý niệm thân, không có ý niệm tâm với tư cách một tác nhân đang cảm thọ hay chế tác. Khi Đức Phật nói về chỗ này, Ngài chỉ dùng ngôn ngữ ví dụ, và tất cả các ví dụ đều nói về tự do. Đó là tất cả những gì có thể nói được khi mình cố tìm cách diễn tả bình diện ấy, nhưng làm sao để đạt đến đó, thì có thể nói được rất nhiều. Đó là vì sao Giáo pháp của Đức Phật rất rộng. Ngài dạy rất cặn kẽ làm sao để đạt đến đó, và vạch ra tất cả các bước. Nhưng nếu mình muốn biết cứu cánh là như thế nào, thì chớ có đi tìm các diễn giải, miêu tả rộng ra. Chỉ đi theo các bước mà Đức Phật chỉ dẫn, và mình sẽ tự mình chứng nghiệm ngay tại chỗ.

Thích nữ Giải Nghiêm dịch

Từ nghịch lý EPR (Einstein-Podolsky và Rosen) đến vũ trụ quan Phật học trong kinh Thủ Lăng nghiêm

Đặng Công Hanh*

"Do cái này có nên cái kia có
Do cái này không nên cái kia không
Do cái này sinh nên cái kia sinh
Do cái này diệt nên cái kia diệt".
(Paticcasammuppada Sutta)

Dưới ánh sáng lý tính duyên khởi trùng trùng vô tận, Phật giáo nhìn thế giới hiện tượng như một dòng chảy mênh mông liên tục gồm những sự kiện nối kết với nhau, nương tựa lên nhau và cùng tác động lẫn nhau, cùng sinh thành, cùng tồn tại và cùng hoại diệt.

Trong khi đó vì cái giới hạn của nhận thức và khát vọng sinh tồn của kiếp nhân sinh hữu hạn nên cách thế mà chúng ta nhận thức về dòng chảy này bị cô đọng lại trong một vài khía cạnh của vũ trụ bất khả phân. Cũng từ đó đã tạo cho ta cái ảo tưởng rằng có những thực thể độc lập, tách biệt nhau và tách rời khỏi con người. Với tiểu luận này người viết nỗ lực bằng sự hiểu biết hạn chế của mình để khơi dậy một thông lộ giữa hai lĩnh vực sự khám phá khoa học và tuệ giác Phật giáo.

* Đặng Công Hanh: Khoa trưởng Khoa học cơ bản Đại Học Kiến trúc

1. HỪNG ĐÔNG CỦA MỘT THỜI ĐẠI MỚI

Có thể nói cho đến cuối thế kỷ 19, vật lý cổ điển qua cơ học Newton và thuyết sóng điện từ của Maxwell hoàn toàn chiếm lĩnh trong tư duy hầu hết các nhà khoa học trong việc phân giải các sự kiện và các quá trình của tự nhiên.

Người thầy của Max Planck, nhà Vật lý Kirchoff đang nghiên cứu về quang phổ phát xạ từ vật thể nóng. Kết quả thí nghiệm cho thấy năng lượng phát xạ từ vật thể nóng phụ thuộc vào hai yếu tố là tần số phát xạ và nhiệt độ. Năm 1859 Kirchoff đã không thể dùng lý thuyết vật lý để giải thích được kết quả thí nghiệm. Trong vòng 40 năm sau đó có nhiều nhà vật lý từ Stefan, Boltzman, Wien đã đưa ra các công thức nhằm giải thích phù hợp với kết quả thực nghiệm (Định luật Stefan Boltzman, định luật Wien). Năm 1900 vào mùa thu, Planck sau một thời gian nghiên cứu vấn đề này không thành công và nhất là nghe tin, định luật Wien đã không thích hợp qua một thí nghiệm ở tần số thấp hơn, nên đã quan tâm lại vấn đề này. Trong một suy tư xuất thần Planck đã đưa ra công thức thật đơn giản giải thích thỏa đáng các kết quả của thí nghiệm về sự phát xạ từ vật thể nóng. Công thức mà Planck xây dựng cho năng lượng phát xạ từ vật thể nóng đặt trên một ý niệm cơ bản cho rằng năng lượng phát xạ không phải liên tục mà là ngắt đoạn, riêng lẻ, từng các gói đơn vị năng lượng gọi là lượng tử, mỗi lượng tử có năng lượng tỉ lệ với tần số của bức xạ: $E = h.\upsilon$ (trong đó h là hằng số Planck). Ý nghĩa của công thức này thì không ai biết, vì không ai tin rằng trong thiên nhiên lại có tính rời rạc và chính Planck thú nhận đó là "một hành động của sự tuyệt vọng" vì ông ta không thể dự đoán hết được những gì xảy ra sau đó. Tuy nhiên có một người thấy được đằng sau đó một quy luật phổ biến của vật lý và tìm cách hiển lộ rõ trong suốt gần hai mươi năm sau. Đó là Albert Einstein, vào năm 1905 đã áp dụng thuyết lượng tử của Planck để giải thích hiện tượng quang điện của các tia tử ngoại qua các hạt năng lượng

gọi là photon, tạo niềm tin về cơ sở cho thuyết lượng tử. Quan niệm của Einstein như sau: Ánh sáng ngoài tính sóng cũng còn có tính hạt, mỗi hạt, một photon mang năng lượng E = h. tương ứng với tần số tùy theo màu sắc của nó. Khi va chạm vào tấm kim loại photon bị các electron của kim loại hấp thụ nguyên gói và có thêm năng lượng để tách rời khỏi tấm kim loại. Ông đã tính được năng lượng của các electron bị tách ra bằng công thức:

E = h.υ - P

E: Là năng lượng mang theo khi electron tách ra.

P: Là năng lượng cần thiết để electron thoát khỏi tấm kim loại

Giả thuyết ánh sáng được cấu thành từ các lượng tử năng lượng đã bị cộng đồng các nhà vật lý lạnh nhạt và đón nhận một cách hoài nghi vì nó đi ngược lại các quan điểm vật lý của 3 thế kỷ trước đó, qua các công trình mà Young, Huygens, Maxwell, v.v… trên thực tế để ủng hộ mạnh mẽ quan điểm ánh sáng có tính sóng.

Chính Planck cũng không mấy vui vẻ với ý tưởng về lượng tử năng lượng, mặc dù ông ta đã đưa nó vào vật lý. Đối với ông thì ánh sáng phát xạ từ vật thể nóng là sóng chứ không phải hạt – Trong thâm tâm của ông lượng tử hóa năng lượng của ánh sáng chỉ là thủ thuật toán học?

Năm 1907, Einstein đã xác quyết mạnh mẽ trong bài báo "thuyết bức xạ của Planck và thuyết nhiệt đặc trưng" rằng: tính gián đoạn của lượng tử không phải chỉ đúng cho bức xạ mà đúng cho cả cho vật chất thông thường [1]. Với bài viết này, giả thuyết lượng tử của Planck được nâng lên thành lý thuyết.

Năm 1913, Bohr nhà vật lý làm việc tại phòng thí nghiệm của Rutherford tại Anh đã kết hợp mô hình nguyên tử của Rutherford với mô hình các lượng tử của Planck để xây dựng lại mô hình nguyên tử và cho rằng electron không phải ở bất cứ quỹ đạo nào

mà chỉ có trên một vài quỹ đạo với trạng thái năng lượng nhất định. Sự thay đổi các tầng năng lượng tương ứng với năng lượng chúng hấp thụ hay mất đi qua phát xạ. Mô hình này giải đáp được các vấn nạn mà vật lý cổ điển (Newton, Maxwell) không giải quyết được. Khi 1 electron chuyển động quanh hạt nhân thì theo vật lý cổ điển, sóng sẽ được phát ra và vì thế mất dần năng lượng sẽ rơi vào nhân trong một thời gian rất ngắn, tại sao nó không xảy ra. Như vậy, tính gián đoạn xảy ra ngay trong lòng của chính vật chất [2].

2. THÍ NGHIỆM YOUNG Ở GÓC ĐỘ MỚI CÁI HUYỀN BÍ CỦA THẾ GIỚI VI MÔ

Thí nghiệm sau đây do Young đã nghĩ ra từ năm 1802 với ánh sáng chỉ có bản chất sóng, nhưng mãi đến thế kỷ 19, ánh sáng được quan niệm vừa hạt vừa sóng. Với kỹ thuật mới, người ta có thể thực hiện theo cách phóng hạt photon đi từng hạt một. Chúng ta biết rằng nếu chỉ có một khe mở ra thì trên màn hình hiển thị một vết sáng, nhưng nếu mở cả hai khe, và từng hạt photon được phóng đi, sau một thời gian tích lũy thì trên màn hình xuất hiện vân giao thoa. Điều khó hiểu là tại sao 1 photon đơn đơn độc cùng lúc đi qua 2 khe hở để tạo sự giao thoa trên màn hình. Và tại sao 1 photon biết được một khe mở, hai khe mở để cuối cùng chọn lựa kiểu hình vẽ trên màn hình. Lại nữa, khi đặt máy phát hiện photon đi qua khe nào thì hiện tượng giao thoa biến mất. Đây cũng là một sự huyền bí tựa hồ lẽ huyền vi của sự sống ngay giữa lòng thiên nhiên, im lặng, tịch mặc, vô ngôn.

Cơ học lượng tử giải thích hiện tượng nói trên như sau: mỗi một photon đi qua mỗi khe với một xác suất nhất định và vì thế sự giao thoa chính là sự giao thoa của các xác suất ở mỗi khe bởi vì chúng ta vẫn có sóng với một số xác suất. Khi nó bị quan sát bằng máy đo thì tính chất sóng gây ra giao thoa sẽ mất đi và do đó không còn giao thoa nữa. Sự diễn giải nói trên còn gọi là sự diễn giải Copenhagen do Bohr làm đại diện. Diễn giải này đặt con người vào

vai trò là vừa là diễn viên vừa là khán giả. Khi không có máy đo thì đặc tính hạt và sóng hiện diện cùng một lúc với nhau, chồng chất lên nhau trong thế giới lượng tử mặc dù chúng hoàn toàn trái ngược nhau [2].

Theo quan điểm nhóm Copenhagen khi chúng ta dùng dụng cụ để quan sát hạt trong thế giới lượng tử thì thế giới lượng tử bị va chạm và sụp đổ thành thế giới cổ điển: hạt thì có thật, sóng chỉ là một công cụ toán học đại diện cho sự hiểu biết xác suất của ta về hệ thống. Hàm sóng lượng tử không biểu tượng sóng thông thường như sóng nước hay sóng âm. Sóng lượng tử không vận tải năng lượng, nó là sóng vận tải khả năng hay xác suất cho biết khả năng quan sát đo lường một hạt vừa đặt máy ở vị trí nào đó. Bohr nói "không có thế giới lượng tử, chỉ có sự mô tả một khái niệm về lượng tử". Theo Bohr thì chính ý thức quan sát đo lường làm cho mọi sóng khả năng sụp đổ thành mỗi hạt, một thực tại lượng tử và một thực tại lượng tử là thật có cho đến khi nó là một hiện tượng được quan sát, đó là ý kiến của John Wheler. Schrodinger là nhà vật lý sáng chế ra phương trình sóng đã mô tả cách giải thích của nhóm Copenhagen qua thí nghiệm tưởng tượng "con mèo Schrodinger" được thiết kế như sau:

Con mèo được nhốt trong một hộp kín trong đó có một lọ chứa chất độc khí, một nguyên tố có tính phóng xạ. Sau một thời gian nếu chưa có sự phân hủy của nguyên tố phóng xạ thì con mèo vẫn sống bình thường. Nếu nguyên tố bị phân hủy để phóng xạ thì lọ chứa chất khí độc bị vỡ con mèo chết ngay. Người ta thiết kế thế nào để sau một thời gian nhất định khả năng phóng xạ được phóng thích 50%. Tình trạng của con mèo được biểu diễn bằng một hàm số sóng biểu tượng khả năng con mèo chết và sống chồng chất lên nhau. Khi mở hộp ra quan sát thì hàm số sóng bị sụp xuống giá trị riêng. Con mèo sống nhảy ra hoặc chết ngay lúc mở hộp.

Từ một giả thuyết được Planck nêu lên năm 1900 và 20 năm

sau đó đã có nhiều công sức đóng góp của nhà vật lý trẻ ngành cơ học lượng tử, họ đã thoát hẳn ra khỏi cơ học Newton và lý thuyết điện tử của Maxwell bởi lẽ các yếu tố xuất hiện trong các định luật của chúng không đặt vấn đề diễn tả cái thực tại vật lý đó mà chỉ mô tả cái xác suất xuất hiện của thực tại đó.

Có thể nói rằng, Einstein là một trong những người khai phá và đóng góp rất lớn cho ngành lượng tử nhưng cũng chính ông là người không ngừng nêu lên tính không hoàn thiện của nó.

Ông cho rằng cách diễn tả bằng xác suất là nguồn gốc của sự không đầy đủ của cơ học lượng tử trong việc mô tả thiên nhiên. Ông đã nỗ lực cho đến cuối đời trong việc luôn luôn đi tìm một giải pháp cội nguồn của nó trong lý thuyết trường thống nhất. Năm 1926 ông viết thư tâm sự với Max Born tán thán lý thuyết lượng tử vì nó đem lại nhiều thành công, tuy nhiên ông than thở rằng nó không đưa đến gần hơn các bí mật của Thượng đế và ông ta tin rằng "Thượng đế không chơi đổ xí ngầu" [3].

3. NGHỊCH LÝ EPR VÀ CÁC NHÀ KHOA HỌC ĐÃ NÓI GÌ?

Vào những năm 1920, sự phê phán của Einstein đối với cơ học lượng tử gần như đã đến cực điểm. Ông ta cùng với các đồng nghiệp là các nhà vật lý De Broglie, Schrodinger, David Bohm, John Bell, họ đã không chấp nhận sự diễn giải của nhóm Copenhagen mà đại biểu là Bohr về thực tại lượng tử như một sự thật đầy đủ và nêu lên những vướng mắc của chúng. Đầu năm 1935, ba nhà vật lý Einstein, Podolsky và Rosen đã có sáng kiến đặt ra một thí nghiệm tưởng tượng gọi là thí nghiệm EPR để chứng minh diễn giải của nhóm Copenhagen không đúng. Thí nghiệm được mô tả như sau:

Xét 1 hệ thống hạt đôi có spin O (hai hạt có spin trái dấu nhau) có thể hiểu rằng 2 hạt có chiều quay ngược nhau). Bằng cách nào đó mà không ảnh hưởng đến Spin của chúng, ta đẩy 2 hạt tách ra

chạy theo 2 chiều ngược hướng A và B. Sau đó có thể dùng một thiết bị thay đổi spin của chúng ở bên A hay bên kia B. Một điều kỳ lạ là nếu máy phát hiện hạt chạy phía này A có spin quay phía phải thì hạt chạy phía kia B sẽ quay trái. Điều khó hiểu ở đây, theo cơ học lượng tử là khi đặt máy thăm dò tại A hay B thì sóng bị sụp đổ do đó chỉ có thể xảy ra một trường hợp là A đã thông báo cho B biết. Điều này hàm ý rằng có một tín hiệu ánh sáng được phóng xạ với tốc độ vô hạn và như vậy trái với lý thuyết tương đối hẹp, cũng không hề có chuyện "Thượng đế" phóng ra tín hiệu thông báo và cũng không có hành động "ma quỷ" nào ở gần đó can thiệp. Einstein cho rằng thuyết lượng tử đã không cung cấp sự mô tả đầy đủ về thực tại và ông cho rằng mỗi hạt đều hàm chứa những những "ẩn số" mà thuyết lượng tử không biết rõ và do đó thuyết lượng tử không hoàn chỉnh [1].

Vài năm trước khi mất, Einstein viết thư cho người bạn ông là nhà vật lý Lanczos và tâm sự rằng: nếu ai đó nói với ông rằng anh ta hiểu được ý nghĩa của hệ thức $E = h.\upsilon$ thì hãy nói với anh ta rằng anh ta là người nói dối. Bản chất nhị nguyên của ánh sáng, ngày nay cả thế giới đều thừa nhận, nhưng chưa có sự giải thích được cái nghịch lý này bởi hai lý do của các đặc trưng:

+ Hạt vật chất chỉ khu biệt trong không gian rất nhỏ.

+ Sóng thì lan truyền mọi hướng trong không gian.

Hơn 30 năm sau, các nhà vật lý cố gắng thiết kế một thí nghiệm kiểu mẫu EPR để kiểm chứng nhưng đã gặp không ít khó khăn. Mãi đến năm 1964 nhà vật lý Ái Nhĩ Lan John Bell mới tìm ra cách thể hiện ý tưởng EPR trong một dự trình có thể kiểm chứng được trong phòng thí nghiệm bằng cách xây dựng một định lý toán học gọi là "bất đẳng thức Bell". Bất đẳng thức này có thể kiểm chứng bằng thí nghiệm nếu như hạt thật sự có chứa những "ẩn số" như ý tưởng của Einstein.

Vào thập niên 80, nhà vật lý Alain Aspect tại Paris đã thực

hiện những thí nghiệm trên một cặp photon được tạo điều kiện để chúng tác dụng qua lại nhau. Họ đã khám phá bất đẳng thức Bell bị vi phạm, có nghĩa là chúng không hàm chứa những "ẩn số", điều này chứng minh rằng cơ học lượng tử đúng và ý tưởng của Einstein không hợp lý.

Đầu năm 1998, nhà vật lý Nicolas tại Genève đã thực hiện đưa 2 photon cách xa 10 km nhưng chúng vẫn ứng xử tương quan nhau, điều này cho thấy một khi đã tương tác với nhau trở thành một thực tại bất khả phân thì chúng vẫn biết nối kết nhau. Cơ học lượng tử như vậy đã loại trừ mọi ý tưởng về cục bộ và cho ta một cái nhìn tổng thể về không gian mà các nhà vật lý gọi là tính "bất khả phân" hay tính "phi cục bộ".

Về *Định lý Bell,* nhà vật lý Henri Stapp cho rằng nó đã mở ra một cánh cửa nhìn vào thiên nhiên huyền bí. Tuy nó không giải thích được cái huyền bí mà chỉ xác nhận cái huyền bí và làm cho các huyền bí càng thêm sâu thẳm. Đối với các nhà vật lý, họ quan niệm rằng có một loại vật lý hiện tồn tại "loại vật lý phi cục bộ, phi không gian, phi thời gian ở ngoài trực giác của chúng ta, tồn tại như dạng một cách tiên nghiệm" [4].

David Bohm, giáo sư Đại học London là nhà vật lý Lượng tử chính thống đã từng làm việc chung với Einstein, đề xuất một lý thuyết mới nhằm giải thích được các hiện tượng vật lý trong lý thuyết tương đối và lý thuyết lượng tử gọi là thuyết "vận động toàn thể" (holomouvement). Trong lý thuyết này ông phân biệt hai dạng trật tự của thực tại:

+ Trật tự dàn trải (explicate order) có một nội dung: mỗi sự vật được xem là riêng rẽ, chiếm cứ một không gian riêng, các sự vật nằm ngoài nhau và tác động lên nhau.

+ Trật tự tiềm ẩn (implicate order) cho rằng cái vận động toàn thể nằm trong cái riêng lẻ hay nhìn thực tại như một toàn thể vị phân hóa có nghĩa là thực tại là hình ảnh của vũ trụ ẩn tàng trong

đơn vị nhỏ nhất và cái riêng lẻ thì lưu xuất từ cái toàn thể nói trên.

Năm 1971, nhà Vật lý Gabor được giải Nobel về công trình phép ghi ảnh toàn ký (hologram) có thể cho phép ta hình dung về khái niệm của trật tự tiềm ẩn này.

Ảnh toàn ký là hình ảnh 3 chiều được chụp bởi tia laser: Một vật thể 3 chiều được chiếu bằng tia laser, sau đó cho phản chiếu lên film. Tâm phim lại được chiếu bằng một nguồn laser thứ 2. Hai nguồn laser giao nhau trong phim và ảnh giao thoa sẽ được ghi lại trên phim. Bây giờ ta rọi phim bằng tia laser khác thì ảnh 3 chiều sẽ hiện ra. Điều kỳ lạ là khi ta cắt phim thành nhiều mảnh nhỏ, thì trên mỗi mảnh nhỏ hình ảnh vật thể 3 chiều vẫn hiện ra đầy đủ [4].

Vậy cái toàn thể và các phần tử của nó dù nhỏ nhất bao nhiêu đi nữa đều là cái duy nhất và như nhau. Với David Bohm cái toàn thể tương thích với trật tự tiềm ẩn bất khả phân của vũ trụ.

Thực tại tiềm ẩn đó chính là cái toàn thể bất khả phân, không định nghĩa và không đo lường được, mọi hiện hữu trong thực tại tiềm ẩn đó nối kết chặt chẽ và luôn luôn vận động và thực tại đó chính là nguồn gốc, là cơ sở của mọi dạng xuất hiện vật chất và tâm thức. Ý tưởng này thật đơn giản và nó nói lên một điều đơn giản rằng nếu chúng ta đào đủ sâu, sẽ thấy có sự khác biệt giữa cách mà chúng ta nhìn thế giới hiện tượng và cái chúng thực sự đang là [5].

Theo David Bohm, chúng ta phải từ bỏ cách nhìn về vũ trụ như hiện nay đang nhìn, xem nó gồm nhiều phần tử riêng lẻ đang dàn trải ra trong khoảng không, thời gian. Điều mà Bohm gọi là "trật tự dàn trải" nói trên.

David Bohm đã đề nghị phải xoay chiều hướng nghiên cứu vật lý: thay vì xét các sự vật riêng lẽ rồi tìm hiểu trên sự tương quan liên hệ giữa chúng, vật lý học phải bắt đầu từ cái toàn thể vị phân hóa tức là các trật tự tiềm ẩn (implicate order) mà ông cho đó là nguyên lý sáng tạo của mọi tồn tại. Nó không thể là đối tượng của nhận

thức thường nghiệm vì nó phổ biến khắp vật chất và là bản thể của vật chất. Trên nền tảng đó David Bohm đã nêu lên các luận điểm.

+ Vì trật tự tiềm ẩn đó luôn luôn vận động nên có ẩn, có hiện có những dạng xuất hiện mà giác quan ta thấy là hạt và khi những điều kiện thay đổi thì dạng xuất hiện cũng thay đổi nên lúc đó ta có dạng sóng. Theo David Bohm thì vật chất chỉ là một trong số khía cạnh thứ cấp của cái toàn thể vận động (sultotaliry mouvement).

+ Trật tự tiềm ẩn có nhiều chiều còn trật tự dàn trải mà chúng ta cảm nhận được chính là sự phóng chiếu của cái trật tự nhiều chiều đó lên không gian ba chiều. Để hình dung cái trật tự tiềm ẩn đó, theo Nguyễn Tường Bách, David Bohm đã ẩn dụ "hồ cá" sau đây để minh họa: Trong hồ cá chỉ có một con cá. Đặt hai máy quay phim thu hình theo hướng khác nhau của con cá rồi được chiếu lên hai màn hình A, B khác nhau. Khi nhìn lên hai màn hình ta không thấy mối liên hệ hay sự tương tác nào với nhau cả, nhưng thực tế chỉ là hình ảnh 1 con cá duy nhất.

+ Đối với David Bohm, vũ trụ là một biển năng lượng khổng lồ, đa chiều, hoạt động như dạng trật tự tiềm ẩn, còn vũ trụ vật chất như ta đang thấy là một biến dạng của trật tự đó khi vận động bị nhiễu loạn mà sinh ra và phóng chiếu trên không gian ba chiều ta đang sống.

+ Lịch sử của vũ trụ theo giới khoa học được hình thành sau vụ nổ lớn (big bang) khởi thủy từ một điểm cực nhỏ trong không gian và thời gian cách đây chừng 10 tỷ năm. Theo David Bohm thì vụ nổ đó chỉ là gợn sóng rất nhỏ của biển năng lượng khổng lồ đang vận động. Vì vậy, trong vũ trụ đó, ngay cả sự sống của thế giới hữu tình và của thế giới vô sinh cũng lưu xuất từ cái trật tự tiềm ẩn đó. Đối với thế giới hữu tình, đặc biệt là con người, thân vật chất và ý thức có tác dụng hỗ tương nhau, ý thức sinh ra những dấu vết trên thân vật chất và ngược lại. Tuy nhiên cái ý thức và thân vật chất đều là phản ảnh cái thực tại đó nhưng không có mối liên hệ nhân

quả và chúng xảy ra đồng thời [8].

Lâu nay, người ta vẫn nhìn thế giới hiện tượng như là một thực thể khách quan, nằm bên ngoài người quan sát và nó là đối tượng đích thực của ngành vật lý. Đối với David Bohm thì thế giới hiện tượng chỉ là một "trật tự dàn trãi" phô diễn cái gốc sâu kín hơn, đó là trật tự tiềm ẩn bao gồm cả thực thể vật chất lẫn ý thức, bao gồm cả sự sống của sinh vật và con người. Lý thuyết về "sự vận động toàn thể" của David Bohm làm ta liên tưởng đến quan niệm trong triết học Duy thức về thức A-lại-da hay Tàng thức, Như lai tạng thức. Thức này rộng lớn, tiềm ẩn sâu xa và chứa tất cả các chủng tử nghiệp trong dòng tâm thức, trong đó vật chất chỉ được nhìn nhận như là vọng tâm được "lóng lại thành cõi xứ". Theo kinh Thủ Lăng nghiêm: "Sự sống, ý thức lẫn vật chất đều lưu xuất từ một thể." Đó là *Chân như* trong thuyết *Chân như duyên khởi* của Phật giáo Đại thừa, nó vừa là nguyên nhân, vừa là kết quả của tất cả, và đạt đến mức độ siêu việt thì nhân quả sẽ đồng thời. Không gian, thời gian và con người là sự thể hiện tức thời và vĩnh cửu của Chân như.

Xa hơn nữa, cái "vận động toàn thể" đối với vũ trụ quan của Đông phương gọi là Đạo. Đó là thực tại tối hậu và cũng là thực tại khởi thủy – không có nhân hình, nhân tướng dàn trải khắp nơi và không riêng một nơi nào cả, nó siêu việt cả thời gian và không gian nhưng đồng thời nó hiện hữu trong thời gian và không gian. Đạo biểu lộ ra vũ trụ (trật tự dàn trải) hay vũ trụ là hiện thân của Đạo, do đó vũ trụ có thể tự tổ chức, tự tiến hóa. Nhờ có ý thức tự tổ chức tự tiến hóa này mà vật chất vô sinh có thể đột biến thành hữu sinh và sinh vật có thể đột biến thành loài người [6].

4. VŨ TRỤ QUAN PHẬT HỌC TRONG KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Kinh Thủ Lăng nghiêm là Kinh Đại thừa, đức Phật chỉ dạy về tâm (hay chân tâm). Chúng sinh do không ngộ được chân tâm nên muôn kiếp cũng là chúng sinh, trầm luân trong bể khổ sinh tử.

Chân tâm là khái niệm chính yếu của Kinh thủ Lăng nghiêm, nó còn được gọi là Như Lai tạng, muốn hiểu bản thể của tâm, cần phải chấm dứt vọng tâm để vượt qua nhị nguyên chủ thể, khách thể.

Để hình dung vọng tâm vận động như thế nào trong đời sống mỗi người, ta thử phác thảo một ví dụ.

- Một hôm đang ngồi yên lặng, bỗng nhiên trong tôi nghĩ nhớ tới người bạn thân: đây là lớp vọng tâm thứ nhất.

- Rồi lại tưởng nhớ lại những gì người bạn đã tâm sự với tôi – đây là lớp vọng tâm thứ 2.

- Rồi tôi trở nên xót xa và dày thêm thương nhớ - đây là lớp vọng tâm thứ 3.

- Rồi tôi toan tính phải tìm gặp người bạn những ngày hôm sau đó. Đây là vọng tâm thứ 4… Nếu không nhận ra rằng tâm đang cuốn theo vọng thì phiền muộn sẽ bất tận. Con người, hằng ngày ai cũng sống theo vọng tâm. Ta hãy nghe nhạc sĩ TCS trong một chốc lát tâm tư đồng vọng ngồi hát:

"Lòng thật bình yên, mà sao buồn thế
Giật mình nhìn tôi, ngồi hát bao giờ"

Lần khác và nhiều lần như vậy, vọng tâm đưa đẩy nhạc sĩ lui về quá khứ xa xăm hay trôi dạt về phía tương lai trong một tâm trạng hư hư, thực thực.

- Em phụ tôi một thời bé dại
Thơ dại ra đi không nhớ gì tôi.
- Hai mươi năm sau vẫn là thuở nào
Nợ lần này trong cõi đời sau.

Kinh Lăng nghiêm nói về một thể uyên nguyên, không hình, không tướng, không nhân cách và không thể nghĩ bàn gọi là Chân tâm. Bản tính của Chân tâm là thanh tịnh. Chân tâm có hai công năng gọi là diệu và minh.

+ Tính minh là tính biết và tính biết thì vô thủy vô chung.

Nhưng lúc khởi mà chợt bất giác không biết mình là khởi, tưởng những cái hiện hữu (pháp trần) là từ bên ngoài mà có gọi là vô minh. Vô minh có nghĩa là Tâm chỉ minh mà quên diệu.

+ Tính diệu là năng khởi, năng sinh muôn pháp nên sau khi bất giác vô minh khởi lên, tâm không ngừng ở đó mà tạo tiếp niệm thứ hai, thứ ba và liên tục bất tận. Theo kinh Lăng nghiêm, khi tâm khởi một bất giác vô minh (tự quên nó là ai, là cái gì) nên nó tạo ra cái Ta đại diện cho nó. Cái ta ban đầu chỉ hiện mờ nhạt nhưng do tính năng khởi, năng sinh nên cái ta kiên cố dần dần và thế giới hiện tượng bắt đầu trình hiện cho một quan sát viên. Mỗi quan sát viên (cái ta) thấy một thế giới riêng mà thuật ngữ Phật giáo gọi là kiến phần và tướng phần. Vậy cả hai kiến phần và tướng phần đều lưu xuất từ Chân tâm sau khi đã bị vọng hóa. Chính sự vọng hóa tiếp tục xoay vần sinh khởi tiếp nối nhau làm cho người quan sát (cái ta) thấy có vật chất, có không gian và thời gian.

Theo kinh Lăng nghiêm, mỗi cá thể tùy theo nghiệp cảm của mình mà tạo các thế giới riêng, đan xen, hòa hợp, làm nhân, làm duyên tạo thành một thế giới chung có thành, có hoại, tiếp tục không dứt.

Đối với loài người, do tính cộng nghiệp nên các cá nhân thấy chung một thế giới và sự vật chỉ là một trình hiện nên không thể nói có, nói không một cách tuyệt đối, chúng có với người này và không với người khác.

Bản tính của Tâm là thanh tịnh. Khi tâm bất giác khởi niệm về ngã (Ta) rồi theo đó tạo ra một cái thân cho ta hiện hữu. Khi sống thì thân làm bằng vật chất. Trong giấc ngủ, thân nằm yên bất động thì Tâm tạo ra một thân khác gọi là thân trong mộng. Khi ngủ mê thì hiện ra giấc mộng, có ta, có người, có cảnh vật, có không gian, thời gian. Lúc tỉnh thì mọi thứ đều hết. Câu chuyện về giấc mộng Nam Kha trong nhân gian ai cũng biết hay câu chuyện nhà hiền triết Trang Tử hằng đêm đi ngủ thấy mình là bướm. Sáng thức dậy

thấy mình là người. Đêm đi ngủ thấy mình là bướm. Cứ thế, sáng là người đêm là bướm. Do đó ông ta tự hỏi mình là bướm hay là người. Là bướm trở thành người hay người trở thành bướm?

Thế giới hiện tượng mà ta cảm nhận theo Phật giáo là một sự trình hiện, là một huyễn cảnh, là hoa nắng giữa hư không. Cả ta (quan sát viên), cả cảnh vật đều lưu xuất từ Tâm bị vọng hóa. Tất cả những khởi niệm sau này của Tâm gọi là hành, hành là sự hoạt động của Tâm nhưng đã mang tính chất vô minh. Cái tính minh ban đầu bị ô nhiễm bởi cái ngã (cái Ta) và tưởng rằng sự vật tồn tại độc lập bên ngoài. Quá trình vọng tưởng chồng chất nhau sinh khởi và diễn biến liên tục lạc vào thế giới vật chất và tưởng nó là thân. Thân sinh ra cảm thọ, từ cảm thọ dễ chịu sang khó chịu mà sinh ra ái và dẫn đến sự chiếm hữu.

Thuật ngữ Phật học ở trong các Kinh gọi ngũ uẩn gồm thân vật chất (sắc) và bốn uẩn khác là thọ tưởng, hành, thức. Khi chân tâm bất giác khởi lên một niệm thì toàn bộ tiến trình thọ, tưởng, hành, thức sinh khởi phát triển và sa vào chấp ngã và chấp pháp. Ngũ uẩn bao phủ trên một cá thể với hai dạng tâm lý và vật lý. Lúc đó thế giới mà ta đang thấy bao quanh ta gồm vật chất và các hoạt động tâm lý.

Trong các kinh Đại thừa như Hoa Nghiêm, Duy ma, Thắng Man… cho chúng ta hình dung Chân tâm như là một biển tinh lực vô hạn và xuất hiện trong thế giới hiện tượng ở dạng quang minh, và cho rằng quang minh thường xoay vần theo hình trôn ốc và khi quay chậm lại tạo thành sơn hà, đại địa và chúng sanh. Bồ-tát Văn Thù như đã nói trong Kinh Lăng nghiêm:

"Tưởng chừng thành quốc độ"
"Hay biết" là chúng sinh.

" Trong một đoạn kinh Lăng nghiêm, để trả lời cho ông Phú-lâu-na hỏi Phật tại sao bỗng nhiên lại sinh ra sông, núi, đất liền và vạn vật ? Phật dạy rằng do nghiệp lực của Vô minh: khi động thì

tạo thành sơn hà đại địa, khi tĩnh thì tạo Hư không. Vạn vật tuy nhiều nhưng xét lại đều do vọng niệm mà sinh ra cả. Trong một vọng khởi thì thành ra thế giới vì vậy một vọng niệm là Tổ của loài hữu tình và vô tình".

5. SỰ TƯƠNG ĐỒNG

* Với các biện giải đã trình bày ở đoạn trên, khi chân tâm khởi một niệm bất giác thì có Ta và thế giới hiện tượng. Cái Ta với vai trò chủ thể, thế giới hiện tượng là khách thể. Cả chủ và khách đều lưu xuất từ một thể (chân tâm), chúng dung thông, chứa đựng lẫn nhau, dựa lên nhau mà có. Có người quan sát và có vật được quan sát. Nhà vật lý lượng tử chính thống David Bohm đã đề xuất lý thuyết vận động toàn thể (holomouvement) gồm hai trật tự tiềm ẩn và dàn trải.

* Trong cơ học lượng tử và thuyết tương đối đều xác định phải đưa quan sát viên vào quá trình chung với vật được quan sát. Theo Phật giáo nếu không có quan sát viên thì sẽ không có vật được quan sát. Nếu không có ai quan sát thì vật sẽ không có. Đã có lần nhà bác học Einstein bày tỏ đồng tình với cái nhìn của Phật giáo khi phát biểu:

"Có phải mặt trăng chỉ tồn tại khi tôi nhìn lên nó chăng"

* Quan niệm của ngành vật lý lượng tử là: Mỗi đơn vị cực nhỏ (cực vi) trong chân không lượng tử chứa một năng lượng vô hạn. Đối với Phật giáo thì thế giới vật chất như đã trình bày ở trên lưu xuất từ Chân tâm: Sắc tức thị không. Sắc bất dị không". Vả lại Chân tâm là một biển tinh lực vô hạn.

* Trong các thí nghiệm do nhà vật lý Alain Aspect tại Paris trong thập niên 1980 đã kiểm tra nghịch lý EPR đã kết luận về tính nối kết của hai photon ở hai hướng khác nhau, theo Phật giáo thì vật chất lưu xuất từ Chân tâm nên chúng biết nhau, kết nối nhau là hiển nhiên.

* Khi Chân tâm khởi lên một niệm bất giác vô minh thì vật chất xuất hiện nên vật chất không có tự tính, tùy theo duyên (điều kiện đo đạc, quan sát) nên lưỡng tính hạt và sóng tùy theo đó mà xuất hiện, Phật giáo không thấy có mâu thuẫn nào cả.

* Theo Von Neumann, nhà bác học nguyên tử Mỹ, nhân vật trung tâm sáng chế bom hạt nhân thả trên đất Nhật năm 1945, đã quan niệm rằng toàn bộ thế giới vật lý là thế giới Lượng tử. Muốn mô tả thế giới đó theo lý luận toán học ông ta bắt buộc phải sử dụng những hàm số sóng khả năng (sóng xác suất) chứ không thể mô tả như một tập hợp hữu hạn các phẩm tính với một số giá trị. Thế giới lượng tử không còn là thế giới của hai cực biên "có, không" mà là thế giới của "có thể". Có thể có, có thể không, có thể vừa có vừa không, có thể chẳng có chẳng không. Theo Phật giáo quan niệm thì vạn hữu sinh khởi do Tâm và cái mà ta gọi hiện hữu cũng do Tâm nốt.

* Trong hình ảnh hiển thị bởi phép toàn ký đã trình bày, hình tướng và cấu trúc của toàn thể sự vật đã được thu nhiếp trong mỗi vùng của ảnh toàn ký. Khi chiếu ánh sáng vào bất cứ vùng nào thì vùng ấy mở bày khai phóng trở lại tái tạo hình ảnh của toàn thể sự vật như trước đó (hologram) David Bohm đã có quan niệm giống như Phật giáo quan niệm: Một trong tất cả, tất cả trong một, như một thế giới của sự - sự, vô ngại pháp giới của Hoa Nghiêm

Theo chiều dọc của lịch sử, ta thấy ngành vật lý phát triển rất nhanh và nhất là càng đi sâu vào bản thể của vật chất. Bao lâu con người còn hiện diện trên hành tinh này thì ngày đó ngành vật lý còn kéo dài vô hạn. Trách nhiệm của các nhà vật lý là xác định những khái niệm định lượng, các đẳng thức, các bất đẳng thức trong thế giới vật chất. Tuy nhiên ta chưa có thể nói được vật lý sẽ đi về đâu, phải chăng nó sẽ đồng quy với các ngành khác như Tâm lý, Thiên văn, Sinh vật,… có lẽ trong một tương lai không xa?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Phạm Xuân Yêm (2009): Max – Planck, Nxb Tri thức.

[2] Stephen Hawking (2000): Lược sử thời gian, Nxb Trẻ.

[3] Nguyễn Tường Bách (2005): Lưới trời ai dệt, Nxb trẻ.

[4] Nguyễn Văn Hai (2001): Nhận thức và không tánh, Nxb Tôn giáo.

[5] Nguyễn Xuân Xanh (2008): Einstein, Nxb tổng hợp Tp. HCM.

[6] Thích Thiện Siêu (2008): Kinh Thủ Lăng nghiêm, Nxb Tôn giáo.

[7] Nguyễn Tường Bách (2004): Đạo của vật lý, Nxb trẻ.

[8] Minh Tâm (2009): Kinh Thủ Lăng nghiêm, Nxb Tôn giáo.

[9] Tuệ Sỹ (2008): Thắng man giảng luận, Nxb Phương Đông.

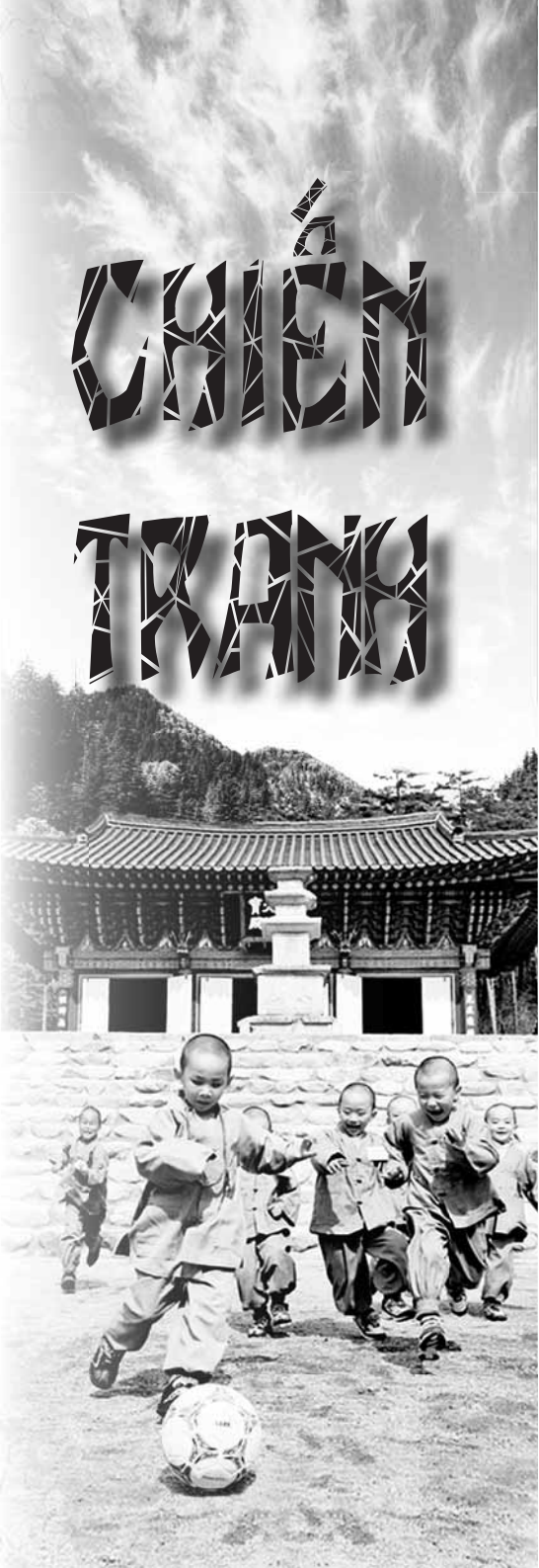

Nói đến chiến tranh thì mọi người đều nghĩ tới nó. Những chiến tranh gì? Ở đây không phải là cuộc tranh chấp vì một tư tưởng chính trị nào. Cũng chẳng phải những trận đánh xảy ra ở nước này hay nước khác, nhưng là một cuộc chiến tranh chớp nhoáng với những nạn nhân luôn luôn thua trận là con người. Cuộc chiến tranh đó tương tợ như một hỏa diệm sơn mà thỉnh thoảng lửa bên trong bỗng nhiên bùng lên, êm dịu một thời gian, để rồi sẽ phun lửa trở lại và tàn phá mọi vật sống xung quanh. Không bao giờ con người chịu tìm cách dập tắt những ngọn núi lửa đó, mà họ cứ thản nhiên để tiếp tục sống trong sự đe dọa của chúng.

Mọi sự đều có nguyên do hoặc một khởi điểm, và khởi điểm này cũng chỉ là kết quả của một nguyên nhân trước nữa. Hỏa diệm sơn chẳng khác gì cái nắp hơi bị dồn ép dưới một áp lực rất mạnh phát xuất từ trung tâm quả đất; và chiến tranh cũng có một căn do vô hình, một nguyên nhân liên tục, một mầm mống khó nhận rõ phát sanh từ lòng tham sân của con người. Con người nuôi dưỡng những độc tính ấy để tự mình phá hủy, diệt vong vì chúng.Cho nên mọi sự tàn bạo bất nhân đều bắt nguồn từ tâm con người. Và thật là bi đát khi nhận thấy rằng nhân loại không bao giờ tìm phương pháp để khắc phục những ác tính đó. Một cách thụ động và an phận, như tên nô lệ yếu hèn, nhân loại cứ mặc để cho những tánh tham sân, sinh ra từ vô minh của con người, hoành hành tấn công và chinh phục. Tại sao có tình trạng như thế? Bởi vì con người xưa nay tự cho đó là điều "không thể tránh được".

Không thể tránh được, thế thường vậy rồi. Nhưng có điều ai cũng thấy rõ là những tính tàn bạo, sân hận nói trên phần nhiều được trưởng dưỡng và ngấm ngầm phát triển trong những lúc xã hội tạm an bình, sau cơn binh lửa. Chính nền hòa bình mỏng manh đó đã tạo nên sức

mạnh của chiến tranh, vì những giai đoạn hòa bình như thế chỉ là những cuộc đình chiến nhất thời; và mặc dầu tay chúng ta đã giải giới, nhưng tâm chúng ta thì chưa. Tánh tham sân nơi lòng người đâu đã thật diệt hết, như lưỡi gươm của kẻ chiến bại vừa mới được tước bỏ xuống mà thôi.

Muốn kết quả thì mọi ác tính tàn bạo sát hại nơi thân tâm và ý nghĩ của chúng ta phải cùng một lúc đoạn trừ tất cả. Có người châm biếm sẽ hỏi. Thật con người có thể khắc phục được những tánh tham sân đó sao? Hỏi như vậy tức là họ đã phủ nhận hoàn toàn ý chí của con người. Trên phương diện ác và thiện, dĩ nhiên tánh nào phát triển mạnh sẽ thắng tánh kia. Và một nền hòa bình thật sự, vĩnh viễn chắc chắn chỉ có thể thực hiện ngoài những hành động ác độc xấu xa của con người. Nhưng muốn thắng chiến tranh hay có ý nghĩ xem nó như là điều phản lại "văn minh" thì ít nhất chúng ta cần phải có một ý chí cương quyết bền bỉ, với một niềm tin mãnh liệt rằng đánh bại chiến tranh không phải là một việc khó. Chỉ có ý tưởng đó, mới giúp chúng ta đủ can đảm và sức mạnh để tìm phương pháp tiêu diệt nó. Và cũng đã có biết bao nhiêu người từng say sưa với lý tưởng mong thực hiện những điều cao đẹp trên mà Thánh Gandhi (Ấn Độ) ở thời đại chúng ta là một bằng chứng. Muốn chấm dứt hận thù, tưởng nhân loại cần thấm nhuần sâu xa tư tưởng bất bạo động của Thánh Gandhi.

Ngày nay, qua những phát minh khoa học, chứng tỏ loài người tuy đã tiến bộ nhiều, song những tính tàn bạo nơi con người vẫn chưa diệt hết. Để thử xem những con vật với bản tính thù ghét nhau lâu đời có thể sống chung yên ổn được không, một học giả Trung Hoa ở Gia-nã-đại đã đem con mèo đặc biệt hung tợn nhốt cùng chuồng với con chuột rất dữ. Ông ta thấy rằng chúng cấu xé nhau luôn, và lúc nào con mèo cũng thắng cuộc. Về sau, ông ngăn hai chuồng ra, chỉ để chừa phía dưới một

cái lỗ vừa đủ cho mỗi con có thể vớ đến dĩa đồ ăn mà thôi. Vì vậy, hai con buộc phải ăn chung trong một dĩa. Dần dần chúng quen biết nhau và sự cấu xé cũng dịu bớt lần. Cuối cùng, ông để hai con sống chung như cũ và lần này thì chúng không cắn nhau nữa.Vậy thì tánh tàn bạo nơi con người có khó diệt trừ lắm không? Có nên bảo rằng con người cũng cần tập hòa giải thân yêu với kẻ thù của nó cũng như trường hợp bắt bác mèo làm thân với chú chuột trên đây không? Dù sao thì cũng chỉ có một cách là phải giáo dục cho con người nhận rõ được hạnh phúc của hòa bình và giúp họ tin tưởng chắc chắn rằng hòa bình là điều có thể thực hiện, họa may lúc ấy các cuộc chiến tranh mới có thể chấm dứt dần dần được.

Trước mặt những kẻ thích bạo tàn sát hại nhau, nghĩ không có lợi ích gì mấy khi bảo họ rằng: "Các bạn đều là nhân loại". Muốn kết quả, tưởng chúng ta nên nói với họ thế này. *"Sớm chầy thế nào các bạn cũng phải gặt lấy trở lại những điều ác mà các bạn đã gieo rắt cho thiên hạ, vì mọi người đều tương quan mật thiết, nên toàn thể không khỏi chịu ảnh hưởng chung của đau khổ"*.

Và không gì lầm lạc hơn khi chúng ta tưởng rằng con người có tâm niệm thích đánh nhau hơn là chung sống hòa bình. Ai thích chiến tranh, tốt hơn hãy cố gắng chiến thắng những tánh tham sân si nơi mình, để mong đạt đến con người thuần túy đạo đức và toàn thiện. Đến đây, thiết tưởng mọi gia đình, trường học, quốc gia, tôn giáo nên bắt đầu giáo dục cho con người hiểu rõ sự tương quan giữa các chủng tộc và toàn thế giới nhân loại. Như thế tức chúng ta đã thể hiện được tinh thần Từ Bi, cứu giúp chúng sanh của Phật giáo rồi vậy.

Theo *tạp chí Pháp ngữ*" "La Pensée Bouddhique"
(Tư Tưởng Phật Giáo).

Thích Trí Chơn *(Hoa Kỳ)*

Làm Sao

Vào tháng 12, bên này người ta bắt đầu bận rộn, sửa soạn mua sắm cho những ngày lễ cuối năm. Mà tôi nghe nói bây giờ vào mùa này ở bên nhà cũng quen với cái không khí náo nhiệt ấy. Hôm kia, tình cờ tôi đọc được chia sẻ của một chị bạn, viết về một kinh nghiệm của mình vài năm về trước, cũng vào mùa này, khi chị đang đối diện với một mất mát rất to tát trong đời mình, mà nhìn chung quanh sao thấy cuộc sống rất ư vô tình, vẫn cứ vui trôi…

"Tháng 12 của năm kia, một mùa đông khủng khiếp nhất trên đời: mỗi lần phải ra khu trung tâm chứng kiến không khí tưng bừng của mùa giáng sinh Sài Gòn, mình chỉ muốn lịm đi chỉ vì ý nghĩ, tại sao cuộc đời vẫn cứ xanh đỏ vô tình, tại sao mình cứ phải nhìn thấy những chòm ánh sáng, những màu sắc lung linh trong những ngày này,... các con ít buồn vì đã lớn, bắt đầu có chương trình riêng, còn mình chỉ ước đừng phải ra đường....

Tháng 12 năm rồi đã đỡ

Về Được?

hơn, 'đỡ thấy sự vô lý của một kiếp người'... một cảm giác rã rời không còn cách nào chống đỡ nổi, những ngày còn cặm cụi đi trực đêm ở báo TN... đơn độc, buồn tủi... Giờ lại phải nhìn thấy thiên hạ ăn chơi mùa noel, tết tây..."

Đọc những dòng ấy tôi chợt cảm thông được với những chia sẻ của chị. Trong đời chúng ta chắc ai cũng một lần có những kinh nghiệm hay cảm xúc tương tự như vậy bạn nhỉ?

Mà bạn biết không, có người cho rằng nếu ta tu học lâu năm rồi thì một ngày ta sẽ không còn có những cảm xúc nữa. Nhưng riêng tôi, tôi không nghĩ như vậy đâu bạn. Con đường tu học của chúng ta, tôi nghĩ là để mình nhận diện được những cảm xúc của mình, chứ không phải để chối bỏ hay diệt trừ chúng.

Tôi nhớ trong kinh có kể, không lâu sau khi hai vị học trò lớn của đức Phật là thầy Xá-lợi-phất và Mục Kiền Liên qua đời, vào một đêm trăng sáng, Phật trải tọa cụ ngồi trước đại chúng. Ngài đưa mắt im lặng nhìn khắp tất cả mọi người vây quanh rồi nói: *"Này các thầy, nhìn hội chúng hôm nay tôi thấy một khoảng trống vắng lớn, khi Xá-lợi-phất và Mục Kiền Liên không còn nữa..."*

Đọc bài kinh ấy tôi biết đức Phật vẫn là một người có cảm xúc. Phật vẫn có cảm xúc vì Ngài là một người Tỉnh Thức, mà một bậc tỉnh thức thì bao giờ cũng ý thức rõ được những gì đang xảy ra trong ta và chung quanh ta. Và mọi sự chuyển hóa khổ đau đều bắt đầu bằng một ý thức sáng tỏ ấy. Cảm nhận ấy chợt mang lại cho tôi một sự an ổn trong tâm, vì có cảm xúc nhưng đâu có nghĩa là có khổ đau, phải không bạn?

Giữa Bầu Trời Rộng

Khi bước vào một căn phòng ta nhìn thấy những gì?

Có lẽ trong căn phòng ấy ta thấy có những bàn, ghế, hay đồ vật trang trí... Nhưng ta có nhìn thấy được cái khoảng không gian ở giữa những đồ vật ấy không? Trong cuộc sống cũng thế, chúng ta có những bận bịu, và đôi khi là những mất mát khổ đau, nhưng giữa những khó khăn đó cũng có những khoảng không gian rộng mở và bình lặng.

Cuộc sống cũng như một bài nhạc. Trong một bài nhạc bao giờ cũng có những khoảng cách giữa hai nốt nhạc với nhau. Thiếu những khoảng trống ấy, thì bản nhạc không thể là một bản nhạc, nó chỉ là một âm thanh kéo dài vô nghĩa mà thôi. Tôi nhớ có nghe một nhạc sĩ dương cầm tài danh, Artur Schnabel, đã chia sẻ như thế này về tài đánh đàn của ông: "Tôi không nghĩ là mình chơi đàn hay hơn bất cứ một nhạc sĩ nào khác, những nốt nhạc trong một bài nhạc đều giống như nhau, chúng cũng chỉ vậy thôi. *Nhưng tôi biết cách sử dụng những khoảng cách giữa hai nốt nhạc.* Mà nghệ thuật nằm ở những nốt nhạc nghỉ đó. Chúng làm cho bản nhạc nghe hay hơn."

Trong một bài pháp thoại, có lần Trungpa Rinpoche lấy ra một tờ giấy trắng, ông vẽ lên đó một chữ "V" và hỏi các học trò, "Quý vị thấy gì?" Mọi người đáp, "Đó là một cánh chim đang bay!" Trungpa nói, "Không phải! Đó là một bầu trời thênh thang và có một cánh chim nhỏ đang bay qua!" Nhiều khi cũng vì chúng ta quá chú ý nhìn một cánh chim nhỏ bé mà quên đi cái bầu trời thênh thang chung quanh nó!

Bạn biết không, khi đối diện với những biến cố khổ đau trong cuộc sống, một cảm giác mất mát lớn lao sẽ khiến ta dễ có cảm tưởng rằng cuộc đời này chỉ toàn là những khổ đau và đổ vỡ. Và đôi lúc, ta có thể không còn khả năng nhìn thấy được bầu trời rộng mở chung quanh.

Tiếp Tục Bước Tới

Tiếp xúc với khổ đau thì mình sẽ có những cảm xúc bất an, tôi không nghĩ có cách nào khác hơn. Nhưng hãy để khổ đau

ấy khơi dậy một tình thương lớn trong ta và giúp ta bước tới. Tôi nhớ có lần được nghe một bậc Thầy chia sẻ như thế này:

"Hồi tôi trở về Âu châu sau chuyến công tác cứu trợ, tôi có cảm tưởng sự sống ở xã hội Tây phương không phải là sự sống của tôi. Sau khi đã chứng kiến những đau thương và khổ nhục của người bị nạn…, về tới phi trường Paris, đi qua những phố xá và những siêu thị với các ánh đèn màu, tôi thấy tôi đang đi trong một giấc mơ. Làm sao có thể có sự cách biệt lớn lao như thế giữa hai tình trạng, tình trạng của người đang đói khổ, bị nạn… và tình trạng của người đang tìm lạc thú nơi cốc rượu và ánh đèn màu. Cái ý thức về khổ đau trong tôi trỗi dậy đối kháng lại nếp sống quên lãng và vô tình ấy. Đã đành bên xứ Phật có đức A-di-đà và các bậc Bồ-tát thánh chúng luôn luôn nhắc nhở về Tứ diệu đế, về Bát chánh đạo, nhưng làm sao pháp âm có thể thay thế được sự chứng nghiệm trực tiếp về khổ đau?

Chính ý thức về khổ đau luyện cho ta có được từ bi và ý chí bước tới. Theo chỗ hiểu biết của tôi thì từ bi và trí tuệ là một, bởi vì có thấy có hiểu mới biết thương. Nếu không thấy không hiểu thì cái thương đó chưa phải là thương."

Trong cuộc sống này chúng ta hãy tập mở rộng lòng ra, cho khổ đau có không gian để chuyển hóa. Và nuôi dưỡng hạnh phúc trong mỗi bước chân đi tới. Nhưng bước tới đâu có nghĩa là ta chối bỏ quá khứ, mà chỉ có nghĩa là ta trở về với hạnh phúc mà thôi. Hạnh phúc đâu phải chỉ có ở phía sau lưng mình hay ở một nơi nào phía trước, mà có thể có mặt trong mỗi bước chân đi, bạn có nghĩ vậy không?

Tại nhà thờ *Chartres Cathedral* ở Pháp, được xây vào khoảng thế kỷ 12, có một kiến trúc *labyrinth. Labyrinth* là một kiến trúc cổ trong huyền thoại Hy Lạp, nó gồm có một con đường vòng vo, như một mê đồ, a maze. Nhưng trong Labyrinth chỉ có một con đường duy nhất mà thôi, tuy lối đi vòng vo,

nhưng cuối cùng sẽ dẫn ta vào đến trung tâm của nó.

Mỗi năm có nhiều du khách đến đây, và họ bước đi vào kiến trúc labyrinth này. Trong khi đi theo con đường ấy, có nhiều lúc ta ngỡ mình sắp vào đến trung tâm rồi, nhưng nó lại mang ta đi ra xa tận ngoài bìa, như là mình đã đi lầm đường. Rồi khi đang ở tận bên ngoài, qua một khúc quanh, nó lại đưa mình vào thật gần. Và rồi cuối cùng thì ta vào được ngay đến bên trong. Ta cũng không nhớ chính xác là con đường mình đã qua như thế nào, nhưng chỉ nhớ là ta vào được đến bên trong là nhờ mình cứ việc an tĩnh và hạnh phúc bước tới. Con đường của labyrinth là một con đường tâm linh, nó biểu tượng cho sự tu học của ta.

Làm Sao Về Được?

Cuộc đời cũng thế phải không bạn, ta trở về được nơi an ổn, bằng cách mở rộng lòng ra, trước những vấn đề mà mình không thể nào có câu trả lời, với những ẩn số, *unknown*, và cứ tiếp tục bước tới. Tôi nghĩ con đường chúng ta đi không quan trọng bằng mỗi bước chân của mình. Mỗi ngày tôi tập đi những bước chân với hơi thở và *một nụ cười.* Nụ cười ấy giúp cho bước chân ta thêm khoan thai, tỉnh thức và an lạc. Các vị thiền sư thường nhắc nhở chúng ta hãy *"bộ bộ thanh phong khởi"*, hãy làm cho gió mát khởi dậy trong mỗi bước chân ta đi. Gió mát ở đây là niềm vui, hạnh phúc thổi bay đi hết tất cả mọi nóng bức, muộn phiền quanh ta.

Chị bạn tôi viết, *"Tháng 12, làm sao ta về được…"* Tôi thì nghĩ chúng ta có thể trở về bằng những bước chân và nụ cười làm khơi dậy làn gió mát. Hãy chấp nhận và tha thứ cho những muộn phiền trong mỗi bước chân ta đi. Chấp nhận không có nghĩa là buông xuôi đâu bạn, mà có nghĩa là *mở lòng ra trước một thực tại mới với một niềm vui.* Đâu dễ phải không bạn? Nhưng cuộc đời này tôi đâu thấy còn có gì khác là quan trọng hơn…

Nguyễn Duy Nhiên

Bên Bờ Hồ & Trong Kinh Cổ

(tiếp theo Hp 27)

2. Thiếu Nữ Bên Hồ

Còn lại chàng thanh niên đứng lẻ loi một mình trong buổi sáng tinh khôi. Những ánh nắng đầu ngày chiếu qua kẽ lá vỡ ra thành những hoa nắng lung linh đậu trên tóc rơi lả tả, chơi vơi trong không gian. Toàn cảnh vật như chìm vào trong một sự yên lặng lạ kỳ. Chàng vốn rất yêu sự tĩnh lặng như thế này, nghĩ rằng, nơi đây quả là một nơi rất hợp cho sự thiền định. Lại nữa, chàng cũng chùng chình chưa muốn bỏ đi vì có một cảm giác chờ đợi, dù chẳng hẹn, nhưng chàng vẫn muốn chờ người thiếu nữ ném chữ hôm qua.

Thay vì ngồi xuống thiền định, chàng lại lười biếng ngồi dựa lưng vào một tảng đá dưới gốc cây gần mặt hồ. Chân co, chân duỗi. Cánh tay phải co lại làm gối, tay kia cầm bình rượu rỗng ra dáng suy tư…

Thầy ban cho ta một cái bình tịnh thủy trống rỗng, bảo rằng, muốn thành tựu đạo lớn thì con hãy thiền định trên bình tịnh thủy rỗng không này cho đến khi con thông suốt và thành tựu, rồi sẽ tự nhiên biết cách đi tìm ra một loại rượu quý, tên gọi là "Bồ Đề Luân Hồi". Khi con đạt được đạo lớn thì rượu sẽ đầy bình, lúc đó hãy trở lại dâng thầy, vào ngày sinh nhật của thầy, cũng là ngày rằm tháng tư.

Bình sinh, ta chưa từng nghe cái tên của loại rượu này. Thiền định thì thầy đã dạy ta từ nhiều năm và ta quen thuộc trong những thời thiền định ấy, nhưng ta chỉ hành thiền định an hòa tâm chứ chưa bao giờ thiền định trên một bình tịnh thủy

mà lại rỗng không như thế này. Thầy lại còn nhấn mạnh chữ "rỗng không", ta vẫn chưa hiểu được ý chỉ sâu xa của người...

Ở đâu có đây? Ta đã đi khắp nơi hỏi thăm mà chẳng thấy ai biết gì về thứ rượu này cả. Mà lạ quá. Đã là Bồ Đề rồi lại còn Luân hồi là thế nào? Người ta tu cầu giải thoát, chứ ai tu mà đòi trở lại luân hồi đâu? (thở dài...) Cả năm nay, ta chỉ dùng chiếc bình này đựng toàn loại rượu Sầu của chính mình cất lấy. Thứ rượu cay nồng, đầy những vị buồn và cô đơn, uống vào là chỉ muốn...khóc. Uống cho say, càng say sầu lại càng cảm thấy cô đơn...

Chàng nhìn lên bầu trời. Màu xanh lục của lá trộn với màu xanh thanh thanh của mảnh trời thấp thoáng trên cao chập chùng, lung lay, sống động. Hình như chúng đang kết bè đảng với nắng để bàn luận về một kẻ cùng tử đang loay hoay với nỗi buồn và niềm cô độc của mình. Có những chiếc lá làm điệu, nghiêng nghiêng nhìn chàng mỉm cười chế giễu. Buồn ư? Cô độc ư? Chúng tự nhiên đến rồi tự nhiên đi, như hoa rơi áo Phật. Ngược lại, nỗi Sầu đến với chàng, cắm lều, làm nhà ở đó, nhất định không chịu đi. Nó trở thành thâm căn, cố đế, mọc cả rễ cái, rễ con, muốn bứng nhổ tận gốc cũng không phải dễ… Tiếng cười khúc khích của lá tạo thành một âm thanh xào xạc, thêm vào sự đùa giỡn về hùa của gió làm mặt hồ không thể giữ được vẻ nghiêm trang, đạo mạo nên bắt đầu gợn lên những làn sóng lăn tăn…

Trong khi tất cả đều đồng loạt cười chế giễu chàng thì bỗng người thiếu nữ ném chữ hôm qua xuất hiện…

Nàng mặc một chiếc áo màu thiên thanh tiệp với màu trời, mái tóc dài bay bay trong gió. Trên vai đeo một cây đàn. Hai tay ôm trước ngực một cuốn vở nhỏ. Trông nàng rất nhỏ bé và tội nghiệp, cái tội nghiệp toát ra từ đôi mắt buồn, từ phong tư yếu đuối mà chỉ cần bất cứ người nào nhìn thấy nàng cũng có thể khởi lên một tâm niệm muốn che chở…

Thiếu nữ bước từng bước nhỏ như những bước chân chim, dừng lại dưới gốc cây sồi nơi có phiến đá nhẵn thín như một mặt bàn phẳng. Nàng ngồi xuống, đặt cây đàn bên cạnh, hai tay chống cằm nhìn mông lung xuống mặt hồ. Một lúc, nàng mở cuốn vở nhỏ, ngồi cắn bút rồi nắn nót viết những dòng chữ trên trang giấy. Viết rồi xoá, rồi viết…, lại xóa… Cuối cùng, nàng quăng vở, chẳng muốn viết, cũng chẳng muốn đàn… Nàng chống cằm, nhìn ra mặt hồ mênh mang với đôi mắt ướt…

Chàng thanh niên yên lặng dõi mắt nhìn. Chàng cảm nhận được tất cả những khổ đau nàng đang gánh chịu trên đôi vai gầy guộc. Chàng đổi thế ngồi, từ cách ngồi lãng đãng, nửa lười biếng, nửa phong lưu của một kẻ cùng tử, chàng ngồi thẳng, khoanh chân dưới tư thế thiền định, khép hờ đôi mắt, lấy hình ảnh người thiếu nữ áo xanh với đôi vai mảnh khảnh như cánh vạc và nỗi buồn trĩu nặng trong đôi mắt, một nỗi buồn muôn thuở bất khả hủy diệt làm đối tượng để khởi lên trong tâm một lòng bi mẫn sâu xa. Đôi mắt khép hờ, chàng điều chỉnh hơi thở trở thành nhẹ, nhẹ như tơ… Chàng bắt đầu đi sâu vào cơn thiền định. Tự khởi trong tâm chủng tử Hum tỏa ra ánh sáng tưới tẩm lên người thiếu nữ, ánh sáng tươi mát như những dòng cam lồ rửa sạch tất cả những buồn phiền, khổ đau của nàng. Rồi từ đó… Từ một hình ảnh làm đối tượng chính, tỏa ra muôn hình ảnh chập chùng… Hình ảnh này lồng vào hình ảnh khác, tạo nên một sự tương quan, tương duyên rất chặt chẽ với nhau. Từ những hình ảnh chập chùng ấy, chàng phóng tâm thức mình cho tất cả mọi loài, mọi chúng sinh… Rồi quán tưởng đến những khổ đau muôn trùng không bao giờ dứt chập chùng mọi nơi, mọi chốn… Ánh sáng từ chủng tử Hum nơi tim biến thành nước cam lồ tràn đầy rửa sạch tất cả những khổ đau khắp ba cõi, sáu nẻo, xuống tận đến loài ngạ quỷ, súc sanh…

Chưa bao giờ chàng cảm nhận một niềm bi mẫn sâu xa

đến thế. Chàng bỗng cảm thấy lòng mình xúc động và cảm thương cho những nỗi đau khổ triền miên không bao giờ dứt. Từ những khắc khoải, nỗi buồn, sự cô độc riêng tư, những vọng niệm vi tế của chính mình, đến những khổ đau của những người không quen biết, loài súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục… v.v.. Những thống khổ không bao giờ dứt của tất cả mọi loài… Nước mắt lại ứa ra trên mi…

Ở một thời gian lắng đọng nào đó, thiếu nữ chợt nhận ra một điều bất ngờ. Không chỉ một mình nàng có mặt ở nơi chốn này, mà còn có thêm một nhân vật khác. Một nam nhân. Thật lạ kỳ. Tưởng như trong một câu chuyện thần thoại nào đó. Chợt hiện. Chàng ngồi đấy. Chẳng biết từ đâu đến, nhưng toàn thân tỏa một vùng ánh sáng dìu dịu, thứ ánh sáng làm cho nàng cảm thấy tâm hồn an lạc và muốn lại gần. Nàng đến bên chàng, im lặng, tò mò quan sát với cả ngàn câu hỏi trong đầu. Chàng là ai? Là bạn hay là thù? Là tăng hay là tục? Chàng từ đâu đến, v.v. Điều kỳ diệu nhất là ngồi gần bên chàng, nàng cảm thấy an tâm, mọi vọng tưởng phiền não dường như biến thành những sợi tơ trời mong manh…

Phải đợi khoảng hơn trống canh mới thấy chàng thanh niên bắt đầu cử động. Chàng mở mắt, nhìn thiếu nữ. Dường như cơn chờ đợi của nàng đã chín mùi:

"Sao ông cứ ngồi nhắm mắt mãi chẳng nói lời nào? Em đợi ông từ nãy giờ đấy! Trộm nghĩ, không chừng phải chờ suốt đêm đôi mắt đó mới chịu mở. Mà này,

ông là tục hay là tăng thế? (Rồi chẳng cần câu trả lời của chàng, nàng lại tự trả lời) Nghe chừng ông là tăng, vì chẳng có người tục nào lại chịu ngồi nhắm mắt lâu đến thế!"

Chàng thanh niên muốn phì cười về những luận điệu của cô gái. Nhưng vì vừa xuất thiền nên chàng chẳng nói được gì nhiều, tiếp tục nhìn người thiếu nữ ngồi đối diện. Đôi mắt nàng có một màu nâu sâu thẳm thẳm, cái sâu thẳm làm chàng chợt nhớ đến nỗi buồn sâu thẳm của mình…

Thấy chàng im lặng. Thiếu nữ ra chiều đăm chiêu cộng với sự tò mò chưa được giải đáp:

"Em thấy ông… lạ lắm! Ông "làm ơn" nói cho em biết ông từ đâu đến và sẽ đi đến đâu? Tại sao ông lại đến đây ngồi một mình nhắm mắt? (Trách nhẹ) Ông có biết rằng ông đã... phá rối không gian thênh thang của em không? Ông thật là một người không biết điều và… có lỗi với em nhiều lắm đó!

Với sự hờn giận trẻ con và vô lý của người thiếu nữ, chàng thanh niên mỉm cười. Bằng giọng trầm trầm chàng nói một chút về mình:

"Ta sống trong một cái am nhỏ gần thành phố Thần Phật Thánh Địa…

"Thần Phật Thánh Địa? Nơi đó ở đâu thế?"

"Đó là một thành phố cổ của một nước rất nhỏ tên Thổ Phồn ở phương Tây. Vì đó là một vùng đất cao hơn đồng bằng nên đôi khi ta trộm nghĩ, đó chính là nơi giáp ranh của Đất và Trời, nơi được sưởi ấm bởi ánh sáng mặt trời nhiều nhất nên còn có tên là Thành Nhật Quang… Ta rất thích thành phố cổ ấy, nó chính là cái nôi nuôi ta khôn lớn. Thành phố mà ta chỉ quanh quẩn với những ngày tháng miệt mài với thiền định và hương trầm. Thành phố mà ta chỉ biết có thầy và một cung điện huyền bí của chư tăng. Đối với ta, cung điện đó chính là trụ xứ của các vị đại Bồ-tát, thị hiện thân người để giáo hóa chúng sinh….

Đôi mắt thiếu nữ trở nên mơ màng, nàng gần như bị cuốn hút

hoàn toàn về nơi chốn chàng ở. Do sự tưởng tượng rất phong phú, nàng tưởng đến một vùng Trời nào đó, với những tâm thức thanh tịnh, mà bóng dáng khổ đau nhạt nhòa như một vết mờ không thể nhận thấy… Chẳng nói xa hơn, ngay trước mắt nàng, một nam nhân, tuy quần áo đầy bụi đường nhưng ở chàng toát ra một niềm an lạc vô biên. Niềm an lạc đó ảnh hưởng đến bất cứ người nào đến gần... Nàng nghiêng đầu, nhìn chàng… Những thắc mắc lại nổi lên:

"Nếu ông đến từ xứ Thần Phật Thánh Địa thì tại sao ông lại từ bỏ nơi đó để lang thang đến nơi đây?"

Đôi mắt người thanh niên hơi chao đi, vương vấn một nỗi buồn lãng đãng:

"Đời sống của ta từ nhỏ cho tới khi rời khỏi vùng đất thần tiên đó là một đời sống đầy yên bình và phúc lạc. Ta không đi đâu xa hơn một tầm nhìn. Suốt đời ta chỉ biết những chùa chiền huyền bí đó và Thầy. Người cha già mà cả đời ta kính yêu, (bằng một giọng cảm động như một lời tâm sự) dù có thác thân vào lửa cháy cũng không thể tạ hết được ơn thầy. Nhưng rồi một hôm… Hỡi ôi…, một hôm thầy gọi ta đến gần, ban cho ta một bình tịnh thủy trống rỗng, bảo rằng, "Gần đến sinh nhật Thầy, con nên tìm những gì quý giá nhất trên thế gian để làm quà tạ ơn. Thầy chỉ thích một loại rượu vừa cay, vừa nồng... Thứ rượu mà nhân gian không thể uống, thứ rượu mà những người con Phật đều muốn tìm cầu được gọi là "Bồ-Đề-Luân-Hồi-Tửu", nếu tìm được loại rượu quý ấy

thì hãy đong đầy vào chiếc bình này đem về tạ ơn thầy…"

Từ đó về sau, ta đi khắp nơi tìm loại rượu quý ấy, nhưng chỉ hoài công, chẳng ai biết đến loại rượu này, nhẫn đến nghe tên còn chưa từng nữa huống hồ… (Ngưng lại một chút…) Hôm qua, có cơ duyên đi ngang chốn này, nghe có người khảy khúc Trường Tương Tư, âm thanh như có nhiều điều khoắc khoải, nhớ thương. Động lòng từ, ta đã lần theo tiếng nhạc để đến đây…"

Thiếu nữ nhìn người thanh niên đối diện. Nàng bỗng chợt nhận ra một điều rất hiển nhiên. Chàng khác những nam nhân mà nàng thường gặp là chàng có một tâm thức rất thuần tịnh. Luôn luôn muốn đem lại sự an vui cho kẻ khác. Chỉ cần nghe một khúc nhạc mà đã khởi lên tâm niệm từ bi. Từ tâm niệm thanh tịnh ấy để có thể cầu nguyện cho nàng. Hốt nhiên, nàng khởi lên trong tâm mình một niềm hảo cảm mà chỉ có tâm đồng tâm mới có được… Vì những ý nghĩ đó, nàng muốn giúp đỡ chàng bằng tất cả những gì nàng có thể làm. Khuôn mặt nghiêng nghiêng, nàng nhìn chàng, rụt rè nói về một điều không chắc lắm:

"Em nghe những cụ già trong làng thường hay nói đến một vùng đất rất linh thiêng có tên là Phổ Đà Sơn. Ai ai cũng cho vùng đất đó chính là trụ xứ của ngài Quán Âm. Ồ, nói đến ngài Quán Âm thì có rất nhiều truyện truyền kỳ không sao kể hết. Ngài thường hay thị hiện để giúp đỡ và độ rất nhiều người…"

"Nhưng Phổ Đà Sơn là ở nơi chốn nào vậy?"

Thiếu nữ ra dáng suy tư. Ngẫm nghĩ một lúc rồi nhìn chàng thanh niên, nhoẻn miệng cười. Một nụ cười như một lời xin lỗi:

"Em cũng không biết rõ ông ạ… Nghe nói đó là một hòn đảo nhỏ ở phương Nam. (vỗ vỗ trán…) hình như gần một cửa biển nào đó… À... à..., em nhớ rồi… Chỗ đó… chỗ đó… thường được gọi là Hải Thiên Phật Quốc. Dĩ nhiên! Vì

gần biển mà. Hay lắm cơ! Ngài Quán Âm thường thị hiện để giúp những người gặp nạn ngoài biển… Em nghe ông Nội kể rằng, xưa thật xưa, có một vị sư người Nhật đến viếng một ngôi chùa Quán Âm rất nổi tiếng ở một nơi có năm ngọn núi chọc trời. (thì thào: Truyền thuyết nói rằng, năm ngọn núi ấy chính là năm ngón tay của đức Phật đấy!) Sư thấy có tượng Quán Âm rất linh động, khởi tâm tham ái và muốn thỉnh tượng Phật đó về nước. Nhưng khi thuyền ra cửa biển bị xoay vòng vòng không thể đi thêm chút nào, cuối cùng tàu trôi vào một hoang đảo, sư bèn ở lại hoang đảo đó lập chùa. Dân chúng trong làng càng ngày càng cảm được sự linh ứng của Ngài Quán Âm nên càng sùng kính và cho rằng nơi đó chính là Thánh Địa của Quán Thế Âm Bồ-tát…

Trong khi nghe thiếu nữ kể chuyện, chàng thanh niên nhìn vào đôi môi hồng hồng, linh động... Chàng nhận ra một điều rất kỳ, rất diệu… Hình như một thế giới huyền bí, mới mẻ đang nở trên những âm thanh chập chùng phát ra từ đôi môi xinh xinh ấy. Chàng ngẩn ngơ... suy nghĩ về thế giới mình vừa cảm nhận, một thế giới hoàn toàn khác biệt với thế giới an lạc, thiền định của chàng. Thiếu nữ đã ngừng từ lâu, nhìn thấy khuôn mặt vị sư chợt ngẩn ra mà nàng chẳng biết tại sao. Nàng nghiêng đầu nhìn chàng, rồi bỗng nhoẻn miệng cười. Nụ cười như một đóa hoa hé nở trong giây phút giao mùa giữa Đêm và Ngày. Chàng cũng bắt chước mỉm cười theo:

"Rồi sao nữa?"

Thiếu nữ ngạc nhiên:

"Sao nữa là sao nữa? Em đã kể hết rồi mà!"

"À… à…, vậy mà ta cứ tưởng câu chuyện chưa kết thúc. Nhưng nghe nàng nói là có nhiều truyền thuyết của ngài Quán Âm, nàng có thể kể thêm cho ta nghe được không? Bình sinh, ta chẳng biết mấy đỗi về những chuyện truyền thuyết như thế…"

"Truyền thuyết thì còn nhiều lắm. Nhưng ông hỏi bất thình

lình làm sao em nhớ được!"

"Vậy thì hỏi sao mới không là bất-thình-lình?"

Thiếu nữ nghe chàng hỏi một cách ngây ngô, ngớ ngẩn như thế không thể nhịn được nên lấy tay che miệng cười khúc khích. Nàng trộm nghĩ, cái ông này, chắc từ ở một tầng trời nào đó, bị rách một lỗ hổng lớn mới rớt xuống đây, đi ngơ ngác trong nhân gian kiếm một loại rượu gì kỳ cục mà chẳng ai biết đến. Cái thế giới của chàng quả nhiên chẳng có gì giống với thế giới nàng đang sống. Nhưng thấy tâm thức chàng hiền lành, tử tế. Nàng muốn làm vui lòng người bạn mới bằng cách cố moi trong đầu xem còn câu chuyện truyền thuyết nào nữa để kể cho chàng nghe.

Cả hai đều im lặng. Thiếu nữ im lặng để cố nhớ thêm vài truyện kể. Chàng thanh niên im lặng vì tâm thức còn quẩn quanh với thế giới kỳ diệu chàng chợt nhìn thấy từ đôi môi hồng của người thiếu nữ…

Một lúc, thiếu nữ vỗ tay rồi nói:

"A. Em nhớ ra rồi. Em kể tiếp nhé? Kể tiếp ở đoạn trên ấy mà…"

"……"

"Vì cư dân ở đó sùng kính ngài Quán Âm nên đã lập một bức tượng ngay cửa biển Nam Hải. Ôi chao! Từ đó về sau, các tàu bè và dân chài rất ít gặp hoạn nạn, tất cả đều do Ngài khởi tâm từ bi để cứu giúp đấy!"

Cả hai đều yên lặng...

Thiếu nữ im lặng nhìn lên bầu trời xanh xanh, thả tâm thức về một cửa biển nào đó ở phía Nam, nơi có bức tượng linh thiêng, sống động. Nàng ước sao một ngày nào đó nàng có thể đến viếng và đảnh lễ Ngài. Nhưng điều đó quả là khó thực hiện còn hơn là mò kim dưới đáy biển vậy.

Còn chàng thanh niên nghe xong ra dáng suy tư, lẩm bẩm… Hải-Thiên-Phật-Quốc? Phổ Đà Sơn? (thở dài) Bầu trời lồng lộng thế này biết đâu mà tìm? Hay ta cứ trực chỉ hướng Nam đi tới, có thể đây cũng là một cơ duyên để ta có thể gặp được ngài Quán Âm. Nghĩ xong, chàng hoan hỷ

bảo người thiếu nữ:

"Lành thay! Lành thay! Vậy thì ta cứ phải trực chỉ hướng Nam đi ngay."

Nói rồi chàng dợm bước. Nhưng thiếu nữ kêu lên:

"Hãy khoan! Chẳng ít nhiều gì, hôm nay cũng là một cơ duyên chúng ta gặp mặt. Em xin khảy một khúc đàn tặng ông, và xin hẹn nếu ông kiếm được loại rượu quý ấy thì xin hãy trở lại nơi đây một lần nữa. Em sẽ chờ ông trở lại cũng giờ này vào mỗi độ trăng rằm…"

Người thanh niên chần chừ… Chàng không muốn vướng mắc bất cứ chuyện thường tình nào của thế gian này… Nhưng thiếu nữ đã bắt đầu dạo đàn, những nốt nhạc nối nhau, róc rách, xuôi chảy như một giòng suối…

Một lần nữa, người tu sĩ như bị thôi miên bởi những ngón tay búp măng lướt trên phím đàn. Chàng rùng mình, có cảm tưởng từ những ngón tay ấy phát ra những âm thanh, (chứ không phải từ những phím đàn). Hốt nhiên, chàng không còn phân biệt được âm thanh phát ra từ đâu nữa. Từ đàn, từ những ngón tay đang khảy hay từ tâm thức với khuôn mặt che nghiêng ẩn hiện qua mái tóc dài bay bay trong gió? Lại rùng mình - Cái rùng mình rung động từ đáy tầng tâm thức, cho chàng cảm nhận một điều rất rõ ràng - Một lần nữa - Một-Thế-Giới-Kỳ-Diệu-đang-chập-chùng-ẩn-hiện….

Người tu sĩ yên lặng. Bắt đầu quán chiếu về lý nhân duyên. Những duyên nghiệp chập chùng mà người thiếu nữ đang khảy đàn trước mặt chàng cũng là một duyên nghiệp đang bắt đầu trổ hoa…

Chiêu Hoàng – Không Quán

(Còn tiếp)

Xuân Bình Minh

Cư sĩ Liên Hoa

SẮC MÀU CỦA CHIẾC LÁ

Tuyết có rơi nhiều phải không em
Như suối như mây trắng bóng đời
như sương như khói đem huyền thoại
ai thả tơ trời cho ước mơ
những khi mưa gió có đổ về
tìm đâu ánh nắng giữa đêm khuya
có khi bão tố phai màu sắc
xin chớ bao giờ bỏ mảnh tâm……

Thành phố tôi ở, vào mấy ngày qua, tuyết rơi xuống thật nhiều, trắng xóa toàn cảnh vật chung quanh. Cơn lạnh đổ về, vui đùa theo những hạt tuyết, lất phất rơi, bay. Những chiếc xe đậu ngoài sân được mặc chiếc áo dày màu trắng, những hàng cây dừa dọc theo lối vào nhà, mấy ngày trước còn vỗ cánh gọi lá rì rào trong gió, bỗng trở mình cũng tranh nhau khoác áo trắng, trĩu nặng, gồng lưng để gánh khối đá đông lạnh.

Trong nhà nhìn ra ngoài, ngắm tuyết rơi. Có thể, đối với những người ở những Tiểu bang miền Bắc nước Mỹ thì đành phải chấp nhận, chịu cảnh nầy vài tháng vào lúc mùa Đông về, nhưng nơi tôi ở, mưa nắng hai mùa tranh nhau, giành chỗ ngự trị, họa hoằn lắm mới có năm bị tuyết rơi. Tôi biết rằng xe cộ sẽ

ít hơn ngoài đường, trường học sẽ đóng cửa và mọi sinh hoạt đều bị trở ngại, vì kinh nghiệm sinh hoạt trong lúc tuyết rơi, có tuyết, cũng không sao so sánh bằng với người ở miền Bắc.

Chạy ra sân ngoài, tôi chụp bắt những hạt tuyết, nắm trong lòng bàn tay, cái lạnh lan toả làm hơi bị cóng, nhưng khi mở bàn tay ra, chỉ thấy còn lại là nước do tuyết tan. Hạnh phúc chợt lan rộng trong tiếng cười, dù là chỉ có một mình, nhưng quay cuồng chung quanh với mưa tuyết, tóc đổi màu trắng, áo trắng, người trắng… như bắt gặp lại hình bóng trẻ thơ vui đùa trong tâm…

Ta gọi tuyết về cho điểm sương
cho ngàn cảnh sắc nở vấn vương
ngàn năm đi đến như mây ảo
vẫn mảnh trăng tròn thuở tuổi mơ...

Những ngày sau đó, lại mưa nắng bất thường, có lúc buổi sáng, sương mù dày đặc, khó nhìn xa. Quan sát lại các cây cảnh trồng chung quanh nhà, nhiều cây đã không còn mỉm cười, chào gọi nữa. Cành rũ xuống như những cánh tay giơ lên lâu ngày bị mỏi mệt, lá xác xơ úa vàng sậm như màu tóc nhuốm thời gian… tôi chợt nhận thấy có những rung động xót xa trong tâm, vì là con người yêu thích cây cảnh. Nhưng, ô kìa, cũng vẫn còn vài cây còn sống đó chứ, vẫn xanh mơn mởn, vẫn lung lay cành lá réo gọi, như lời thì thầm an ủi cho người chủ, người săn sóc nó…tôi vẫn còn đây mà…

Tiếng gọi của cây lá, tiếng hò của những thực vật, tiếng ca vang lên của các sinh vật còn sống làm náo động lại cảnh vật đang chìm sâu trong giấc ngủ… Tôi vẫn còn đây mà. Vâng, tiếng nói đó như từ xa vọng về, một điệp khúc hình như quanh quẩn đâu đây, và cũng là lời của tự tâm có mặt.

Dù thời gian biến đổi ra sao, dù có trầm luân qua bao nhiêu dòng đời, qua các cảnh giới, thay hình đổi dạng, nhưng tự trong thân của mỗi hữu tình, mỗi con người cũng vẫn còn tròn đầy Tánh Giác, vẫn luôn sống, sống vững vàng trước bao nhiêu nghiệt ngã, bình yên hay

sóng gió của nghiệp lực xoay chuyển.

Trong 10 Hạnh của Ngài Phổ Hiền, lời vẫn dạy rõ ràng: *"Nguyện thứ hai là xưng tán Như Lai"* (Nhị giả xưng tán Như Lai).

Đức Phật có cần lời xưng tán như vậy không? Vì mặc dù là chúng ta có dùng đến biết bao nhiêu lời ca tụng, xưng tán như là: *"Thân Phật thanh tịnh tợ lưu ly, Trí Phật trạng ngời như trăng sáng, Phật ở thế gian thường cứu khổ Tâm Phật không đâu không từ bi* hoặc giả như là:

Đấng Pháp vương vô thượng
Ba cõi chẳng ai bằng
Thầy dạy khắp trờ người
Cha Lành chung bốn loại ..."

vẫn chưa đủ để báo đáp thâm ân của đức Phật - Người đã xuất hiện trên thế gian này để chỉ cho con người tìm lại chính mình, nhận thức rõ Tri Kiến hay Tánh Phật có trong mỗi con người và chỉ khi nhận thức được như vậy, chúng ta chấp nhận mình là con Phật và sẽ thành Phật và mới sống trọn vẹn con người nhân bản, thoát khỏi khổ đau.

Con đường đi, gia bảo vô giá, phương dược trị tâm bệnh, trị khổ đau… đã được trao truyền từ thời đức Phật, qua Thầy Tổ và được gìn giữ, truyền lại cho mỗi con người và chính mỗi con người tự nắm lấy vận mạng của mình và chuyển hóa, không một ai có thể giúp hoặc thay thế cho chúng ta để làm được điều đó..

Những lời ca tụng, xưng tán hay bất cứ những ngôn từ đẹp nào v.v… để dâng lên Ngài, nhưng không hiểu Ngài và không áp dụng những lời dạy từ giáo Pháp, tùy theo căn cơ của mình để ứng dụng vào sự tu tập, quán chiếu, chuyển hóa để trở về chính mình, thì đó là vọng ngôn và làm sai bổn hoài của đức Phật… Đó cũng là sự khác biệt quan trọng giữa đạo Phật và các nền tâm linh khác.

Mỗi người đều có đầy đủ đức tánh làm nên vị Phật như đức Phật, vì sự khác biệt chỉ là ranh giới giữa *Mê* và *Ngộ*, cho nên xưng tán đức Phật có phải chăng là khai phá Tánh Phật trong mỗi con người, để trở thành con người nhân bản

đích thực được trưởng nở trong tâm, thành hình… Cầu cạnh ở ngoài, đối cảnh sanh tâm, chạy theo những bóng mây trời ảo ảnh, vọng mê, bỏ quên bản tâm thanh tịnh…chúng ta không thể thoát ra khỏi khổ đau chỉ duy nhất bằng sự cầu nguyện, xin ban ân…vì đức Phật không phải là vị Thần linh ban phước, giáng họa…

Từ phạm trù nêu trên, chúng ta bắt gặp lại lời kinh *"Hãy trở về với chính mình"*, cũng có nghĩa là sống trong giây phút hiện tại. Quá khứ đã qua rồi, tương lai thì chưa tới, chỉ có giây phút hiện tại là quí giá.

Có người nói rằng *"Nếu không có quá khứ thì làm sao có hiện tại và tương lai, không có thời gian qua thì lấy đâu có kinh nghiệm sống cho thời gian hiện tại, không có dự phóng cho tương lai thì làm sao có thể thể có những công trình văn minh, văn hoá, giúp ích cho con người, cho nhân loại v.v...??"*.

Theo tôi được biết, hiện tại cũng là mạch nối dài của quá khứ và là điểm tiếp diễn đi tới cho tương lai, nên tất cả cũng bắt đầu từ hiện tại, cũng có nghĩa trở về với Chánh Niệm hay Tánh Giác, Cái Biết. Vâng, thời gian là do con người đặt để làm thước đo, nhưng giữa thời gian của tâm lý và vật lý cũng đã có sự sai biệt, như ai nấy đều biết. Nhưng, Cái Tánh Biết không có quá khứ, hiện tại hay vị lai, vẫn luôn có mặt trong mỗi hữu tình, như vầng trăng luôn rực sáng và chỉ vì mây che mờ, nên thấy có sáng có tối.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, do lòng từ bi thương xót cho sự sai lầm của chúng ta, đức Phật đã dạy cặn kẽ, rõ ràng về Tánh Biết. *"Khi thỉnh một tiếng chuông, chúng ta nghe được. Khi không thỉnh chuông, chúng ta không nghe, nên nói rằng không có tiếng chuông, nhưng làm sao để có nhận thức điều nầy. Như vậy, cái Tánh Biết nầy dù cho có thỉnh chuông hoặc không, Tánh Biết vẫn luôn có mặt, hiện hữu"*. Đó là con đường mà chúng ta tìm và thể nhập, sống miên mật…

Sống với Tánh Biết nầy,

cũng có nghĩa là trở về với Tâm, với Chánh Niệm và đó cũng là phương trời mở rộng thênh thang đến từ giây phút hiện tại và tất cả vạn pháp cũng đều đến từ giây phút hiện tại, nơi suối nguồn vi diệu mà mỗi người cần xưng tán, thể nhập, như vừa đề cập ở trên.

Tuyết rơi phủ ngập, mọi sinh thái mang nhiều biến đổi, khổ đau có bao giờ không hiện diện, phiền não có khi nào vắng mặt, khi tâm luôn vọng động, sống buông bỏ thực tại, quên chính mình…Tôi được nghe dạy rằng *"Trong tâm, tất cả mọi thức uẩn đều không có nguồn gốc, không có khởi đầu và không có kết cuộc, vì là rỗng không, do duyên cấu tạo nên, rời duyên thì vạn pháp trở về như như"*. Khi một niệm khởi, vạn pháp thành hình. Khi một niệm giác có mặt, khổ đau vắng mặt

Thấy có khổ đau, chúng ta trốn tránh, tìm bình an trong sự chạy trốn, dưới mọi hình thức, ẩn dấu tâm tình dưới trời đông giá tuyết… nhưng quên rằng, muôn vật ẩn mình dưới sức giá lạnh của mùa đông để vươn lên, sống vững khi xuân về, cung cấp chất liệu tươi mát, hồi sinh cho con người, cho chính mình và vạn vật.

Tất cả khổ đau, bất hạnh, hạnh phúc, phiền não… không chừa một ai, không bỏ sót một người nào …nhưng phải chăng đó cũng chính là chất liệu, phù sa để tưới tẩm cho tâm hồn, Không khổ đau làm sao biết được hạnh phúc. Không phiền não lấy đâu ra an lạc. Chưa biết đói thì làm sao biết được bữa ăn ngon có được và nếu không có những khổ cảnh xảy ra, dù muốn hay không, dù là do nghiệp duyên, nghiệp lực, tác động của nghiệp v.v… thì đó cũng là những gì đóng góp cho một con người trưởng thành, nội tâm vững mạnh, thấy được sự duy nhất bất sanh bất diệt trong mỗi con người, con người của thương yêu, dấn thân và hạnh phúc.

Từ những nhận thức bùng vỡ khi đối diện với thực tại, chúng ta cũng sẽ cảm nhận được tấm lòng cao quí như bà mẹ thương con của đức Bồ-tát

Quán Thế Âm, khi dẫn ta vào tâm Bát Nhã, nơi vắng mặt của năm uẩn đều không, vì không có tự tánh và đây là sức bật mạnh cho mỗi người hành giả mang tâm nguyện đi vào đời, sống với và cùng con người mà trên vai mang gánh nặng của Chân Không, để lòng thư thới, vô ngại…..

Đời người mỏng manh như chiếc lá giữa đất trời, qua bốn mùa thay đổi, biến chuyển… chiếc lá cũng dầm mưa dãi nắng, đổi màu thay sắc để sống còn, để đem đến cho con người những thú vị, thi vị qua sắc màu của lá. Đông có về gây phiền nhiễu cho lá cho cây, có khi làm cho lá săn mình lại, co ro, lịm chết trong giá lạnh, nhưng khi xuân về, lá sẽ vươn mình bung ra để nói cùng vũ trụ rằng *"chúng ta đều là người bạn thân thiết, thương yêu nhau trên cõi đời nầy, dù là mang những hình thái khác nhau, vì tự bản chất chúng ta đều nương nhau, duyên với nhau để hiện hữu, có mặt"* và nếu lỡ như lá không còn có mặt, thì các chất màu của thân lá, của sơ lá, của gân lá sẽ biến thành đất, thành chất liệu để nuôi sống muôn loài trên trái đất này…

Thưa bạn, một người Nhạc sĩ trẻ Lê Minh Hiền gửi cho tôi nhiều bản nhạc. Lắng nghe âm thanh kỳ ảo của dòng nhạc gồm Tình ca và Thiền ca, tỏ lên tấm lòng trong sáng của người Nhạc sĩ đối với dòng đời đạo. Vâng, chúng ta có thể dùng mọi hình thức dù đời hay đạo, chỉ vì mục đích nâng đỡ tâm con người trở về ánh sáng của giáo Pháp đức Phật, về với bản tâm thanh tịnh, an vui, hạnh phúc, vì "Phập Pháp không lià Pháp thế gian". Cảm kích tấm lòng đó, gom lại vài Tựa của các bản nhạc mà Nhạc sĩ đã sáng tác, tôi ghi lại vài dòng thơ và tất cả đều là từ lời Tựa của nhạc … để cám ơn Nhạc sĩ và để dâng tặng cùng mọi người…

đêm đã khuya. vầng trăng còn sót lại
ánh lung linh, lan toả khắp phương trời
ta lặng lẽ, soi bóng mình tìm dấu
một vì sao, em hỡi, giọt buồn đêm

nắm tay nhau, nghe tiếng gió ru tình

giữa bến lạc, cho em tình người đó
nghe tiếng yêu đầu, lời kinh nhân từ
cho em nụ cười, tiếng vọng trái tim

cám ơn thời gian, Quan Âm vô lượng
nguyện nụ thương mềm, ngàn tay hoá độ
từng bước chân tỉnh thức, đến rồi đi
xin đưa em cùng về, lời thơ mộng....

Bốn câu thơ sau như dẫn dắt bước chân của tôi vào đời. Vẫn tâm tình xưa cũ của con người mộc mạc, biết ít nhưng lại hay nói nhiều, như cái trống rỗng thì hay kêu. Tuy nhiên, giữa biển đời nhiều sóng gió, biết bao khổ cảnh xảy ra cho chính mình và bao nhiêu người, tự trong tâm xin được chắt chiu những gì biết được, qua chút ít hiểu biết dù đơn giản, cũng kính xin được dâng tặng cùng tất cả mọi người, dù những lời chân thành nầy, *bạn có đồng ý hay không*- cũng xin nhân nơi đây như một tấm lòng quí trọng, chia sẻ.

Nhân đầu năm Dương lịch 2010, kính mong chúng ta cùng chắp tay để cầu nguyện cho:

- Xin cho thế giới hòa bình, binh đao chấm dứt, những hận thù, chia rẽ, bất đồng chánh kiến, tư tưởng… gây đau khổ cho con người, cho nhân loại… sẽ không còn có mặt.

- Xin cho mỗi người đều trở về với Tánh Giác của mình, để sống có ích lợi, có ý nghĩa cho đời sống của mình và người và mang tâm bồ đế, vô úy đối diện với nghịch cảnh để chuyển hóa.

- Xin cho nước mắt con người có rơi xuống thì cũng chỉ vì hạnh phúc, an lạc chứ không phải là những giọt nước mắt bất hạnh, đau khổ.

"Lành thay ta vui sống,
Từ ái giữa oán thù,
Giữa những người oán thù,
Ta sống không thù oán (Kinh Pháp Cú, số 197)

Ah, happily do we live without hate
amongst the hateful;
amidst hateful men
we dwell unhating. (Tịnh Minh dịch)

Thành kính dâng tặng và chia sẻ ...

CHÙA TRA AM
VÀ SỰ NGHIỆP KỲ VĨ CỦA TỔ KHAI SƠN TRÙNG THÔNG VIÊN THÀNH

Tâm Quang

(Tiếp theo HP số 27)

III. Tiểu sử Tổ khai sơn: Trừng Thông Viên Thành (1879-1928)

1. Thân thế:

Hòa thượng thế danh là CÔNG TÔN HOÀI TRẤP (1)

Ngài sinh giờ Sửu (từ 01 đến 3 giờ) ngày Bính Tuất, 17 tháng 11 năm Kỷ Mão, nhằm ngày vía Đức Phật A Di Đà (tức ngày 29 tháng 12 năm 1879, niên hiệu Tự Đức 32), tại phủ Định Viễn Quận Vương, thuộc thôn Tây Thượng, tổng Dương Nỗ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên. (Nay là xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.)

Thân phụ Hòa thượng là Công Tử Tỉnh Quy, con của hoàng tử Nguyễn Phúc Bính. (Hoàng tử Nguyễn Phúc Bính là con thứ 6 của vua Gia Long Nguyễn Phúc Ánh). Thân mẫu là bà Vũ Thị Dần, con ông Vũ Văn Lợi, người thôn Xuân My, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Bà và người em ruột là bà Vũ Thị Thân, cùng kết duyên với

công tử Tỉnh Quỵ. Hai bà sinh được tất cả 7 người con (Bà Vũ Thị Dần có 3 người (2 trai, 1 gái) nhưng 2 người con đầu đã mất sớm, chỉ còn lại một mình Hòa thượng. Một điều không may là bà đã qua đời năm Hòa thượng mới lên 4 tuổi (Quí Mùi, 1883). Bà Vũ Thị Thân có 4 người (2 trai, 2 gái) nhưng 2 người con gái cũng mất sớm, chỉ còn lại 2 người con trai. Năm Hòa thượng lên 10 tuổi (Kỷ Sửu, 1889) thì thân phụ cũng qua đời. Như thế, có thể xem Hòa thượng là con đầu trong gia đình và sống với hai người em cùng cha và với người mẹ ghẻ - vừa là dì ruột.

Sinh ra và mang huyết thống của dòng dõi quý tộc, nhưng phải sống trong hoàn cảnh gia đình sa sút, thiếu thốn, nên suốt những tháng năm thơ ấu và cả quãng đời niên thiếu, Hòa thượng phải gánh chịu nhiều cay đắng, thiệt thòi.

2. Thuở ấu thơ và thời niên thiếu:

Năm Hòa thượng mới lên 4 tuổi thì mồ côi mẹ, ở với người mẹ ghẻ lại chẳng có chút tình thương, nên đã chồng chất lên tuổi ấu thơ biết bao nhiêu là tủi nhục. Đến thời niên thiếu cũng không thoát ra khỏi vòng đau khổ. Năm 10 tuổi thì người cha thân yêu cũng qua đời. Sống bơ vơ, hiu quạnh, thiếu ăn, thiếu mặc.

Năm 11 tuổi (Canh Dần, 1890) được đi học chữ Hán với một thầy đồ ở làng bên, nhưng gặp phải ông thầy quá nghiêm khắc và nóng tính. Hòa thượng thường bị những trận đòn khủng khiếp, đành phải bỏ dở việc học. Trở về gia đình lại bị mẹ ghẻ và hai em khinh miệt, hất hủi.

Cuộc sống trước mắt là nỗi chán chường, tuyệt vọng. Cũng từ đó, trong tâm trí Hòa thượng đã manh nha ý hướng rời bỏ gia đình, tìm một lối giải thoát thân phận bất hạnh của đời mình trong nếp sống tu hành của người xuất gia.

3. Xuất gia:

Năm 16 tuổi (Ất Mùi, 1895), Hòa thượng đến chùa Ba La Mật đảnh lễ đại sư Thanh Chân Viên Giác cầu xin thọ giáo. Trước lời tác bạch cung

kính nhưng Đại sư vẫn nửa tin, nửa ngờ ý chí của Hòa thượng. Đại sư bảo rằng: *"Các mệ (2) xưa nay quen thói sung sướng, không kham nổi việc tu hành cực khổ đâu!"* Nhưng qua những lời cầu xin tha thiết chân thành, Đại sư cảm thấy sự chí tâm cầu đạo giải thoát của Hòa thượng, nên Ngài lại bảo rằng: *"Thôi được, mệ lên chùa lễ Phật và thử nghĩ vài câu, nếu có cơ duyên, tôi sẽ giúp mệ xuất gia!"* Nghe đại sư nói thế thì Hòa thượng quá đỗi vui mừng, liền lên đại điện lễ Phật rồi viết ngay hai câu thơ:

Nép bóng rèm thưa trông bóng thỏ,

Thấy trăng tròn, tay vỗ ca xang (3)

Sau đó đem xuống trình đại sư. Xem xong, đại sư hết lời khen ngợi và vui vẻ nhận cho Hòa thượng xuất gia.

Bắt đầu từ hôm ấy, Hòa thượng được Bổn sư đặt pháp danh là TRỪNG THÔNG, pháp hiệu là VIÊN THÀNH. Thể nhập đời thứ 42 dòng Thiền Lâm Tế Chánh tông Trung Hoa, đời thứ 8 dòng Thiền Thiệt Diệu Liễu Quán Việt Nam, cũng từ đó Hòa thượng được ở luôn bên cạnh đại sư trong chùa Ba La mật.

Nhưng nỗi vui mừng chưa được bao lâu thì nỗi buồn lại ập đến. Vì sau khi nghe tin Hòa thượng được đại sư thâu nhận làm đệ tử và ở luôn trong chùa, thì hai phu nhân của đại sư hết sức phản đối, không bằng lòng cho Hòa thượng ở, vì cho rằng Hòa thượng không chịu tự lực cánh sinh, đến lợi dụng từ tâm của đại sư, bắt phải đem cơm nước đến chùa hầu hạ.

Để làm vui lòng hai bà chị thúc bá hẹp lượng, Hòa thượng ra sức làm việc không quản mệt nhọc ngày đêm, nhưng vẫn không khỏi bị rầy la, dọa nạt, xua đuổi. Quá tuyệt vọng, Hòa thượng bắt đầu nhịn ăn để tìm cái chết. May có đại sư an ủi, khuyên can, lại nhờ các bậc tôn túc trong sơn môn thương tình

nói giúp với hai phu nhân, Hòa thượng mới bắt đầu ăn uống trở lại. Từ đó, Hòa thượng rất chăm chỉ trong việc tu học và nghiêm trì tịnh giới. Nên rất được đại sư hết lòng thương mến và tận tình giáo dưỡng.

4. Học đạo:

Dưới sự chăm nom giáo dưỡng tận tụy của vị Bổn sư đầy tài năng và đức độ, Hòa thượng có cơ hội học hành thấu đáo nền văn chương cổ điển, nhất là chuyên tâm tham cứu thiền lý một cách tinh tường. Chỉ hơn ba năm, Hòa thượng đã tỏ rõ là một vị sa di tài năng xuất chúng, học hạnh đều ưu tú. Bổn sư của Ngài không chỉ hết lời khen ngợi, mà còn đặt hết niềm hy vọng vào người đệ tử tánh tình vừa khiêm cung, hòa ái, lại vừa thông minh, hiếu học. Một người đệ tử có năng lực và đạo hạnh, chắc chắn sẽ làm rạng rỡ cho Pháp phái sau này.

Có lẽ do đó mà Ngài đã ân cần phú pháp bài kệ trước khi thị tịch và trước cả lúc Hòa thượng lên đường vào Phú Yên thọ Đại giới:

Tào khê nhất phái thủy đông lưu

Bình bát chân truyền bất ký thu

Giáo ngoại bản lai vô biệt sự

Viên Thành tâm pháp ấn tiền tu.

Dịch:

Tào Khê nước chảy về đông,

Bát bình nối dõi lâu không nhớ ngày.

Trăng Thiền nào khác xưa nay,

Viên Thành ấn chứng đã dày lòng tu.

(Hòa thượng Đạo Giám Trí Thủ, dịch)

Ngày 27 tháng 6 năm Canh Tý (ngày 23.7.1900), Bổn sư viên tịch. Hòa thượng thể theo di chúc lên kế tục trú trì chùa Ba La Mật.

Theo tinh thần di chúc, đại sư căn dặn các con là phải nhường cho Hòa thượng đứng làm Trưởng nam trong tang lễ. Chính điều này đã âm ỉ gây cho các con của đại sư nhiều bất mãn, nhưng vì chữ hiếu nên

không ai dám nói ra. Cũng từ đó về sau Hòa thượng thường phải đối mặt với lối cư xử không mấy tốt đẹp bởi các con của đại sư. Nhưng cũng nhờ chướng duyên ấy mà Hòa thượng đã có quyết định giao trả chùa Ba La Mật lại cho gia đình họ Nguyễn Khoa để lên kiến tạo chùa Tra Am.

Qua năm Tân Sửu, 1901, Hòa thượng đăng đàn thọ Tỳ kheo Bồ-tát giới tại giới đàn chùa Từ Quang ở huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Việc Hòa thượng đăng đàn thọ giới, có giai thoại truyền rằng, sau hơn năm năm ở chùa và một năm làm trú trì, nhưng Hòa thượng chưa tham cứu đầy đủ giới luật. Chỉ đến lúc lên đường vào Phú Yên, Hòa thượng mới bắt đầu học các môn Luật chính yếu. Nhưng đến sau khi thọ Đại giới, chư tôn túc Giám khảo đều rất ngạc nhiên trước đạo phong thuần thục, luật giải uyên thâm và tinh tường của người học Tăng trẻ tuổi này. Nên Hội đồng biểu quyết chọn Hòa thượng đứng đầu giới đàn với số điểm vượt cao hơn các học Tăng kế tiếp. Sau khi được chọn làm Thủ Sa di, Hòa thượng đã làm một bài văn tạ ơn Hội đồng Giám khảo với lời lẽ khiêm cung, ý tứ sâu sắc rất phù hợp với giáo lý, nên đã gây được nhiều thiện cảm trong lòng chư tôn túc và đại chúng lúc bấy giờ.

Để tưởng thưởng cho tài năng xuất chúng của Hòa thượng, Hội đồng thập sư ban thưởng cho Hòa thượng một bộ Kinh Lăng già Tâm ấn, một số y tốt và một bình bát Tàu thượng hạng (Những pháp bảo này hiện thờ tại chùa Tra Am).

5. Giai đoạn mở đầu sự nghiệp Hoằng pháp:

Trở về Huế, Hòa thượng lại dành nhiều thì giờ để sửa sang, tu bổ chùa Ba La Mật và không ngừng nỗ lực học tập, hành trì kinh luật. Từ đó, pháp hiệu Viên Thành của Ngài bắt đầu quen thuộc trong chốn Thiền môn và lan tỏa khắp cả kinh thành Huế. Nhiều danh sĩ trí thức, nhiều tao nhân mặc khách ở cả hai miền Nam Bắc nghe tiếng, thường tới lui thăm viếng, đàm luận giáo

lý, văn chương, trong đó có nhiều vị có tên tuổi trong xã hội như cử nhân Hải Bình Thị Ưng Tiến, Tham Tri Bộ Hình Quất Đình Ưng Ân, Hiệp Tá Đại học sĩ Ưng Bình Thúc Gia Thị, nhà văn Chương Dân Phan Khôi, Thượng thư Phạm Quỳnh, Chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng v.v… Nên quang cảnh chùa Ba La Mật càng ngày càng trở nên khởi sắc.

Nhưng dòng đời vẫn không ngừng biến chuyển, sau giai đoạn chịu đựng nhiều đau thương, mất mát thuở thiếu thời, rồi tìm được nguồn an ủi trong nếp sống tu hành. Những tưởng tháng ngày an lạc ấy vẫn êm trôi, không ngờ sóng gió bất thường lại nổi lên, Hòa thượng càng được đại sư thương yêu, quý mến và thân hữu ngưỡng mộ tài năng, đức độ bao nhiêu thì lại càng không được lòng các con của đại sư bấy nhiêu. Mối bất hòa càng ngày càng thêm trầm trọng. Tâm trạng chán chường này, đã được Hòa thượng thổ lộ qua bài thơ sau:

Ba mươi tuổi, biết sáu mươi nơi,
Thẩn thẩn, thơ thơ ở với đời.
Nỏ giận hờn ai cho mệt dạ,
Chớ đua tranh miệng khỏi hao hơi.
Dại khôn cũng hóa ra thành đất,
Suy tính chi qua đặng với trời.
Chán biết nhân tình là tệ bạc,
Cũng trò, cũng chuyện, cũng cười chơi.

Nỗi bất hòa ấy càng thấy rõ hơn sau lần Hòa thượng lên chiêm bái các Tổ đình, tham vấn các bậc tôn túc sơn môn và ở lại đến 2, 3 hôm mới trở về chùa, thì các con của đại sư đã vào gặp Hòa thượng và lớn tiếng hằn học rằng: *"Mệ có ở giữ chùa thì ở, còn không thì đóng cửa giao lại cho anh em tôi, chứ nay đi, mai ở, bỏ chùa không ai coi sóc, kẻ trộm nó vào rinh Phật, rinh chuông mất, liệu mệ có đền không?"*

Nghe lời nói trái tai và có ý đuổi khéo này, Hòa thượng liền có ý nghĩ là sẽ tìm nơi khác yên tĩnh hơn để dễ bề tu tập và xa lánh cuộc đời với nhiều sóng gió bất thường.

Đầu năm Quý Hợi, 1923, Hòa thượng quyết định giao

trả chùa Ba La Mật lại cho gia đình họ Nguyễn Khoa, rồi lên mua đất cạnh bảo tháp của đại sư Viên Giác, vị Bổn sư đã hết lòng thương yêu, giáo dưỡng Hòa thượng, để kiến tạo chùa Tra Am.

Như thế là sau năm năm hành điệu và 23 năm Trú trì chùa Ba La Mật (Tổng cộng là 28 năm), Hòa thượng đành từ giã ngôi chùa đã từng cưu mang, đùm bọc Hòa thượng trong những tháng năm bi đát nhất của cuộc đời Ngài.

Kể từ sau khi Hòa thượng lên kiến tạo chùa Tra Am, thì chùa Ba La Mật do con cháu của họ Nguyễn Khoa coi sóc. Nhưng sự đố kỵ thiếu suy nghĩ ấy đã dẫn đến hậu quả là gia đình họ Nguyễn Khoa không cáng đáng nổi việc chùa, nên rất hối hận. Đến gần cuối năm Quý Hợi, 1923 các con của đại sư phải lên cầu xin Hòa thượng cử người về coi sóc. Sau một hồi suy nghĩ, Hòa thượng đã cho vị đệ tử thứ hai là Thượng tọa Tâm Đăng Trí Hiển (? -1940) về làm trú trì.

Sự thể ấy, âu cũng là việc *"Suy tính chi qua đặng với trời"* đúng như lời suy gẫm của Ngài.

Suốt năm năm, từ khi lên kiến tạo chùa Tra Am cho đến năm Ngài viên tịch (1923-1928) là thời kỳ Hòa thượng sáng tác thơ văn dồi dào nhất, đây cũng là giai đoạn Hòa thượng giao lưu thân thiết với nhiều bậc tôn túc trong sơn môn, như với Hòa thượng Thanh Ninh Tâm Tịnh, Tổ khai sơn chùa Tây Thiên, Hòa thượng Thanh Tú Tuệ Pháp, trú trì chùa Thiên Hưng, Hòa thượng Trừng Thành Giác Tiên, tổ khai sơn chùa Trúc Lâm, Hòa thượng Trừng Hương Tịnh Hạnh, trú trì chùa Tường Vân ở Huế, Hòa thượng Phổ Tuệ, trú trì chùa Tịnh Lâm ở Bình Định

v.v…quý Hòa thượng là những bậc cao tăng uyên thâm giáo pháp, giới hạnh tinh nghiêm, sự nghiệp hoằng pháp kỳ vĩ của quý ngài đã vang dội khắp cả dải đất miền Trung nước Việt trong hơn một phần ba thế kỷ.

Ngoài ra, tài năng và đạo hạnh của Hòa thượng còn thu hút không biết bao nhiêu là danh sĩ trí thức, văn nhân thi sĩ, đại thần quan lại, thiện nam tín nữ thường xuyên lui tới chùa Tra Am, có phần đông đảo, tấp nập hơn cả khoảng thời gian Hòa thượng trú trì chùa Ba La Mật.

Có thể nói, sự hoạt động mang đậm tính văn hóa Phật giáo và dân tộc ấy, đã tô bồi cho nếp sống và quang cảnh chùa Tra Am trở thành một trong những Tòng lâm rực sáng ở vùng đất kinh đô Huế. Đây cũng là thời kỳ Phật giáo Việt Nam chuyển mình qua giai đoạn chấn hưng, nên sự nghiệp thơ văn của Ngài không chỉ thể hiện nếp tu hành thanh tịnh của một vị Thiền sư, mà còn đóng góp một phần công sức vào kho tàng văn hóa dân tộc và sự phát triển của Phật giáo tại miền Trung lúc bấy giờ.

(còn tiếp)

Ghi chú:

1. Có nhiều sử liệu ghi thế danh của Ngài là Nguyễn Phúc Hoài Trấp.

2. Dưới thời nhà Nguyễn, có lệ gọi các công tôn vương tử mới sinh hoặc đã khôn lớn là "Mệ" hoặc "Mụ". Nguyên nhân là vì con khó nuôi, nên gọi như thế để khỏi sợ bị chết non. Ngày nay, ở Thừa Thiên Huế, không còn nghe hai tiếng này nữa.

3. Câu thơ ngụ ý nói về ngón tay chỉ mặt trăng như lời Đức Phật dạy: "Mặt trăng là chân lý, ngón tay là phương tiện".

Tôi Đang Thở

Nguyễn Huỳnh Mai

Hôm nay tôi cảm thấy nên viết một bài tự kiểm. Con người nếu không biết dừng lại nhiều lần trong đời sống để tự kiểm thảo, thì chính mình đã tự đánh mất rất nhiều hạnh phúc và bình an.

Trước nhất là hay để tâm quá nhiều về người khác và thế giới chung quanh. Chạy theo hay bị lôi kéo vào những cảm tính của người và thường hay sống giùm đời sống của họ, mà quên mất đi đời sống của chính mình.Toàn bộ giác quan đề hướng ngoại mà không thật sự dùng giác quan để tìm hiểu chính mình, để tự mình biết thưởng thức mỗi giây phút của đời sống.

Thỉnh thoảng cũng tự thức giác để chiêm nghiệm, tự giác, tự kiểm, rồi giật mình nhận thấy sao thời gian trôi qua mà không bao giờ trở lại. Thân thể

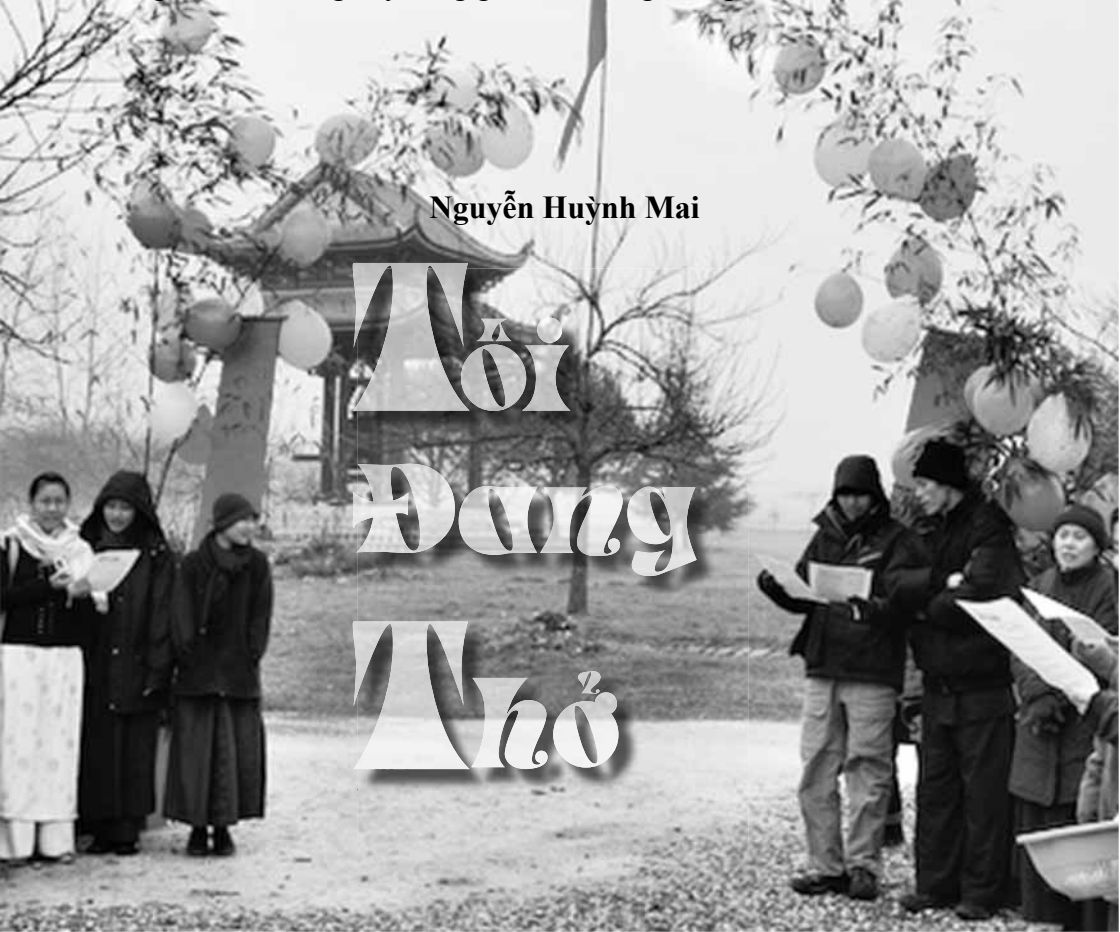

ta yếu dần qua số năm chồng chất, giác quan bớt bén nhạy để nhận và biết những gì xảy ra chung quanh; để có thể nhận thức, quán chiếu, quán xét, rồi quyết định phải nghỉ gì, nói gì và làm gì.

Con dao muốn bén phải mài dũa thường xuyên, nếu để nó cùn rồi thì khó mà làm cho nó bén lại được. Vật thể còn có thể dùng kỷ thuật mới mẻ, máy móc tinh vi để sửa đổi, nhưng thân thể con người thì không, hay rất khó dù cho khoa học và y tế có tiến bộ đến đâu.

Có bao nhiêu người không chuyên cần tập luyện thể dục, ăn uống điều độ, sống một cuộc sống có quy tắc, khi đau yếu nặng mà có thể trở lại bình thường khi thận suy, phổi nám, tê liệt tay chân.

Nếu ta cứ để đầu óc quay cuồng theo thời gian thì không biết cuộc đời ta trôi nổi về đâu và đến một lúc nào đó muốn dừng chân thì quá muộng màng.

Hôm nay tôi thật sự mừng cho chính mình là tự biết mình đã tiêu phí thời gian và tâm sức cho quá nhiều điều uổng phí. Tuổi và những ngày đã qua, tôi đã không biết trân quý để nghỉ, để nói, nên nhiều lúc đã làm những điều vô bổ. Đã có quá nhiều biện luận và bao che cho sự ngang bướng và ngu ngốc của chính mình.

Mỗi khi ta chợt tỉnh, biết dừng lại để suy nghiệm thì cuộc sống bổng trở nên đáng sống một cách kỳ lạ.

Nắng trưa hôm nay thật ấm dù lúc sáng sớm có sương mù và gió lạnh. Sân nhà tôi thật mát mẻ và êm ả với tiếng nước chảy róc rách vọng lại từ ao cá. Nhan trên bàn thông thiên vẫn còn thoát ra vài đợt khói nhẹ mong manh thoáng hương trầm đạo vị. Chậu hoa mai rụng hết lá đang chớm những nụ bé nhỏ xinh xinh.

Tiếng chim khe khẻ trên cành cùng với tiếng lá xào xạt, tuy nhẹ, tuy nhỏ, cũng làm cho tôi biết tôi đang sống, một cuộc sống còn lại lúc tuổi già, nhưng đáng sống.

Tôi đang thở nhè nhẹ…

Cây Hoa Gạo, Ngôi Tháp Cổ và Thầy Tôi

Thời gian thấm thoát trôi nhanh. Mới đó mà đã là những ngày cuối năm!

Vào thời khắc này có người nhìn lại quá khứ, để định đặt một hướng đi mới cho tương lai. Nhưng cũng có người chỉ thích dành những giây phút cuối cùng trong năm để tìm về những kỷ niệm. Và tôi, tôi cũng muốn được làm một người trong số đó – sống lại dĩ vãng của một thời chẳng bao giờ gặp lại, ôn lại một quãng đời đã mãi mãi trôi xa...

Dòng ký ức đưa tôi trở về với suối Yến, chùa Hương. Nơi, lần đầu tiên tôi và bạn bè có được cái vinh hạnh theo chân một người, tôi gọi người đó là Sư phụ, vì người thật sự là một nhà sư. Thật ra, tôi gọi như thế là gọi theo bạn bè, bởi vì hồi đó tôi chưa có đủ cơ hội để có thể hiểu hết nội dung của danh xưng này. Mãi về sau, khi đã được gần gũi với người một thời gian dài, được người giảng giải về nhiều điều trong Phật pháp thì tôi mới thấy được cái ý nghĩa cao quý mà thiêng liêng trong cách gọi này.

……

Sư phụ của tôi, Người chưa đến chùa Hương bao giờ, thế mà qua cái nhìn cũng như những hiểu biết của người đối với quang cảnh ở đây tôi tưởng chừng như người đã từng ở đây trong một tiền kiếp xa xôi nào rồi.

Đưa tay chỉ những cây hoa gạo đỏ, mọc hoang dã, rải rác trên suốt dọc đường hai bên bờ suối Yến, Sư phụ hỏi tôi: "Con có thấy những cây hoa gạo kia không?" Tôi gật đầu: "Dạ có."

Tôi đã nhiều lần đến đây và cũng đã nhiều lần đứng ngắm say mê những chùm hoa gạo đỏ. Tôi thích loại cây này vì dáng cây hiên ngang, vì bông hoa mập mạp, vì sức sống mãnh liệt, vì hoa có màu đỏ – màu tôi yêu thích nhất, và vì bông hoa gạo khi rụng, thì khác hẳn. Chúng không rơi nhẹ nhẹ, là đà êm tai như những loài hoa khác, mà trái lại, chúng rơi như tia chớp, xoáy tròn, thẳng đứng và phát ra tiếng động.

Những bông hoa gạo, trong tôi, là như thế. Tôi chưa kịp chia sẻ những cảm nghĩ của mình với Sư phụ thì người đã cất tiếng: "Con hãy nhìn xung quanh mà xem, mưa phùn lất phất, bầu trời ảm đạm, huyền phiêu trong sương khói, muôn ngàn hoa cỏ sũng nước, chỉ có hoa gạo đỏ rực rỡ trên những thân cây bơ vơ. Những bông hoa đậu trên cành trông như những ngọn nến lập loè trên cây, ngọn lửa lung linh này soi tỏa cho nhân loại trên mọi con đường đến với cửa

Phật; năm cánh hoa như những đài sen, nhụy hoa như những bó hương cắm trên lư, trông thật tao nhã, thanh thoát!"

Sư phụ nhặt lên một bông hoa, rồi nói tiếp: "Người xưa cho rằng, vì gốc của những cây gạo cổ thụ, xù xì có nhiều u cục, hang hốc, là nơi trú ngụ của những hồn ma. Thân cây gạo lại thẳng và có nhiều mấu, trông lớp lớp như những bậc thang, để cho những hồn ma có thể trèo lên những tầng cao mà hòa mình vào vũ trụ. Rất nhiều cây hoa gạo được trồng ở chùa và những nơi linh thiêng, để các cô hồn lang thang, được nương tựa bóng của Thần, Phật mà mong siêu thoát. Vì thế người dân thường hay thắp hương ở những gốc cây gạo! Cây gạo, theo tư duy liên tưởng của dân gian, thì gạo có nghĩa là no đủ, bông gạo trắng dùng để may chăn gối, tượng trưng cho sự êm ấm. No đủ và êm ấm là điều mong ước giản dị, là niềm an ủi dịu dàng, sưởi ấm những nhọc nhằn đeo bám suốt cuộc đời của người dân quê chất phác."

Nói đến đây tôi thấy Sư phụ trông có vẻ bồi hồi. Một lúc sau, người mới nói tiếp, giọng nói nghe vẫn ấm nhưng dường như thấp thoáng một nỗi buồn nào đó: "Ngày xưa, khi còn trẻ, thầy cũng là một nhà nông."

Tôi trố mắt nhìn người. Tôi kinh ngạc.

Làm sao mà loài hoa dân dã có mầu đỏ rực lên như lửa cháy khôn nguôi, lại có quả bông trắng thanh khiết, hiến tặng cho đời những giấc ngủ thanh bình, êm ả và những giấc mơ

thoát tục! Làm sao mà từ đôi tay đã từng lấm trong bùn non để chăm bóm cho từng cây mạ con trở thành cái nuôi sống con người, lại có thể hiến tặng cho cuộc đời những dòng thư pháp tuyệt vời như thế! Làm sao mà đôi vai đã từng oằn xuống dưới sức nặng của những bó lúa được mùa, lại còn có đủ vô vàn nghị lực để tiếp tục gánh chịu những khổ đau muôn đời của thế nhân! Làm sao mà trong cái dáng người tưởng như mộc mạc, giản đơn kia, lại có thể hun đúc một tấm lòng suốt đời chỉ nghĩ đến những buồn vui của người khác! Làm sao mà trong cái phong thái an nhiên tĩnh tại tưởng như đã xa lánh hết mọi phiền não trên thế gian, lại hằng cưu mang không biết bao nhiêu cảnh đời khốn khổ của chúng sinh! Làm sao mà trong ánh mắt điềm nhiên, tưởng như đã lạnh lùng trước những đổi thay biến dịch của kiếp người, lại tỏa ra một cái nhìn cảm thông, ấm áp đủ sức để sưởi ấm những trái tim băng giá! Làm sao mà giọng nói khiêm cung nhẹ nhàng tưởng chừng yếu đuối kia, lại có thể khiến cho không biết bao nhiêu người phải buông đao để quay về cửa Phật! Làm sao…! Làm sao…! Quả tình tôi không thể nào hiểu hết được những điều bí nhiệm, huyền vi trong cái thế giới tưởng chừng như quá nhỏ hẹp này.

"Còn những ngôi tháp kia nữa," Sư phụ tôi đưa tay chỉ về phía bên kia, "Đẹp quá, đẹp quá!" Tôi dõi mắt nhìn theo. Những ngôi tháp cổ có đáy hình vuông, xây toàn bằng gạch màu nâu đỏ, cổ kính rêu phong, đượm nét thời gian. Tôi cứ tròn mắt ra nhìn. Vậy là đẹp ư? Tôi vốn không có nhiều khái niệm về chùa, tháp. Thậm chí tôi còn không biết tại sao người ta xây tháp nữa. Tôi cứ nghĩ xây tháp là để trang trí thêm cho cái đẹp của kiến trúc nhà chùa.

Có lẽ vì thấy bộ dạng ngớ ngẩn của tôi mà Sư phụ tủm tỉm cười rồi nhẹ nhàng giải thích: "Tại sao họ xây tháp? Và tại sao những ngôi tháp đó lại rất đẹp? Con nên biết rằng, bản chất của một người Phật tử là tính kh-

iêm cung, cho dù xuất gia hay tại gia cũng vậy. Con đừng nhìn thấy những con người áo quần lam lũ, mặt mũi xanh xao, gầy gò yếu đuối mà lại coi thường. Chính trong cái dáng dấp lam lũ, xanh xao, gầy gò, khiêm cung đó lại hàm chứa một sức sống vô cùng mãnh liệt. Giá trị của một nhà sư không nằm trong những ngôi chùa nguy nga tráng lệ, trong sự tích lũy tài sản của cải cho bản thân, trong những sự nghiệp tiếng tăm cho riêng mình, mà là trong tâm nguyện và hạnh nguyện của vị đó. Tâm nguyện của một người xuất gia là làm thế nào để có thể giúp mình, giúp người thoát khỏi khổ đau. Và hạnh nguyện của một người xuất gia là hoằng pháp lợi sinh. Chính vì thế mà sau khi nằm xuống, ngay cả đối với những vị sư đã từng nổi tiếng một thời, thì chỗ dành cho họ cũng chỉ là những ngôi tháp nhỏ khiêm cung như con đang thấy. Con đừng thấy những kiến trúc đơn sơ bình dị được làm chỉ từ những viên gạch nung như vậy mà coi thường. Nó có vẻ đẹp riêng của nó, một vẻ đẹp mà những người nào không có một đời sống tâm linh phong phú, một cái nhìn thanh cao thoát tục, thì không thể nào biết được giá trị của nó. Con thấy đó! Chỉ là những viên gạch nung bình thường, không có những chạm khắc tỉ mỉ hoa hòe, nhưng chúng lại nói lên được cái chân chất, mộc mạc, bình dị, hòa đồng của cuộc đời một nhà sư từ khi còn sống cũng như khi đã mất. Chỉ những người không có trí mới đi tìm kiếm khỏa lấp cái trống rỗng trong cuộc sống vô vị của mình bằng những hình tướng lòe loẹt, thô tháo bên ngoài."

Nghe đến đây tôi chợt nhớ đến bức chân dung người Thầy của sư phụ tôi (ở chùa sư phụ tôi, người ta thường gọi vị sư này là Hòa thượng Khai sơn hay, đơn giản và thân thiết hơn, họ chỉ gọi là Cố). Bức chân dung chụp một vị sư già, khoác một chiếc áo dài màu xám. Không phải là chiếc áo vàng rực rỡ, không có chiếc mũ thêu chạm cầu kỳ, mà chỉ là một gương mặt hiền hòa bình dị, với một nụ cười an

nhiên, thanh thoát không thể nào tả được. Ông có cặp lông mày dài, trắng như tuyết, phất phơ, bay bay... trông cứ như ông Tiên vậy! Vâng! Hầu như tất cả các bức chân dung tôi chiêm ngưỡng được trong căn phòng khách của Sư phụ tôi đều có chung một tính chất như thế. Tôi thấy hình một sư cụ già,

ngồi bên một ngọn đèn dầu le lói, và một con mèo nằm yên lặng cạnh bên. Tôi cũng thấy hình một vị sư già với bộ áo cánh vải bình thường, ngồi trên một chiếc chõng tre, với ấm chè bằng đất, và một chú tiểu mặt mũi ngây thơ, vòng tay đứng hầu ở phía sau; … Tất cả đều toát lên một cái gì đó rất bình dị, rất mộc mạc, rất khiêm cung, rất hiền hòa, nhưng rất sâu thẳm. Đến bây giờ tôi mới hiểu được trong cái hiền hòa sâu lắng đó là cả một tâm nguyện và hạnh nguyện cao ngút ngàn.

Những ngày tôi được sống gần sư phụ là những ngày hạnh phúc. Mỗi lần lên chùa tôi đều được thưởng thức những món ăn rất ngon. Tôi cứ nghĩ thầm. Ở chùa thật thích. Không khí đã yên tỉnh, thường được nghe Sư phụ nói chuyện về đạo về đời, được Sư phụ chỉ dạy về thư pháp, lại còn được ăn bao nhiêu là món ngon và lạ miệng nữa chứ. Nhưng…. Một hôm tôi lên chùa mà không báo trước. Lúc đó Sư phụ tôi đã dùng cơm rồi. Tôi lẵng lặng đi xuống nhà bếp, tự tìm kiếm thức ăn. Trong nhà bếp lúc đó đã vắng người, chỉ còn bà dì vãi đang lúi húi làm gì đó ở một góc phòng. Tôi chào Dì rồi ngồi vào bàn ăn. Nhìn mấy đĩa rau và mấy chén nước tương, tôi hỏi Dì: "Hôm nay chùa mình ăn đơn giản như thế này thôi hả Dì?" "Ngày mô mà chẳng ăn như ri, Cô. Không ăn tương, rau thì lấy chi mà ăn?"

"Thế Sư phụ cũng ăn như thế này à," tôi hỏi. "Thì Ôn (ở chùa Sư phụ tôi, mọi người thường gọi Sư phụ tôi là Ôn) cũng ăn như rứa thôi. Chỉ khi mô có khách thì Ôn mới dặn phải mua thêm đồ thôi." Tôi nghe mà thấy xót xa trong lòng. Tôi không thể nào ngăn được mình đừng nghĩ đến hình ảnh những nhà sư ăn mặc sang trọng ngồi trong những chiếc xe hơi bóng loáng đắt tiền, những khuôn mặt phì nộn hí hửng với những tài khoản kếch sù ở trong ngân hàng, những Thiền thất lộng lẫy với đủ mọi thứ thiết bị tiện nghi hiện đại.

"Con qua đây xem chiếc tháp này này." Tôi giật mình, cắt đứt dòng suy tưởng. Tôi bước chân theo Sư phụ mà lòng cứ mãi bồi hồi. Dưới mưa xuân, vẻ đẹp Hương Sơn hiện ra huyền ảo, đâu đó vang tiếng chuông chùa, xen kẽ giọng trầm ấm đều đều của Sư phụ. Tôi vừa lắng nghe, vừa tập bước đi những bước chân chầm chậm, điềm đạm đầu tiên của đời mình. Theo từng bậc thang phủ đầy rêu xanh, tôi lần theo tiếng mõ, câu kinh, tự tìm kiếm cho chính mình một khoảng không gian tâm linh vời vợi.

……..

Đêm qua, tôi mơ thấy mình quay lại chùa Hương! Từ xa ngắm nhìn, cây gạo sừng sững đứng giữa đất trời, vươn mình chở che những linh hồn bơ vơ, không nơi nương tựa… Cũng như Sư phụ, đã dành cả cuộc đời để minh chứng cho thế gian thấy rằng, cuộc đời chỉ là một giấc mộng, nhưng trong giấc mộng đó Sư phụ đã làm hết những gì người có thể làm, để làm vơi đi phần nào những phiền muộn của thế nhân. Đến hôm nay thì Sư phụ đã đi rồi, đã đi rất xa. Đã gần năm tháng rồi thế mà tôi thấy mình vẫn không sao quen được với ý nghĩ này. Tôi vẫn cứ nghĩ rằng, Sư phụ đi đâu đó, rồi trong nay mai sẽ về thôi!!! Cầm sắc đỏ hoa gạo, tôi thả xuống dòng suối Yến. Tôi chắp tay, nguyện cầu cho Sư phụ, dù đang ở vào bất kỳ không gian thời gian nào trong thế giới bao la vô tận này, thì Người

vẫn luôn nhận được thật nhiều những bông hoa Mộc Miên, những bông hoa mộc mạc như tâm thức của những người nông phu, quê mùa, rơm rạ.

Sư phụ ơi! Con ước ao, cứ mỗi lần về thăm quê nhà, con lại có dịp viếng thăm những ngôi tháp cổ kính rêu phong, được ngồi dưới gốc những cây hoa gạo đỏ. Con sẽ ngồi đó và nhớ về Sư phụ. Và con sẽ không khóc. Vì trong cái bóng râm tỏa mát của lá cành, trong dáng chở che uy nghi của những tòa tháp cổ, con vẫn còn có thể hình dung một khuôn mặt từ hòa mà rắn rỏi, một phong thái nhàn nhã mà kiên cường, một nụ cười bình dị mà bao dung. Tất cả những điều này, cho dù thời gian con có cơ duyên gặp được, chẳng phải là dài, nhưng cũng đủ sâu để trở thành một niềm an ủi lớn, một nguồn sinh lực mới cho con, giúp con hiên ngang đứng vững trước những sóng gió của cuộc đời, trước những đổi thay của tình người. …

Sư phụ ơi! Con nói là con sẽ không khóc nhưng khi viết đến đây thì con không thể nào có đủ bình tâm để viết tiếp được nữa.

…….

Những dòng chữ bắt đầu nhòe đi trước mắt tôi. Ngoài kia từng cơn bão tuyết lại rít lên, tìm cách len lỏi vào bên trong căn phòng nhỏ bé. Không biết những ngọn lửa leo lét từ chiếc lò sưởi kia có giúp tôi ngăn được cái giá lạnh của xứ người. Tôi cố mở to mắt, gắng gượng viết nốt những dòng chữ cuối cùng. Tôi biết đây là cơ hội cuối cùng cho tôi được viết về Thầy mình. Ngày mai tôi lại lao đầu vào những cạnh tranh trên thương trường-những tính toán khốc liệt và lạnh lùng, không chừa một lối thoát êm ả nào cho những tâm hồn yếu đuối. Tôi gục đầu xuống bàn.

Sư phụ ơi! Sao Người lại ra đi vội vàng như thế…

Leiden, những ngày cuối đông
Diệu Thúy

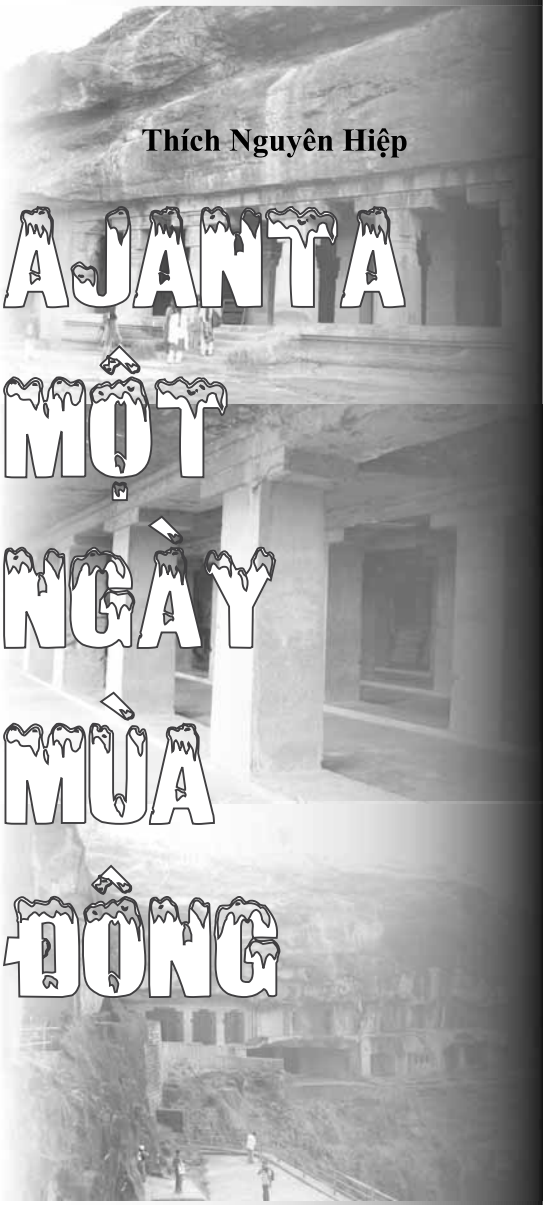

Thích Nguyên Hiệp

AJANTA MỘT NGÀY MÙA ĐÔNG

Những phiến đá nâu xám xếp lớp phơi mình giữa đám cây cối căn khô đang vào mùa trút lá. Quần thể hang động Ajanta nép mình bên triền đồi hiện ra rõ nét hơn dưới lớp nắng hanh vàng của một ngày mùa đông không sương khói. Nó đã nằm đó hơn hai ngàn năm, phơi mình với tuế nguyệt, với lãng quên, với nỗi thiết thống hưng phế nhỏ lệ trên những phiến đá u buồn trầm tịch!

Ba mươi động đá, là những ngôi chùa, những thiền đường, những tăng phòng được hình thành bởi công sức của bao đời người khắc đục, giờ nằm im lìm hướng mặt về thung lũng, làm chứng tích cho sự hưng thịnh một thời của Phật giáo ở vùng đất này. Cái kỳ vĩ của những ngôi chùa bằng đá vẫn còn đó, nét tinh xảo của những bích hoạ vẫn còn lưu dấu đó, nhưng sức sống của Phật giáo thì không còn. Những cái phụ thuộc, phần tô điểm cho cái chính ngậm

ngùi nhìn hậu thế quay về tham quan và tìm hiểu, còn cái chính đã được dồn về bảo tàng quá khứ xa xăm!

Những ngôi chùa đá này bắt đầu được đục khắc vào thế kỷ thứ II (tr. TL) và kết thúc vào thế kỷ thứ VII (TL), từ thời kỳ các bộ phái Hinayana Phật giáo thịnh hành ở vùng đất này cho đến thời điểm Phật giáo Đại thừa phát triển, từ thời điểm tượng Phật chưa được phụng thờ cho đến khi yếu tố Mật giáo in dấu lên các pho tượng Phật và những vị Bồ-tát. Chín trăm năm cho 30 hang động lần lượt ra đời, để rồi sau 1200 năm bị vùi lấp trong quên lãng, tình cờ được khám phá và trở thành một di sản thế giới qua công nhận của UNESCO.

Các hang động phần lớn vẫn giữ được hình hài nguyên thuỷ của nó, nhờ không có sự tàn phá của con người. Thời gian thật khắc nghiệt những cũng đầy nhân từ, đẩy đưa vạn vật trở về cát bụi theo một lộ trình tiệm thoái. 1200 trăm năm bị bỏ quên, chúng vẫn còn lưu giữ được hình hài dù khi nằm im lìm trong rừng sâu, chịu sự bào mòn của nắng mưa, và làm nơi cho muông thú trú ngụ. Vị trí địa lý heo hút đã giúp chúng thoát khỏi sự đập phá mà những thánh tích Phật giáo ở những nơi khác đã gánh chịu bởi bàn tay và đầu ốc của những con người khác niềm tin.

Ba mươi hang động mà ngày xưa là những ngôi chùa riêng biệt, nay được nối lại với nhau thành một quần thể. Ba mươi hang động mà ngay xưa các thế hệ tăng lữ thuộc nhiều truyền phái Phật giáo đã làm nơi tu hành, và hẳn có lúc không bằng lòng với nhau về vấn đề tư tưởng và triết thuyết, nay chỉ còn là một dấu lặng trầm thống trên nền nhạc im bặt vì thanh âm đã bay đến những chân trời xa. Động đá thứ tư, là ngôi chùa lớn nhất của quần thể này, nhưng là ngôi chùa chưa hoàn tất, để lại hình hài dang dỡ của mình cho hậu thế ngậm ngùi suy nghẫm.

Ai đã khắc đục nên những ngôi chùa đá này? Những sử gia và những nhà khảo cổ học

không biết. Người ta đoán chứng rằng do các tăng sĩ Phật giáo thực hiện, ít nhất là những hang động thuộc thời kỳ đầu. Nhóm động được xây dựng dưới triều đại Gupta thì được các vua chúa bảo trợ, nhưng vẫn không biết được ai là người làm nên, cả những bức bích họa kiệt xuất lạ lùng kia, vẫn chưa rõ là tăng hay tục vẽ. Một bí ẩn lớn đối với mọi người như sự lạ kỳ của việc Phật giáo biến mất khỏi xứ sở này!

Các thầy đã đục đá trong núi làm chùa và đã để lại cho hậu thế một kỳ quan. Di tích đồ sộ còn lại đó cho thấy rằng ít nhất có chín thế kỷ Phật giáo sinh hoạt mạnh mẽ tại vùng đất heo hút này, và nó đã nhận được sự bảo trợ đầy nhiệt huyết của các bậc vua chúa. Nhưng sự tiếp nối đã không được truyền lưu khi từ sau thế kỷ thứ VII Phật giáo bắt đầu dần suy tàn nơi vùng đất đã khai sinh ra mình. Dù quy mô, dù biết bao công sức của những thế hệ tiếp nối chạm đục từng mẫu đá cho những ngôi chùa đồ sộ hình thành, nhưng rồi trở thành phế bỏ khi không còn người gìn giữ. Yếu tố con người thật quan trọng xiết bao! Những ngôi chùa đồ sộ chỉ có sự sống khi giáo lý của đức Phật còn có người lưu giữ, được truyền bá và có người hành theo. Bài học này vẫn còn quá khó thuộc đối với chúng ta!

Các thầy đã đục đá làm chùa tu hành. Quả tu của các thầy không ai có thể biết nhưng những ngôi chùa đá còn lại đó đủ để hậu thế thán phục đức làm việc bền bỉ, khả năng điêu khắc và họa vẽ tinh xảo của các thầy. Giờ đây chúng nằm đó, cho những người đủ mọi xứ sở, mọi tôn giáo trở về chiêm ngưỡng, nghiêng mình cảm phục và rồi… quên. Và chúng cũng nằm đó, cho những người con Phật đến từ những đất nước khác nhau, ngậm ngùi xót xa.

Cố gắng truyền rộng và gìn giữ giáo pháp lâu dài cho cuộc đời là nỗ lực của những người con Phật qua nhiều thế hệ. Sự phân chia bộ phái sau thời đức Phật, ở gốc độ tích cực là để phát triển giáo thuyết của đức Phật

theo từng phương cách khác nhau. Nhưng phân phái tự trong bản chất đã là sự phân rẽ, nên không tránh khỏi sự phán xét là đã khiến cho Phật giáo suy vong. Có ai có thể lường được những ý muốn của mình sẽ đưa đến những hậu quả gì về sau!

Vạn vật đều chuyển động như vòng quay bánh xe. Một vương quốc sẽ suy thoái khi vị vương chủ không sống theo vương pháp, khiến cho thiên xa biến mất khỏi bầu trời. Điều đó Thế Tôn đã nêu ra trong kinh *Cakkavati Sīhanāda*. Cũng tương tự như vậy đối với tôn giáo. Chánh pháp khi không có người thực hành, Pháp luân khi không được vận chuyển thì nó sẽ lặn xuống, hoặc dần dần, hoặc chóng vánh. Xa luân là tượng trưng cho sự tiến bộ, cho sự vận động. Khi thiên luân biến mất khỏi bầu trời, sự chuyển động không còn, vương quốc sẽ suy thoái. Pháp luân khi không được hậu thế chuyển vận, sẽ dần biến mất khỏi cuộc đời, đạo giáo sẽ suy vong. Những giáo huấn trong kinh *Cakkavati Sīhanāda* đâu chỉ bảo với các tỳ-kheo rằng *"nếu các thầy đi lại trong giới hạn được phép của mình, trong giới hạn Tổ phụ các thầy truyền lại, thì ma vương sẽ không có cơ hội để xâm nhập..."*, mà còn là triết lý về sự vận hành, dịch chuyển và thịnh suy của vạn pháp ở cõi đời…

Rời Ajanta khi nắng chiều đổ thêm màu vàng sẫm xuống đồi núi. Cửa động được khép lại sau một ngày đón hàng ngàn khách trở về tham quan. Miệng trở nên chát đắng bởi cơn bệnh vẫn chưa qua khỏi, và bởi cái dư vị còn lại sau một buổi ruỗi rông qua từng hang động. Xe lăn bánh ra khỏi vùng đồi. Những cánh đồng lúa mì vàng ươm trãi ra mênh mông đến tận chân núi. Thi thoảng trên những cánh đồng bát ngát ấy xuất hiện một lá cờ ngũ sắc Phật giáo, lặng lẽ, phất phơ. Mắt cay cay và lòng thấy dịu lại sau những xung động tâm thức. Một giọt nước mắt ứa ra, do vướng phải một hạt bụi đường bay qua!

Chuông ngân vọng tiếng Hải triều

Nhuận Triều Minh

Vượt Trường sơn nghìn dặm Bắc Nam, nhìn nắng đọng sân chùa khách có biết mấy lần dâu biển?

Ngắm sông bạc một màu chung thủy, lắng chuông ngân đầu cỏ, người không hay một thoáng Vô vi.1

Cái khoảnh khắc nhẹ nhàng, sâu lắng ấy đi vào lòng người như tiếng chuông thâm tình giữa biển đời nhiều nỗi bon chen danh lợi phù phiếm. Thả chiếc lá xuống dòng sông, người lữ hành có đếm được vô thường trong từng sự chuyển dịch. Chút ánh nắng còn đọng lại bên hiên chùa, sưởi ấm lòng người cô lữ mệt mỏi, sau năm tháng làm khách phong trần, *ngày vắng, quê xa vạn dặm trường* để bôn ba truy nguyên nhận thức. Để rồi, khi hạt sương mong manh sương khói trên đầu ngọn cỏ vang vọng bản kinh chiều vô ngôn giữa thinh không vắng lặng, ta lại tìm ta trong một thoáng vô vi.

Tiếng chuông ngân ngợi trong đêm vắng

Thử hỏi hồn ai đã tỉnh chưa?

Lắng đọng cõi lòng hướng về dòng sông xưa. Những con sóng rì rào như khúc Nghê thường diễn tấu bản thiền ca Hải triều. Tiếng vỗ vào đá, âm vọng lan xa. Lòng người lữ khách có phôi pha khi đơn độc giữa sơn hà bi lụy.

Để rồi, xen lẫn trong âm ba sóng vỗ ấy, tiếng chuông khua thức tỉnh giữa cơn mê. Quê hương lữ thứ, mãi làm khách phong trần trên nẻo đường truy nguyên nhận thức về một kiếp sống phù sinh. Tiếng gọi cõi lòng rời Hóa thành về Bảo sở, thôi thúc chinh nhân hướng về mái ấm tình quê. Tiếng chuông sao đậm đà, gần mà xa đó, niềm riêng - chung như thể giải bày!

Một bến nước bên dòng sông, con đò thấp thoáng xa xa, rồi tiếng chuông chùa văng vẳng, đôi lúc giật mình tưởng tiếng gọi đò đưa khách qua sông. Cuộc sống bình dị và mộc mạc quá. Sự bình dị và mộc mạc ấy có đơn điệu không? Nỗi niềm khơi vơi của cõi lòng sẽ nhận chân được sự hiện hữu giản đơn đến đơn giản, và rồi, khi chắp thêm đôi cánh thi ca, bóng dáng đơn sơ ấy sẽ là ngôn ngữ - không – ngôn ngữ cho sự nhiệm mầu của cuộc đời. Song mơ mộng quá sẽ không thấy tuyệt vời mà ân tình này chỉ dành cho những ai có sự thức tỉnh giữa cuộc thế!

"Gót danh lợi bùn pha sắc xám
Mặt phong trần nắng nám mùi dâu
Nghĩ thân phù thế mà đau
Bọt trong bể khổ bèo đầu bến mê"

(Nguyễn Gia Thiều, Cung oán ngâm khúc)

Trong dòng chảy của thời gian, năm tháng lững lờ trôi, tiếng chuông chùa như tiếng gọi thân thương từ cõi vĩnh hằng đưa người về với thực tế, là tặng vật vô giá của cõi phù sinh đầy bon chen danh lợi. Để, trong kiếp nhân sinh, tha hương tìm cầu vật chất hay tri thức trên mọi nẻo đường vời vợi; chiếc lá ngô đồng rơi cuối thu, trong cảnh đêm tĩnh mịch, không âm thanh cọng hưởng mà sao âm vọng cõi lòng lại rúng động đến thê lương. Chiếc lá rơi cuối con đường tĩnh mịch, kiếp người có khác lá vàng giữa chiều thu.

Nỗi niềm u hoài về chốn xưa, quê hương trong từng gốc cây, hốc đá, trong những con đò, bến nước lũy tre đầy khói lam chiều.

"Chuông vẳng nơi nao nhớ lạ lùng
Ra đi ai chẳng nhớ chùa chung
Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của Tổ tông."

(Huyền Không, *Chùa làng*)

Âm ba tiếng chuông triêu mộ giữa chốn Thần kinh đã đi vào

thơ ca lẫn văn học dân gian như một điển tích cho một thời vàng son đã phai nhạt trong trường nhân thế. Ngược bến Kim Long, hướng về thượng nguồn Hương giang, tiếng chuông Thiên Mụ la đà trên mặt nước, nhưng âm vang lại dưới dòng sâu. Những đêm lặn dưới chân cầu Bạch Hổ, để mơ màng nghe được tiếng chuông ngân.

Vào tiết mưa Ngâu, tháng bảy mịt mù sương khói, giong thuyền giữa khuya thả từ Văn Thánh về xuôi, những mong nghe tiếng chuông khuya giữa sông nước để có thể nhớ về thi sĩ Trương Kế với tiếng chuông chùa Hàn San.

月落烏啼霜滿天，江楓漁火對愁眠。

姑蘇城外寒山寺， 夜半鐘聲到客船。

（張繼，楓橋夜泊）

Trăng tà tiếng quạ kêu sương
Lửa chài cây bến sầu vương giấc hồ
Thuyền ai đậu bến Cô Tô
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San.

(Tản Đà *dịch*)

Trong không gian u lắng, tịch mịch, ánh trăng nửa vành nghiêng mình treo giữa khoảng không. Tiếng quạ rớt qua làn sương mờ ảo như tiếng tơ lướt nhẹ qua từng phím đàn. Ánh nến ai le lói cuối đêm dài, hay là của ông chài cần mẫn trong chuyện mưu sinh. Cây phong bờ sông đỏ rực như ánh lửa chiều tà với niềm cô quạnh. Nỗi buồn hoài cổ hay mơ về một cung đàn xưa, giọt sầu nặng như hạt mưa, màn the cung Quế, lưa thưa lạnh lùng. Nghe lòng mình xao xuyến nỗi cô liêu. Chợt, trong khoảnh khắc ấy, tiếng chuông chùa thanh thoát, u nhã, huyền nhiệm mời con người trở về với giây phút hiện tại.

Chuông sương kêu gọi hồn kim cổ
Lầu gió đi về bóng sắc không

Đâu đây, triết lý sắc - không ai treo giữa con đường, kẻ mộng mị vướng bận đến thê lương. Nhân tình thế thái, hệ lụy thị phi; nhân ngã bỉ thử, này kia đây đó, có không, thường hằng. Các cặp đôi như bỡn cợt kiếp người.

Mặc ai tranh bá đồ vương
Trẫm xin gửi lại nắm xương chùa này.

Một vị vua ngai vàng đã sẵn, quyền lực trong tay, nhưng không cần tranh giành với ai mà

đã buông xả khi nhận ra lẽ vô thường. Vua Trần Nhân Tông, vị vua khai sáng dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử, tấm gương lớn trước mắt nhưng người sau mịt mờ, tận lực xả thân nắm bắt bóng nước, nắng chiều, khi ngày tháng lạnh lùng qua đi không chờ, chẳng đợi.

Trong văn học Hồi-giáo có một nhân vật tên là Nasrudin. Có lần ông ngồi trước một đĩa ớt đầy ắp, say sưa bốc hết trái này tới trái kia, nhai, nuốt, nước mắt nước mũi chảy ròng ròng, miệng xuýt xoa vừa khóc, vừa mếu. Một người thương tình hỏi lý do, Nasrudin vừa ăn, vừa phân trần: "*Tôi nghĩ, thế nào cũng phải có một trái ngọt chứ!*"

Vì tranh đua danh lợi, vết thời gian lùi dần, tiêu pha đời mình trong mùi men nhạt có khác chi thái độ kỳ dị của Nasrudin? Nhưng ông muốn thức tỉnh kiếp người, đừng tiêu phí phút giây cho sự tranh đua trăm cay nghìn đắng để tìm vị ngọt ngào hư ảo!

Giờ đây, muốn tiêu sái ngoài vướng bận đời thường, hãy lắng lòng thả hồn theo từng cung bậc trầm lắng của tiếng chuông Huyền Quang đại sĩ gióng lên giữa cõi vô thường:

延祐寺
上方秋夜一鐘闌，
月色如波楓樹丹。
鴟吻倒眠方鏡冷，
塔光雙峙玉尖寒。
萬緣不擾城遮俗，
半點無憂眼放寬。
參透是非平等相，
魔宮佛國好生觀。

Chùa Diên Hựu
Đêm thu chùa thoảng tiếng chuông tàn
Phong đỏ, trăng ngời, sóng nguyệt tan
In ngược hình chim gương nước lạnh
Sẵm đôi bóng tháp ngón tiêu hàn
Muôn duyên chẳng vướng xa trần tục
Một mảy nào lo: rộng nhãn quang
Thấu hiểu thị phi đều thế cả
Dầu Ma, dầu Phật, chốn nào hơn?
(Huệ Chi *dịch*)

Từ trong sâu lắng, vẻ đẹp tiếng chuông chùa thanh thoát được kết tinh xưa nay, một giai điệu cao vút mà thanh tao, thoát tục. Trong dòng chảy của nghiệp cảm, trong dòng đời xuôi ngược, bôn ba trên mọi nẻo đường. Hãy

lắng đọng tâm tư, dành một phút nhìn vào tâm khảm, biết đâu, tiếng chuông chùa sẽ giúp chúng ta thấy rõ chính mình. Gương mặt xưa nay, thực tại bây giờ trong một tiếng chuông khua!

Trang giới thiệu:

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN-NXB TÔN GIÁO
Việt dịch và chú giải: Đoàn Trung Còn & Nguyễn Minh Tiến
Đây là bộ kinh Đại thừa đề cập đến hầu như tất cả những vấn đề liên quan đến sự tu tập của người Phật tử, là những lời dặn dò, chỉ dạy cuối cùng của đức Như Lai ngay trước lúc nhập Niết-bàn. Một cách đại lược, kinh này đề cập đến những nội dung chính như sau:
1. Làm phát khởi đức tin sâu xa theo Đại thừa, giúp người Phật tử xác định rõ con đường tu tập.
2. Nói rõ về sự thường tồn của thể tánh Như Lai, chính là mục đích tối thượng của sự tu tập.
3. Sự cần thiết phải thể nhận năng lực giác ngộ hay tánh Phật của tất cả chúng sanh.
4. Mối tương quan cùng tồn tại trong mỗi chúng sanh phàm phu giữa năng lực giác ngộ tiềm tàng và nguy cơ sa đọa vì thiếu đức tin.
5. Phân biệt rõ giữa những lời dạy chân chánh của đức Như Lai với những tà thuyết sai lầm.
6. Nhận thức rõ ý nghĩa các phương tiện thuyết giáo quyền thừa nhằm mục đích dẫn dắt.
7. Thuyết giảng về cảnh giới giải thoát với các thuộc tính thường tồn, an vui, chân thật và thanh tịnh.
8. Thuyết giảng về bốn tâm vô lượng: từ, bi, hỷ, xả.
9. Thuyết giảng về mối quan hệ giữa nghiệp nhân đã tạo và kết quả phải nhận lãnh.
10. Nhận thức rõ về ý nghĩa thật sự của dòng sinh tử tiếp nối không dừng trong Ba cõi.
Ngoài những nội dung chính này, kinh văn còn đề cập đến rất nhiều vấn đề khác trong sự tu tập. Tất cả đều được trình bày sinh động qua các hình thức vấn đáp và biện luận giữa đức Phật và các vị Bồ-tát, hoặc được minh họa qua những câu chuyện kể với tình tiết và ý nghĩa liên quan.
Toàn bộ nội dung kinh có thể đọc miễn phí tại website Rộng mở tâm hồn: http://rongmotamhon.net trong phần KINH ĐIỂN.
Trọn bộ kinh gồm 8 quyển, trình bày đủ bốn phần: Hán văn, chú âm, Việt dịch và chú giải, với hơn 4.500 trang in trên giấy trắng tốt, bìa cứng giả da, tên kinh mạ nhủ vàng, có hộp cứng bảo vệ. Quý vị muốn thỉnh kinh xin liên hệ: nguyenminh@rongmotamhon.net để biết chi tiết. Hoặc gửi thư về: Nguyễn Minh Tiến - ấp 3, xã Sông Xoài, huyện Tân Thành, tỉnh BRVT. Hoặc gọi điện về số: 0988 632 379.

Quả Xuân

Hồng nàn, sinh động

Thơ Trần Mộng Tú Nhạc Khánh Hoàng

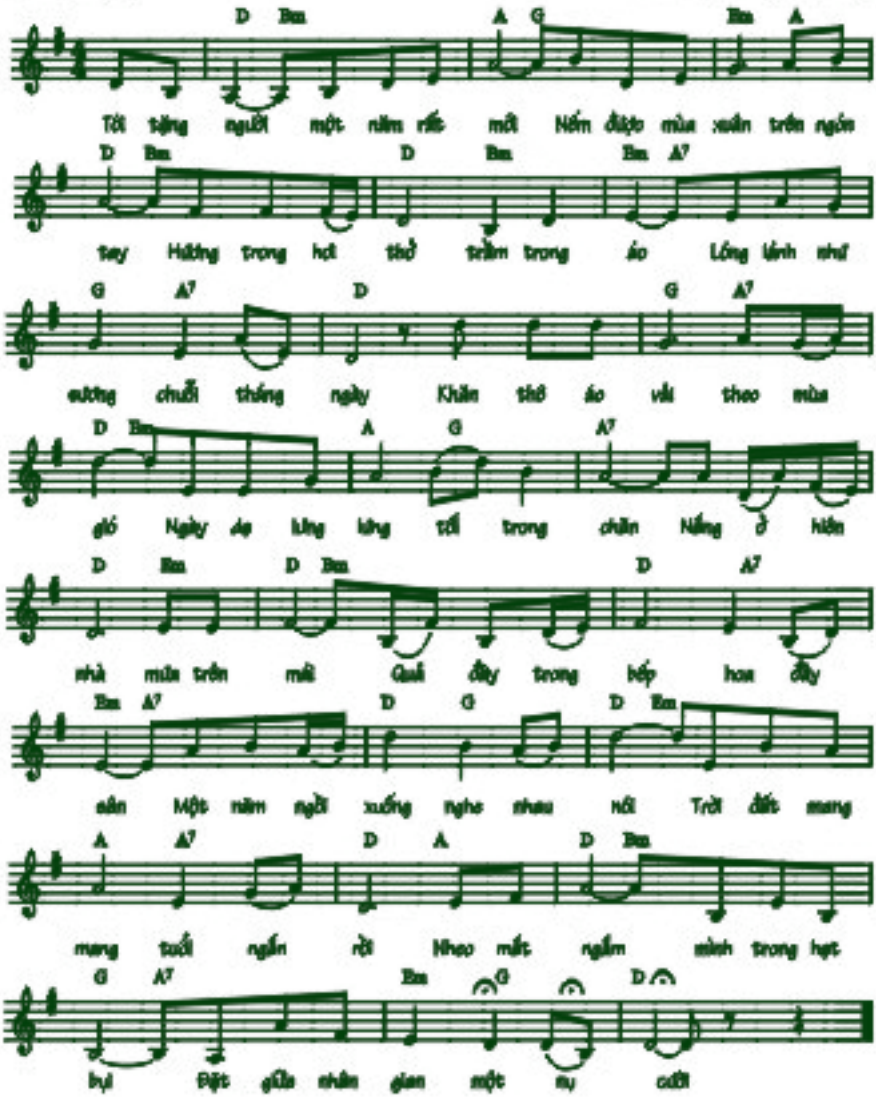

Rộn ràng bước nhịp hương vương gót
Nhựa mạnh tuôn trào tưởng dính chân

(Lửa thiêng - Trần Minh Tông)

Bài viết và thư từ xin gửi: hoangphapvn@gmail.com
www.hoangphap.info